

ISSN 1859-4212

SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

ĐẶC SAN

Khoa học và Công nghệ

SỐ 1
2021



*Chúc mừng
năm mới*
Xuân Tân Sửu 2021

TRONG SỐ NÀY

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

10 sự kiện nổi bật của ngành KH&CN Quảng Trị năm 2020	4
Chủ động, kiến tạo trong phát triển nền kinh tế số	BBT 10
Một số định hướng phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Quảng Trị năm 2021	Trần Ngọc Lâm 22
Khởi dậy trí tuệ qua cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2020	Tạ Sáu 29
Kết quả hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN năm 2020 và giải pháp trong thời gian tới	Thái Thị Nga 34
	Đào Ngọc Hoàng 34

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

Nhận thức của người dân về các điều hò Quảng Trị qua kết quả điều tra xã hội học	46
	Nguyễn Thị Tâm Hạnh, Hoàng Thị Ái Hoa, Lê Đình Hào
Nghiên cứu đề xuất bổ sung một số giải pháp cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở tỉnh Quảng Trị	53
	Trần Anh Tuấn

KHOA HỌC VÀ ĐỜI SỐNG

Ứng dụng khoa học và công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng gần với công nghệ chế biến sâu gỗ rừng trồng của tỉnh	62
	Nguyễn Hồng Phương
Huyện Gio Linh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế xã hội	69
	Trần Lương Sơn

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cam Lộ	73
	Nguyễn Minh Đức
Tín ngưỡng thờ thủy thần của người Việt Quảng Trị	78
	Cái Thị Vượng
Làng Võ Xá - Nơi lưu giữ lệ tục dựng cây nêu ngày tết ở Quảng Trị	86
	Hoàng Ngọc Thiệp

HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TẤM GƯƠNG ĐẠO ĐỨC HỒ CHÍ MINH

Ngày tết học tập tinh thần tiết kiệm của Bác Hồ	96
	Nguyễn Quốc Thanh

ISSN 1859-4912
SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ

ĐẶC SAN
Khoa học và Công nghệ

Số 1
2021



10 sự kiện nổi bật của ngành Khoa học và Công nghệ Quảng Trị năm 2020

Chúc mừng năm mới
Xuân Tân Sửu 2021

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN

ThS. Trần Ngọc Lâm
Giám đốc Sở KH&CN Quảng Trị

CƠ QUAN THỰC HIỆN

Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN. Địa chỉ: Đường Điện Biên Phủ - Đông Lương - Đông Hà - Quảng Trị. Điện thoại: 0233. 3857030
Email: dacsan.khcn.kt@gmail.com

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN

Số: 139/GP-XBDS ngày 10/12/2020 của Cục Báo chí - Bộ Thông tin và Truyền thông. In 100 cuốn, khổ 20x28cm tại Công ty TNHH Song Lam, 47 Lê Thế Hiếu - Đông Hà - Quảng Trị. In xong và nộp lưu chiểu tháng 2/2021

Ảnh bìa: Xuân Ngo



SỞ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ
Chào mừng năm mới

2021



Nhân dịp năm mới Xuân Tân Sửu 2021, Ban Biên tập Đặc san Khoa học và Công nghệ Quảng Trị trân trọng gửi đến các đồng chí lãnh đạo, các nhà quản lý, các nhà khoa học, cộng tác viên và bạn đọc gần xa lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

BAN BIÊN TẬP
ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ



10 SỰ KIỆN NỔI BẬT CỦA NGÀNH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ QUẢNG TRỊ NĂM 2020

Năm 2020, một năm đầy khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19 và thiệt hại do thiên tai, tỉnh Quảng Trị đã chủ động xây dựng các kịch bản, tổ chức các giải pháp đồng bộ, hiệu quả, thực hiện thành công “mục tiêu kép” vừa đảm bảo phòng, chống dịch bệnh COVID-19, vừa đảm bảo mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Trong bối cảnh chung đó, Ngành Khoa học và Công nghệ (KH&CN) đã nỗ lực phấn đấu, gặt hái nhiều kết quả quan trọng trên tất cả các lĩnh vực, đặc biệt đã chủ động, đi đầu trong tham gia cuộc cách mạng công nghiệp 4.0, tham mưu các cấp có thẩm quyền ban hành các chính sách quan trọng liên quan đến hỗ trợ doanh nghiệp, ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao trong sản xuất nông nghiệp, truy xuất nguồn gốc, khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... Đặc san Khoa học và Công nghệ số Đặc biệt đón chào năm mới 2021 - Xuân Tân Sửu điểm lại hoạt động khoa học và công nghệ tỉnh Quảng Trị nổi bật trong năm 2020.

1 Ngành Khoa học và Công nghệ chủ động đi đầu trong tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0. Tham mưu trình UBND tỉnh trình Tỉnh ủy ban hành Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/08/2020 về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Tham mưu UBND tỉnh ban hành và chủ trì tổ chức thực hiện Kế hoạch số 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 Kế hoạch triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy “về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”. Theo đó, mục

tiêu đến năm 2025 cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Đến năm 2025 thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị đáp ứng các tiêu chí cơ bản



Ứng dụng công nghệ 4.0 trong sản xuất Lan Hồ Điệp tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa. Ảnh: Sỹ Tiến



của đô thị thông minh, kinh tế số chiếm khoảng 20% tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP), đến năm 2030 phủ sóng mạng di động 5G, hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử, triển khai đồng bộ hệ thống các dịch vụ thiết yếu thông minh để phục vụ người dân. Ngành Khoa học và Công nghệ tập trung nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ mới, công nghệ cao trong phát triển các sản phẩm cụ thể, phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương, từng ngành và các công nghệ chiến lược, nền tảng của CMCN 4.0, có tác động lan tỏa đến các ngành, lĩnh vực.

2 Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2020 phát động đã thu hút đông đảo cá nhân, tổ chức trên địa bàn tỉnh tham gia, bước đầu tạo sức hút đối với Startup Quảng Trị, khơi dậy và tạo ra sự lan tỏa mạnh mẽ phong trào Khởi nghiệp đổi



Đồng chí Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ trao giải thưởng cho 02 dự án đạt giải nhì tại Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2020. Ảnh: Hải Yến

mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Kết quả, Ban Tổ chức đã chọn ra được 02 giải nhì (“Khởi nghiệp trang trại chăn nuôi thông minh, cung cấp sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sạch bằng ruồi lính đen” của nhóm tác giả Ngô Thành Sơn, Lê

Thanh Tùng và dự án “Bột rau củ sấy lạnh” tác giả Lê Hồng Nguyên), 01 giải ba (“Farmstay vườn hoa du lịch Hoa sơn điền trang” tác giả Nguyễn Thị Hoài Ly) và 03 giải khuyến khích.

3 Triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ ứng dụng và nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025. Năm 2020, Sở Khoa học và Công nghệ



Đánh giá, nghiệm thu kết quả các dự án đăng ký thuộc Chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2025, thực hiện năm 2020. Ảnh: Sỹ Tiến

đã tham mưu UBND tỉnh phê duyệt kinh phí hỗ trợ cho 36 đối tượng/dự án với tổng kinh phí 1.129 triệu đồng. Việc hỗ trợ đã giúp nhiều doanh nghiệp bứt phá vươn lên tiếp cận thành tựu KH&CN tiên tiến; đổi mới công nghệ, thiết bị nâng cao chất lượng, giá trị, gia tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm hàng hóa; đẩy mạnh công tác ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất; ứng dụng các kết quả, các sản phẩm KH&CN vào thực tiễn sản xuất như: Các loại chế phẩm vi sinh vật, tư vấn chuyển giao các quy trình công nghệ về sản xuất nắm ăn, nắm dạn, nắm rau, hoa và các sản phẩm chế biến nghiên cứu sâu.

4

Tham mưu UBND tỉnh ban hành nhiều chính sách quan trọng về hoạt động sở hữu trí tuệ, tiêu chuẩn đo lường chất lượng, truy xuất nguồn gốc như: Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 01/06/2020 về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 5883/KH-UBND về thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 định hướng đến 2030; Quyết định số 1928/QĐ-UBND về việc ban hành Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh



Tăng cường đổi mới hoạt động đo lường, hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao sức cạnh tranh.

Ảnh: Sỹ Tiến

và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Tích cực đẩy mạnh công tác hỗ trợ doanh nghiệp phát triển tài sản trí tuệ, xây dựng và phát triển thương hiệu, góp phần nâng cao chất lượng, danh tiếng của các sản phẩm nổi bật, đặc biệt là các sản phẩm chủ lực của tỉnh. Năm 2020, Sở đã hướng dẫn hồ sơ xác lập 19 nhãn hiệu các loại (09 nhãn hiệu tập thể, 01 nhãn hiệu chứng nhận và 09 nhãn hiệu thông thường).

5

Tích cực triển khai công tác nghiên cứu, ứng dụng, chuyển giao các tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống. Thông qua đó đã góp phần hỗ trợ người dân, doanh nghiệp nâng cao đời sống, phát triển sản xuất, phục vụ tích cực cho phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Tập trung triển khai các dự án sản xuất thử nghiệm, các dự án KH&CN về phát triển các sản phẩm hàng hóa chủ lực, tiềm năng, có triển vọng, tập trung ứng dụng, chuyển giao công nghệ cao, công nghệ mới, như các đề tài: “Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa



Kiểm tra tiến độ thực hiện đề tài “Nghiên cứu xây dựng mô hình ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị”. Ảnh: Sỹ Tiến

học và công nghệ trong nuôi cá chình lồng tại Quảng Trị”; “Ứng dụng công nghệ sản xuất và sử dụng chế phẩm Probiotic bổ sung thức ăn nuôi trồng thủy sản phù hợp tại tỉnh Quảng Trị”; “Nghiên cứu, khảo nghiệm tập đoàn giống lúa mới ngắn ngày, chất lượng cao và phục tráng giống lúa HC95”.

6

Phát huy những kết quả đạt được trong ứng dụng công nghệ sinh học, công nghệ cao vào sản xuất các loại hoa cao cấp. Năm 2020, Trạm Nghiên



cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa đã thành công ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất các loại hoa Lan Hồ Điệp, Tulip, Hoa Lily, hoa Đồng Tiền, hoa Hồng Môn và một số cây lá cảnh trang trí có giá trị khác. Tiếp tục xây dựng mô hình các loại cây có giá trị kinh tế cao như Dâu tây, Cà chua siêu ngọt; nghiên cứu



Mô hình trồng thử nghiệm Lan Kim tuyến tại Sa Mù. Ảnh: Sỹ Tiến

thử nghiệm một số đối tượng dược liệu mới như Lan Kim Tuyến,... Đây được xem là mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và công nghệ 4.0 đầu tiên của tỉnh Quảng Trị. Đặc biệt trong năm 2020 đã mở rộng cơ sở 2 tại xã Hướng Phùng, Hướng Hóa... Hy vọng với sự mạnh dạn, đi đầu trong việc ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất các loại hoa, cây quý trên địa bàn đạt nhiều kết quả hơn nữa, để giúp người dân nhân rộng, phát triển kinh tế.

7 Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất và phát triển một số loại sản phẩm từ thảo dược như Dây Thìa Canh, Đinh Lăng. Đặc biệt là nghiên cứu sản xuất thành công trà hòa tan Giảo Cổ Lam - sản phẩm hình thành từ Đề tài Nghiên cứu khoa học cấp tỉnh “Nghiên cứu quy trình sản xuất và thương mại hóa sản phẩm Trà thảo dược hòa tan

Giảo Cổ Lam từ nguồn nguyên liệu tự nhiên trên đảo Cồn Cỏ”. Giúp hình thành vùng nguyên liệu trên địa bàn, góp phần phát triển kinh tế người dân địa phương.



Trà hòa tan Giảo Cổ Lam - sản phẩm hình thành từ Đề tài “Nghiên cứu quy trình sản xuất và thương mại hóa sản phẩm Trà thảo dược hòa tan Giảo Cổ Lam từ nguồn nguyên liệu tự nhiên trên đảo Cồn Cỏ”.

Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

Hiện nay, nguồn nguyên liệu đang được khai thác hoàn toàn tự nhiên nên dần cạn kiệt. Do đó, cần có những chính sách hỗ trợ người dân mở rộng vùng nguyên liệu hiện có để đáp ứng tốt nhu cầu phát triển sản xuất và phát triển kinh tế.

8 Năm 2020, tiếp tục triển khai có hiệu quả 05 dự án thuộc Chương trình Nông thôn miền núi nhằm tập trung phát triển các cây, con chủ lực, tiềm năng của địa phương để hỗ trợ cho người dân vùng ven biển phát triển sản xuất, ổn định đời sống sau sự cố môi trường biển. Dự án “*Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị*” qua 03 năm thực hiện đã đem lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế, xã hội và môi trường cho người dân



HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

vùng thực hiện dự án, được các cấp có thẩm quyền nghiệm thu, đánh giá cao. Các dự án “*Ứng dụng công nghệ sản xuất giống nấm dạng dịch thể, phục vụ nuôi trồng, chế biến nấm theo chuỗi giá trị cho người dân vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển và*



Dự án “*Ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ trong chăn nuôi bò nhằm chuyển đổi sinh kế cho người dân ở vùng cát ven biển chịu ảnh hưởng sự cố môi trường biển tỉnh Quảng Trị*” qua 03 năm thực hiện đã đem lại hiệu quả rõ rệt về kinh tế, xã hội và môi trường cho người dân. Ảnh: Sỹ Tiến

miền núi tỉnh Quảng Trị”; “*Xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao sản xuất hoa lan hồ điệp, hoa lily tại Quảng Trị*”; “*Ứng dụng tiến bộ KH&CN xây dựng mô hình chuỗi giá trị trong sản xuất lạc an toàn theo VietGAHP tại tỉnh Quảng Trị*”; “*Xây dựng mô hình chăn nuôi gà thịt trang trại tiêu chuẩn VietGAHP theo chuỗi giá trị tại vùng cát tỉnh Quảng Trị*” được triển khai theo đúng tiến độ, đạt các yêu cầu của các nhiệm vụ đã đề ra.

9 Đẩy mạnh hợp tác KH&CN. Năm 2020, Sở KH&CN đã hợp tác với Viện Nghiên cứu Miền Trung và thống nhất về việc phối hợp nhằm thực hiện thành công các chiến lược để phát triển CNSH giai đoạn 2021-2025 của tỉnh; Ưu tiên các nhiệm

vụ trong lĩnh vực CNSH gồm nuôi cấy mô tế bào, sinh học phân tử, sản xuất các chế phẩm cải tạo đất, đối kháng bệnh; Lĩnh vực chống biến đổi khí hậu; Lĩnh vực bảo tồn quỹ gen. Đã ký biên bản hợp tác với Trường Đại học Khoa học Huế về kế hoạch hợp tác KH&CN giai đoạn 2021 - 2025, trong đó đặc biệt tập trung vào lĩnh vực công nghệ sinh học như ứng dụng tiến bộ KH&CN để đánh giá hoạt chất sinh học, nhân giống và phát triển các loại cây dược liệu quý;



Ký biên bản hợp tác với Trường Đại học Khoa học Huế về kế hoạch hợp tác KH&CN giai đoạn 2021 - 2025. Ảnh: Sỹ Tiến

các giải pháp nâng cao năng suất trong nuôi thủy sản,...Đặt hàng Trường Đại học Nông Lâm Huế thực hiện nhiều dự án, đề tài của tỉnh... Hoạt động đẩy mạnh phối hợp với các Viện, trường trong và ngoài tỉnh đã giúp ngành KH&CN khai thác được nguồn nhân lực chất lượng cao vào thực hiện các chương trình, đề tài, dự án của tỉnh.

10 Tổ chức thành công Đại hội Đảng bộ Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Quảng Trị lần thứ XI, nhiệm kỳ 2020 - 2025. Đại hội đã đề ra phương hướng, nhiệm vụ và giải pháp nhằm từng bước phát huy



Ban Chấp hành Đảng bộ Sở KH&CN Quảng Trị nhiệm kỳ 2020 - 2025. Ảnh: Hải Yến

vai trò động lực của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Theo đó, trong những năm tới, ngành tiếp tục đổi mới mạnh mẽ, đồng bộ cơ chế quản lý, tổ chức, hoạt động KH&CN; Rà soát, hoàn thiện quy hoạch phát triển các lĩnh vực KH&CN

theo hướng gắn kết chặt chẽ với quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, quy hoạch phát triển ngành, địa phương; Cơ cấu lại các chương trình, nhiệm vụ KH&CN theo chuỗi giá trị của sản phẩm, tạo giá trị gia tăng, đi sâu nghiên cứu ứng dụng tiến bộ KH&CN để phát triển “6 cây, 2 con” chủ lực của tỉnh; Triển khai thực hiện có hiệu quả những chính sách mang tính đột phá để khuyến khích và thúc đẩy đổi mới sáng tạo; Tăng cường quan hệ hợp tác về KH&CN... Đại hội đã bầu 9 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ Sở Khoa học và Công nghệ, nhiệm kỳ 2020 - 2025, tại Phiên họp lần thứ nhất, Ban Chấp hành Đảng bộ Sở KH&CN nhiệm kỳ 2020 - 2025 đã bầu đồng chí Trần Ngọc Lân giữ chức vụ Bí thư./.

Ban Biên tập



Chủ động, kiến tạo trong phát triển nền kinh tế số

Trần Ngọc Lân

TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ

Kinh tế số là một nền kinh tế vận hành chủ yếu dựa trên công nghệ số, đặc biệt là các giao dịch điện tử tiến hành thông qua Internet. Kinh tế số hiện diện trên tất cả các lĩnh vực và nền kinh tế từ công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ; trong quá trình sản xuất, phân phối, lưu thông hàng hóa, giao thông vận tải, logistic, tài chính ngân hàng... Về bản chất, đây là các mô hình tổ chức và phương thức hoạt động của nền kinh tế dựa trên ứng dụng công nghệ số. Việc áp dụng những tiến bộ công nghệ trong nhiều năm qua đã tác động vào các ngành sản xuất, kinh doanh cũng như mọi mặt của đời sống xã hội. Công nghệ số thúc đẩy nhiều lĩnh vực cải tiến mô hình phát triển, tạo ra nhiều ngành công nghiệp mới và xóa mờ đường biên giới địa lý. Trước xu hướng chung đó, tiếp cận với kinh tế số ở Quảng Trị mở ra cơ hội và rất nhiều thách thức. Với trách nhiệm của mình, Ngành Khoa học và Công nghệ phải thực sự chủ động, kiến tạo trong tiến trình hội nhập này.

Kinh tế số: Thời cơ và thách thức

Kinh tế số là xu hướng tất yếu đối với bất cứ quốc gia nào nếu không muốn tụt lại phía sau. Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư tác động mạnh đến Việt Nam, tạo ra thời cơ mới cho Việt Nam hội nhập sâu rộng hơn và hiệu quả hơn vào nền kinh tế thế giới, tiến thẳng vào lĩnh vực công nghiệp mới, tranh thủ các thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến để đẩy nhanh hơn tiến trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước và thu hẹp khoảng cách phát triển.

Đảng và Nhà nước đã quan tâm, sớm có nhiều chủ trương, giải pháp chủ động đón đầu thực hiện CMCN 4.0 và cho quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế số. Trung ương Đảng, Chính phủ đã

ban hành nhiều chính sách đối với xu hướng phát triển mới này. Nghị quyết số 36-NQ/TW, ngày 01/7/2014 của Bộ Chính trị khóa XI về *đẩy mạnh phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế*; Nghị quyết số 41/NQ-CP ngày 26/5/2016 của Chính phủ về *chính sách ưu đãi thuế thúc đẩy việc phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin* và Chỉ thị số 16/CT-TTg ngày 4/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về *tăng cường năng lực tiếp cận Cách mạng công nghiệp 4.0*; Nghị quyết số 50/NQ-CP của Chính phủ về *Ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ*



động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Chính phủ về *Phê duyệt chương trình chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*, trong đó mục tiêu cơ bản đến năm 2025 kinh tế số chiếm 20% GDP, đến năm 2030 kinh tế số chiếm 30% GDP. Trên cơ sở đó, các Bộ, Ngành, Địa phương đã có nhiều cố gắng và đạt được những kết quả bước đầu quan trọng làm nền tảng trong triển

nước đã cung cấp một số dịch vụ công trực tuyến thiết yếu cho doanh nghiệp và người dân như: Đăng ký doanh nghiệp, kê khai thuế, nộp thuế, hải quan điện tử, bảo hiểm xã hội... Một số bộ, ngành đã xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng. Tại một số địa phương, hệ thống thông tin một cửa điện tử được đưa vào vận hành, dần nâng cao tính minh bạch và trách nhiệm của đội ngũ công chức. Chất lượng nhân lực về công nghệ thông tin cũng đã được quan tâm, chú trọng.



Các đồng chí lãnh đạo tỉnh, lãnh đạo thành phố Đông Hà và Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam ấn nút khai trương Trung tâm điều hành đô thị thông minh thành phố Đông Hà.

Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

khai xây dựng Chính phủ điện tử. Hành lang pháp lý trong ứng dụng công nghệ thông tin, xây dựng Chính phủ điện tử đã dần được thiết lập. Một số cơ sở dữ liệu mang tính chất nền tảng thông tin như Cơ sở dữ liệu quốc gia về đăng ký doanh nghiệp, Cơ sở dữ liệu quốc gia về bảo hiểm, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia đang được xây dựng và đã có những cấu phần đi vào vận hành. Các cơ quan nhà

Cùng với cả nước, tỉnh Quảng Trị đã có những chuyển biến rõ nét từ nhận thức đến hành động của cả hệ thống chính trị trong việc cải cách hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao hiệu quả hoạt động của các cơ quan nhà nước nhằm phục vụ người dân và doanh nghiệp ngày càng tốt hơn. Việc chú trọng triển khai chính quyền điện tử tại Quảng Trị đã góp phần không nhỏ vào công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành



HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

của UBND tỉnh, các sở, ngành, huyện, thị, thành phố để phục vụ phát triển kinh tế, xã hội. Hiện tổng số dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 của tỉnh là 238 thủ tục hành chính. Tổng số hồ sơ đã được tiếp nhận, giải quyết trực tuyến thông qua dịch vụ công mức độ 3, 4 trong năm 2019 và 6 tháng đầu năm 2020 là hơn 17.400 hồ sơ, trong đó hồ sơ đối với dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 hơn 12.500 hồ sơ và mức độ 4 là gần 5.000 hồ sơ, đa số tập trung vào các thủ tục như: đổi giấy phép lái xe do ngành Giao

thông vận tải; thông báo hoạt động khuyến mại; cấp lại, đổi, điều chỉnh thông tin trên sổ bảo hiểm xã hội, thẻ bảo hiểm y tế; thủ tục thi tuyển công chức... 100% các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh đã sử dụng hệ thống thông tin một cửa điện tử của tỉnh để tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ thủ tục hành chính cho người dân, tổ chức và doanh nghiệp, nhằm công khai



Lãnh đạo tỉnh sử dụng công trình thanh niên "Điểm quét mã QR tuyên truyền quảng bá du lịch Quảng Trị". Ảnh: Baoquangtri.vn

minh bạch và có sự giám sát của các cơ quan trong giải quyết hồ sơ TTHC, tỷ lệ hài lòng của người dân khi làm TTHC được tăng cao. Cùng với đó việc kết nối liên thông hệ thống Cổng Dịch vụ công trực tuyến, hệ thống thông tin một cửa điện tử tỉnh với Cổng Dịch vụ công; hệ thống thanh toán trực tuyến quốc gia luôn được UBND tỉnh quan tâm chỉ đạo thực hiện. Đến nay cơ bản các hệ thống đã kết nối và đồng bộ dữ liệu về tình hình tiếp nhận, giải quyết và trả kết quả hồ sơ TTHC lên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

Xu hướng phát triển nền kinh tế số bao gồm cả những thuận lợi và thách thức đan xen. Bên cạnh những thuận lợi có được thì cần nhìn nhận, nhận diện được những khó khăn, thách thức trong phát triển, hội nhập kinh tế số để từ đó có những giải pháp kịp thời nếu không muốn lỡ nhịp chuyển tàu 4.0 nói chung và xu thế phát triển của nền kinh tế nói riêng.

Thứ nhất, môi trường thể chế và pháp lý cho phát triển kinh tế số nhìn chung còn chưa chặt chẽ, đồng bộ, minh bạch. Sự chuyển đổi nhanh của các mô hình kinh doanh trong nền kinh tế số đã dẫn tới một số quy định pháp luật không theo kịp. Do sự phát triển nhanh chóng của khoa học công nghệ, kinh tế số cùng các phương thức kinh doanh và các ý tưởng sáng tạo mới làm cho các cơ quan quản lý nhà nước tỏ ra khá lúng túng trong quản lý các hoạt động kinh tế số.

đầu tư thích đáng trong thời gian tới thì sẽ là một trở lực lớn cho phát triển kinh tế số. Do đó, nhu cầu đào tạo và đào tạo lại nhân lực nhằm đáp ứng yêu cầu của nền kinh tế số trở nên cấp bách.

Thứ ba, hạ tầng viễn thông chưa đáp ứng được yêu cầu. Trong nền kinh tế số, dữ liệu là tài nguyên. Từ dữ liệu, các mô hình số hóa tạo ra những dịch vụ cá nhân hóa tối ưu và tận dụng hiệu quả nguồn lực xã hội nhân rồi. Tuy nhiên, hệ thống dữ liệu nói chung còn phân tán, chưa chia sẻ và kết nối liên thông. Do



Đảm bảo an ninh mạng là yếu tố hàng đầu để phát triển nền kinh tế số.

Ảnh: <http://conganquangtri.vn/>

Thứ hai, nguồn nhân lực vẫn chưa đáp ứng đủ yêu cầu. Nguồn nhân lực, đặc biệt nhân lực công nghệ thông tin - nhân tố quan trọng nhất trong cạnh tranh và phát triển kinh tế số - còn ít về số lượng, chưa bảo đảm về chất lượng; Nhất là sự thiếu hụt nguồn nhân lực chất lượng cao, nhân lực cho các lĩnh vực công nghệ mới như trí tuệ nhân tạo (AI). Vấn đề này nếu không được quan tâm

đó, chúng ta cần đối mặt với thách thức lớn đến từ việc xây dựng một hệ cơ sở dữ liệu chung của quốc gia. Hiện một số Bộ, Ban, Ngành đã tự xây dựng cơ sở dữ liệu cho mình nhưng khả năng liên thông chúng với nhau vẫn còn hạn chế.

Thứ tư, việc bảo đảm an ninh mạng, bảo mật, an toàn thông tin ở nước ta đang đối mặt với nhiều nguy cơ. Nền kinh tế số dựa trên nền tảng công nghệ

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

thông tin, internet chứa đựng nguy cơ lớn về bảo mật, an toàn thông tin, tài chính và tính riêng tư của dữ liệu, của các chủ thể tham gia kinh tế số. Đặc biệt, trong một thế giới ngày càng kết nối, khi kỹ thuật số trở nên phổ biến, việc ngăn chặn và giải quyết vấn đề tấn công qua mạng ngày càng trở nên cấp bách vì không chỉ là vấn đề an ninh, an toàn kinh tế, bảo mật thông tin của cá nhân, doanh nghiệp mà còn là vấn đề an ninh và lợi ích của quốc gia.

cao; Nâng cao đời sống nhân dân; Tăng cường tiềm lực quốc phòng - an ninh; Phấn đấu đưa tiềm lực, trình độ khoa học và công nghệ Quảng Trị so với cả nước đạt trình độ tiên tiến vào năm 2030; Ngày 17/12/2020, UBND tỉnh Quảng Trị đã ban hành Kế hoạch số 5807/KH-UBND về việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày



Đồng chí Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu tại Hội thảo góp ý dự thảo Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 190-KH/TU của Tỉnh ủy Quảng Trị về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị "về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư". Ảnh: Hải Yến

Cần chủ động, kiến tạo trong hội nhập kinh tế số

Nhằm phát huy hiệu quả các cơ hội, nguồn lực từ cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư đem lại để thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế; Phát triển mạnh mẽ kinh tế số; Phát triển nhanh và bền vững dựa trên khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và nhân lực chất lượng

27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc CMCN 4.0

Theo đó, mục tiêu cụ thể đến năm 2025 cơ bản hoàn thành việc chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng, Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội. Xây dựng chính quyền điện tử, phát triển đô thị thông minh trên địa bàn tỉnh, phấn đấu đến năm 2025



thành phố Đông Hà và thị xã Quảng Trị đáp ứng các tiêu chí cơ bản của đô thị thông minh, tập trung ưu tiên các lĩnh vực trọng yếu như: Y tế, giáo dục, du lịch, giao thông, tài nguyên và môi trường, nông nghiệp và phát triển nông thôn, chính quyền điện tử, Internet băng thông rộng phủ 100% đến các xã; Phần đầu kinh tế số chiếm khoảng 20% tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP). Đến năm 2030 phủ sóng mạng di động 5G, mọi người dân được truy cập Internet băng

(GRDP) trong tỉnh. Tầm nhìn đến năm 2045, xây dựng tỉnh Quảng Trị thành tỉnh có trình độ, công nghệ, chất lượng nguồn nhân lực và năng suất lao động đạt mức khá của cả nước.

Để hoàn thành được các mục tiêu trên, tại Kế hoạch số 5980/KH-UBND ngày 28/12/2020 do UBND tỉnh đã ban hành về triển khai thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến 2030 trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã nhấn mạnh một trong



Phát động thí điểm chuyển đổi số trong lĩnh vực y tế tại xã Hường Phùng.
Ảnh: Baoquangtri.com

thông rộng với chi phí thấp. Hoàn thành xây dựng chính quyền điện tử; triển khai đồng bộ hệ thống các dịch vụ thiết yếu thông minh để phục vụ người dân như: Điện, nước, ngân hàng, thương mại, điện tử, du lịch, môi trường, quy hoạch và nhà ở đô thị... thông qua hệ thống cơ sở dữ liệu lớn của đô thị thông minh; các đô thị lớn trên địa bàn tỉnh đạt hoặc tiệm cận các tiêu chí đô thị thông minh. Kinh tế số chiếm khoảng 30% tổng sản phẩm

những nhiệm vụ và giải pháp quan trọng phải chú trọng thực hiện trong phát triển kinh tế số là chuyển đổi số trong một số Ngành, Lĩnh vực trọng yếu, có vai trò, tác động quan trọng đến hình thành kinh tế số của tỉnh bao gồm:

Chuyển đổi số trong lĩnh vực Y tế: Phát triển nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa nhằm hỗ trợ người dân được khám và chữa bệnh từ xa, qua đó giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo; 100% các cơ sở y tế có bộ phận khám, chữa bệnh từ xa góp phần thúc đẩy chuyển đổi số ngành y tế. Xây dựng và từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên các công nghệ số; ứng dụng công nghệ số toàn diện tại các cơ sở khám, chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện,

nghệ thông tin trong giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, thiết thực và hiệu quả. 100% học sinh, sinh viên các cấp tại tỉnh được tiếp cận Internet và kho học liệu trực tuyến; xây dựng cổng thư viện số (giáo trình, bài giảng, học liệu số) và hệ thống học trực tuyến tại các trường học. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học (bài



Chuyển đổi số trong lĩnh vực giáo dục tạo ra các phương thức học mới, hiệu quả, tiết kiệm và thuận tiện. Ảnh: Baoquangtri.vn

nâng cao chất lượng khám chữa bệnh; sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử tiến tới không sử dụng bệnh án giấy; thực hiện thanh toán viện phí điện tử, hình thành các bệnh viện thông minh; xây dựng nền tảng quản trị y tế thông minh dựa trên công nghệ số, tích hợp thông tin, dữ liệu, hình thành cơ sở dữ liệu quốc gia về y tế. Đẩy mạnh nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ thông minh trong y tế của tỉnh.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo: Xây dựng hạ tầng công

giảng điện tử, học liệu số đa phương tiện); kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới. Triển khai hệ thống thông tin quản lý giáo dục bao gồm: Cơ sở dữ liệu giáo dục tỉnh kết nối, liên thông với hệ thống thông tin của các trường trên địa bàn tỉnh và sử dụng công cụ phân tích dữ liệu để quản lý hoạt động giáo dục.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực Nông nghiệp: Phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông

ngành thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Từng bước thực hiện chuyển đổi số nông nghiệp phải dựa trên nền tảng dữ liệu. Tập trung xây dựng các hệ thống dữ liệu lớn của ngành về đất đai, quản lý bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, vật nuôi, thủy sản... Thúc đẩy cung cấp thông tin về môi trường, thời tiết, chất

hệ thống giao thông thông minh: Hỗ trợ phát triển vận tải hành khách công cộng, hạn chế phương tiện cá nhân. Sử dụng nhiên liệu thân thiện với môi trường nhằm giảm thiểu ô nhiễm môi trường do khí thải phương tiện, giảm thiểu tiếng ồn. Phát triển các hệ thống giao thông đô thị, các đường cao tốc, quốc lộ. Chuyển đổi các hạ tầng logistics (như cảng thủy nội địa, đường sắt...) trên nền tảng số.



Ưu tiên phát triển nông nghiệp theo hướng công nghệ cao, chú trọng nông nghiệp thông minh. Ảnh: Sỹ Tiến

lượng đất đai để người nông dân nâng cao năng suất và chất lượng cây trồng, hỗ trợ chia sẻ các thiết bị nông nghiệp qua các nền tảng số. Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa một số quy trình sản xuất, kinh doanh phù hợp với điều kiện sản xuất của địa phương... Thực hiện chuyển đổi số mạnh mẽ trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực lĩnh vực Giao thông vận tải và Logistics: Xây dựng

Phát triển các nền tảng hỗ trợ kết nối giữa các chủ hàng, các nhà giao vận và khách hàng; qua đó cho phép chủ hàng có thể tìm ra chính xác các kho bãi, dễ dàng tìm ra các phương tiện tối ưu để vận chuyển hàng hóa; cũng như hỗ trợ việc đóng gói, đăng ký và hoàn thiện các quá trình xử lý các văn bản hành chính liên quan. Chuyển đổi việc quản lý kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện kinh doanh vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện trên nền tảng số; cho phép quản lý kết cấu hạ tầng giao thông số, đăng ký và quản lý phương

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

tiện qua hồ sơ số, cấp và quản lý giấy phép người điều khiển phương tiện trên nền tảng số.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực Du lịch: Xây dựng Cổng Thông tin du lịch tỉnh Quảng Trị giúp du khách tiếp cận Internet tốc độ cao từ khi đặt chân đến tỉnh Quảng Trị; khuyến khích các điểm du lịch cung cấp các dịch vụ Internet không dây (kết nối Wifi) miễn phí cho tất cả khách du lịch. Xây dựng hệ thống dữ liệu ảnh và video du lịch Quảng Trị. Xây

hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu lớn toàn diện nhằm quản lý hiệu quả lĩnh vực tài nguyên và môi trường, cụ thể như: Cơ sở dữ liệu đất đai quốc gia và các cơ sở dữ liệu về lĩnh vực khác như nền địa lý quốc gia, quan trắc tài nguyên và môi trường, đa dạng sinh học, nguồn thải, viễn thám, biến đổi khí hậu, khí tượng - thủy văn, địa chất - khoáng sản...; sử dụng bản đồ số quốc gia mở làm nền tảng phát triển các dịch vụ số phát triển kinh tế - xã hội; triển khai các giải pháp

The screenshot shows the homepage of the 'Cổng Dịch vụ Công trực tuyến Tỉnh Quảng Trị' (Online Public Service Portal of Quang Tri Province). The header includes the province logo and navigation menus for 'TRANG CHỦ', 'GIỚI THIỆU', 'DỊCH VỤ CÔNG TRỰC TUYẾN', 'TRA CỨU HỒ SƠ', 'TỔNG HỢP SỐ LIỆU', 'ĐÁNH GIÁ', and 'HƯỚNG DẪN SỬ DỤNG'. Below the header, there are links for 'Đăng ký' and 'Đăng nhập', and a section for 'QUY TRÌNH THỰC HIỆN NỘP HỒ SƠ QUA MẠNG'. A progress bar shows steps: 'Đăng nhập', 'Chọn thủ tục', 'Khai báo HS', 'Tra cứu kết quả', and 'Nhận kết quả'. Three main service categories are highlighted: 'NỘP HỒ SƠ ĐĂNG KÝ HỒ SƠ TRỰC TUYẾN', 'BỘ CÂU HỎI THƯỜNG GẶP VỀ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH', and 'ĐÁNH GIÁ CHẤT LƯỢNG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH'. A table titled 'HỒ SƠ CÓ KẾT QUẢ' lists 5 cases with columns for STT, Họ và tên, and Ngày có kết quả. A donut chart titled 'TÌNH HÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ NĂM 2021' shows 99.4% of cases completed on time, with 11,494 completed and 70 pending.

STT	Họ và tên	Ngày có kết quả
2	LE VAN LINH	18/01/2021 17:45:38
3	VÕ THỊ LUYU 02 GCN (1 ONT+1 CLN)	18/01/2021 17:45:38
4	NGUYỄN VĂN KHA	18/01/2021 17:45:38
5	TRẦN VĂN THU	18/01/2021 16:56:24

TÌNH HÌNH XỬ LÝ HỒ SƠ NĂM 2021

Xử lý đúng hạn: 11.494 hồ sơ
Xử lý trễ hạn: 70 hồ sơ
99,4% HS đúng hạn

Cổng dịch vụ công trực tuyến giúp giảm thời gian, chi phí đi lại cho việc gửi hồ sơ và nhận kết quả của các tổ chức, cá nhân. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

dựng hệ thống nhắn tin quảng bá du lịch: Sử dụng tin nhắn được gửi tự động để quảng bá các chương trình du lịch của tỉnh. Xây dựng các hệ thống giám sát an ninh, an toàn thông minh từ xa, trung tâm thông tin và điều hành du lịch tại tất cả các điểm đến du lịch, đảm bảo hỗ trợ khách du lịch 24/7 trong mọi trường hợp cần sự trợ giúp, khẩn cấp.

Chuyển đổi số lĩnh vực Tài nguyên và Môi trường: Phối hợp, xây dựng các

thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai trên địa bàn tỉnh.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực Năng lượng: Quá trình chuyển đổi số trong lĩnh vực năng lượng của tỉnh ưu tiên cho 2 mục tiêu là tiết kiệm năng lượng và phát triển các phương án khai thác năng lượng tái tạo trong một đô thị thông minh.

Chuyển đổi số trong lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng: Xây dựng tài chính

điện tử và thiết lập nền tảng tài chính số hiện đại, bền vững. Triển khai ứng dụng toàn diện công nghệ số trong các ngành thuế, hải quan, kho bạc, chứng khoán. Chuyển đổi số trong các ngân hàng thương mại để cung cấp dịch vụ ngân hàng số theo hướng phát triển đa dạng các kênh phân phối, đổi mới sáng tạo, tự động hóa quy trình, thúc đẩy hợp tác với các công ty công nghệ tài chính và trung gian thanh toán trong việc xây dựng hệ sinh thái dịch vụ tài chính ngân hàng để thúc đẩy phổ cập tài chính quốc gia, đưa dịch vụ tài chính - ngân hàng đến gần hơn những đối tượng vùng sâu, vùng xa chưa có khả năng tiếp cận hoặc chưa được ngân hàng phục vụ dựa vào sự đổi mới sáng tạo của công nghệ như thanh toán di động, cho vay.

Đối với Ngành Khoa học và Công nghệ, với một tâm thế chủ động, quyết liệt và trách nhiệm trong hội nhập, phát triển kinh tế số cần triển khai đồng bộ các nhóm nhiệm vụ, giải pháp sau:

Một là, đối với nhiệm vụ, giải pháp cụ thể hóa chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước phù hợp với thực tiễn của tỉnh để hoàn thiện cơ chế, chính sách, chủ động tham gia chuyển đổi số và cuộc CMCN 4.0, cần tham mưu các chính sách hỗ trợ nhằm khuyến khích, huy động mọi nguồn lực xã hội đầu tư cho hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. Hướng dẫn cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; Tham mưu, triển khai tốt các chương trình hỗ trợ về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ trên địa bàn tỉnh; khuyến khích thương mại hóa và chuyển giao công nghệ, quyền sở hữu trí tuệ, đặc biệt là đối với các sáng chế tại tỉnh

trên cơ sở tuân thủ pháp luật trong nước và đảm bảo lợi ích an ninh quốc gia.

Hai là, đối với nhiệm vụ, giải pháp phát triển cơ sở hạ tầng thông tin thiết yếu hiện đại, đồng bộ, chú trọng phát triển các doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Khuyến khích thành lập các tổ chức trung gian của thị trường khoa học và công nghệ dựa trên nền tảng số, Internet và không gian mạng; Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ số phục vụ chuyển đổi số và kinh tế số, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế. Nghiên cứu, đề xuất cơ chế ưu tiên, khuyến khích nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực công nghệ thông tin, an ninh mạng, an toàn thông tin.

Ba là, đối với nhiệm vụ, giải pháp triển khai mạnh mẽ các chính sách phát triển và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo, chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, địa phương triển khai Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh về hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến năm 2025. Tham mưu xây dựng và phát triển Trung tâm đổi mới sáng tạo cấp tỉnh, tập trung và các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0; Phát triển hệ thống đổi mới sáng tạo theo hướng lấy doanh nghiệp làm trung tâm, các cơ sở giáo dục Đại học và Viện Nghiên cứu là chủ thể nghiên cứu; Nghiên cứu, xây dựng, đề xuất các cơ chế, chính sách đặc biệt, có tính đột phá đối với việc xây dựng và vận hành các Trung tâm đổi mới sáng tạo. Khuyến khích các Trường Đại học, Doanh nghiệp, tổ chức trong nước và nước ngoài thành lập các Trung tâm đổi mới sáng tạo; Xây dựng và triển khai các chương trình hỗ trợ các doanh nghiệp nghiên cứu và ứng dụng công nghệ. Rà soát, tham mưu triển khai các quy định về lập và sử dụng Quỹ Phát

triển Khoa học và Công nghệ của doanh nghiệp, tạo sự chủ động và thuận lợi tối đa cho doanh nghiệp trong sử dụng quỹ cho chuyển giao công nghệ, nghiên cứu phát triển; Tiếp tục triển khai các chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa đầu tư đổi mới công nghệ, xây dựng và triển khai thực hiện tốt chương trình hỗ trợ, tạo lập và phát triển tài sản trí tuệ giai đoạn 2021-2025, chương trình ứng dụng chuyển giao tiến bộ khoa học và công nghệ vào sản xuất và đời sống giai đoạn 2021-2025, chương trình hỗ trợ truy xuất nguồn gốc, mã số mã vạch sản phẩm..., nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh của nền kinh tế; Nghiên cứu, đề xuất đặt hàng, giao trực tiếp các nghiên cứu khoa học trên lĩnh vực công nghệ thông tin, an ninh mạng, an toàn thông tin; phối hợp triển khai các chính sách ưu đãi, trọng dụng và tạo điều kiện cho các nhà khoa học, các chuyên gia giỏi trên lĩnh vực công nghệ thông tin, an ninh mạng, an toàn thông tin nghiên cứu, tạo ra các sản phẩm phục vụ đất nước.

Bốn là, đối với nhiệm vụ, giải pháp triển khai thực hiện chính sách phát triển nguồn nhân lực, phát triển các nhóm nghiên cứu mạnh về các công nghệ chủ chốt của cuộc CMCN 4.0; Chủ trì, phối hợp với Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật tỉnh xây dựng và phát triển các mạng lưới trí thức, nhân tài về các công nghệ chủ chốt của CMCN 4.0. Tiếp tục phối hợp tham mưu cơ chế, chính sách tạo thuận lợi hơn để huy động trí thức, nhà khoa học trên địa bàn tỉnh trong việc đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ mới.

Năm là, đối với nhiệm vụ, giải pháp phát triển các ngành và công nghệ ưu tiên, tập trung phát triển các công nghệ ưu tiên có khả năng ứng dụng vào thực tiễn để phát triển các sản phẩm cụ thể,

phù hợp với lợi thế cạnh tranh của địa phương, trong từng ngành và các công nghệ chiến lược, nền tảng của CMCN 4.0, có tác động lan tỏa đến các ngành, lĩnh vực khác, trọng tâm là: Công nghệ thông tin và truyền thông, cơ điện tử; Công nghệ mới trong lĩnh vực năng lượng; Trí tuệ nhân tạo và tự động hóa; Công nghệ sinh học, điện y sinh.

Sáu là, đối với nhiệm vụ, giải pháp chính sách hợp tác, hội nhập quốc tế, chủ trì, phối hợp với các Sở, Ngành liên quan hợp tác quốc tế về khoa học và công nghệ; Đổi mới sáng tạo với các nước có trình độ khoa học và công nghệ tiên tiến, đang đi đầu trong cuộc CMCN 4.0. Tích cực nghiên cứu, tìm hiểu các công nghệ nền tảng, phân tích dữ liệu lớn (Big Data), công nghệ chuỗi khối (Blockchain), trí tuệ nhân tạo (AI), hệ sinh thái IoT,... từ các tập đoàn CNTT, viễn thông lớn trong và ngoài nước để chuyển giao, ứng dụng cho tỉnh.

Sự phát triển của công nghệ thông tin và truyền thông mới đã tạo nên những thay đổi mang tính cách mạng trong nền kinh tế: Từ sản xuất, phân phối, cung ứng dịch vụ cho đến tiêu dùng với tốc độ và quy mô chưa từng có. Quá trình này đã đem lại nhiều cơ hội lớn nhưng cũng khiến chúng ta đối mặt với không ít thách thức và rủi ro: Từ vấn đề an ninh mạng, các hoạt động kinh tế bất hợp pháp cho đến chuyển dịch lao động và thất nghiệp, phân hoá giàu nghèo và tăng trưởng bền vững. Thực tế này, đòi hỏi các cơ quan, các cơ sở nghiên cứu và đào tạo, các nhà khoa học, cộng đồng doanh nghiệp phải phối hợp chặt chẽ và hợp tác cùng nhau nhằm đổi mới sáng tạo, tìm ra các mô hình mới và giải pháp mới nhằm thúc đẩy chuyển đổi số, phát triển nền kinh tế số một cách hiệu quả nhất./.

T.N.L



Đất nước mùa xuân

Trần Công Sinh

Đất nước ơi! đẹp vô ngần
 Trải vàng hương lúa, rộn cành chim ca
 Non sông gấm vóc ngàn hoa
 Nắng hồng tô thắm, mượt mà ngàn xanh
 Sen hồng bóng nước long lanh
 Thuốt tha tơ liễu, buông màn lời ru
 Xuân xanh xua áng mây mù
 Dập dìu câu hát, ví vu giọt đàn,
 Trường Sơn khí phách hùng vang
 Biển Đông hòa nhịp rộn ràng tiếng thơ
 Đất nước ơi! Từ bao giờ
 Hồn thiêng sông núi dưới cờ tung bay
 Bão bùng ý chí không lay
 Triệu con tim nắm bàn tay kết đoàn
 Thanh âm vọng giữa non ngàn
 Tiếng tơ, tiếng trúc rộn ràng đầy vui
 Việt Nam đất nước, con người
 Xuân về nắng ấm, đất trời đầy hoa!



Một số định hướng phát triển khoa học và công nghệ của tỉnh Quảng Trị năm 2021

Tạ Sáu

Trưởng phòng Quản lý khoa học

Năm 2020 vừa qua, là một năm nền kinh tế của đa số các nước trên thế giới có mức tăng trưởng kinh tế (GDP) âm, do chịu ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh covid-19 và thiên tai, bão lụt,...nhưng nền kinh tế của Việt Nam vẫn đạt mức tăng trưởng GDP dương 2,91%, là một trong những quốc gia tăng trưởng cao nhất trong khu vực và trên thế giới. Năng suất lao động được cải thiện, bình quân giai đoạn 2016-2020 là 5,8%/năm, cao hơn giai đoạn 2011-2015 (4,3%/năm), và vượt mục tiêu đề ra (5%/năm). Đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) bình quân 5 năm đạt khoảng 45,2% (mục tiêu đề ra là 30-35%). Chỉ số đổi mới sáng tạo (GII) của Việt Nam đứng ở vị trí 42/131 quốc gia, nền kinh tế, duy trì thành công thứ hạng đã đạt được năm 2019 và đứng thứ nhất trong nhóm 29 quốc gia, nền kinh tế có cùng mức thu nhập, đứng thứ 3 trong ASEAN, chỉ sau Singapo và Malaixia. Phải nói rằng diện mạo của đất nước có nhiều thay đổi, vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế được nâng lên cùng với môi trường chính trị ổn định đã tạo ra những tiền đề quan trọng để phát triển kinh tế-xã hội (KT-XH), đảm bảo an ninh, quốc phòng và nâng cao chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

Hoạt động nghiên cứu ứng dụng khoa học và công nghệ của tỉnh Quảng Trị cũng đã có nhiều bước chuyển biến tích cực. Nhằm thể hiện vai trò động lực, then chốt của KH&CN, góp phần thúc đẩy phát triển KT-XH ở địa phương. Trong năm qua ngành khoa học và công nghệ đã tham mưu Lãnh đạo tỉnh ban hành một số văn bản như: 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Nghị quyết số 50/NQ-CP ngày 17/4/2020 của Chính phủ và Kế hoạch số 190-KH/TU ngày 12/8/2020 của BTV Tỉnh ủy về việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham

gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 1928/QĐ-UBND ngày 20/7/2020 về Kế hoạch triển khai Đề án “Tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Kế hoạch số 5883/KH-UBND ngày 22/12/2020 thực hiện Đề án “Triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021 - 2025 định hướng năm 2030”; Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 11/6/2020 “về tăng cường công tác quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị”,... Nhờ



đó, việc triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp đã bám sát đúng vào định hướng và mục tiêu phát triển KT-XH của tỉnh. Các nhiệm vụ đã cung cấp luận cứ khoa học phục vụ định hướng phát triển KT-XH của từng ngành, lĩnh vực, doanh nghiệp, địa phương góp phần nâng cao sức cạnh tranh của nền kinh tế của tỉnh nhà.

triển KT-XH của tỉnh nhà.

Năm 2021, là năm đầu tiên chúng ta triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025. Đặc biệt là Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng ta sắp diễn ra vào tháng 01/2021. Hiện nay, trong bối cảnh trên thế giới đang diễn ra cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (CMCN 4.0).



Phó Chủ tịch UBND tỉnh Lê Đức Tiến phát biểu tại buổi làm việc với Sở Khoa học và Công nghệ về hoạt động KH&CN giai đoạn 2016 - 2020 và định hướng trong thời gian tới.

Ảnh: Hải Yến

Mặc dù ngành khoa học và công nghệ đã đạt được những thành tựu nhất định, nhưng nhìn chung các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh vẫn còn nhiều mặt hạn chế, chưa đáp ứng được yêu cầu là nền tảng và động lực phát triển KT-XH của địa phương; cơ chế tài chính chưa phù hợp với tính đặc thù của lao động sáng tạo, nghiên cứu khoa học. Đặc biệt, là chưa tập trung nguồn lực để nghiên cứu những vấn đề có tính đột phá để khai thác tiềm năng, thế mạnh phục vụ phát

Cuộc Cách mạng này có khả năng tạo ra những thành tựu mang tính đột phá khó dự báo trước và có ảnh hưởng to lớn tới mọi mặt của đời sống xã hội loài người. Sức mạnh của mỗi quốc gia tùy thuộc phần lớn vào năng lực khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo. Lợi thế về nguồn tài nguyên thiên nhiên, giá lao động rẻ ngày càng trở nên ít quan trọng hơn. Vai trò của nguồn nhân lực có trình độ chuyên môn, có năng lực sáng tạo ngày càng có ý nghĩa quyết định trong bối cảnh toàn cầu hóa kinh tế. Xu thế

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

mới đang chi phối tất cả các quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Tuy nhiên, những yếu tố mà Việt Nam đã và đang tự coi là có ưu thế như lực lượng lao động thủ công trẻ, dồi dào sẽ không còn là thế mạnh nữa, thậm chí bị đe dọa. Trong tương lai, người dân có thể mất việc làm, bởi những lĩnh vực mà công nghệ robot có thể tác động tới, từ các lĩnh vực dệt may, dịch vụ, giải trí cho đến

Đối với ngành KH&CN tỉnh Quảng Trị chúng ta cũng không nằm ngoài lệ với bối cảnh và xu hướng phát triển đã nêu trên. Bởi vậy, Tỉnh cần phải có các chủ trương, cơ chế chính sách đầu tư về phát triển KH&CN phù hợp, nhằm nắm bắt các cơ hội và dựa vào thế mạnh sẵn có của địa phương, để định hướng nghiên cứu KH&CN một cách có hiệu quả, thiết thực. Trên cơ sở bám sát các mục tiêu



Đồng chí Trần Ngọc Lân, TUV, Giám đốc Sở phát biểu tại buổi làm việc với Đoàn cán bộ khoa học của Viện Nghiên cứu miền Trung. Ảnh: Hải Yến

y tế, giao thông, giáo dục.... Do đó, các xu thế mới không chỉ tạo ra cơ hội mà còn là đặt ra thách thức đối với Việt Nam hiện nay. Nếu chúng ta biết tận dụng tối đa và có hiệu quả những điều kiện và tiền đề đang có thì không chỉ CMCN 4.0 nói riêng, mà cả Cách mạng KH&CN nói chung có thể được triển khai và mang lại những hiệu quả tích cực ở nước ta trong thập kỷ tới, có thể biến nó trở thành công cụ quyết định trong việc rút ngắn khoảng cách tụt hậu so với các nước phát triển trên thế giới.

Đại hội tỉnh Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, nhiệm kỳ 2020-2025 và Nghị quyết số 83/NQ-HĐND ngày 09/12/2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh, kỳ họp thứ 19 “Về phát triển KT-XH tỉnh Quảng Trị năm 2021”. Chúng ta cần phải tập trung một số định hướng chính về phát triển khoa học và công nghệ trong năm 2021, với những nội dung cụ thể như sau:

Đẩy mạnh nghiên cứu, chuyển giao và ứng dụng các thành tựu của cuộc CMCN 4.0 vào các lĩnh vực của đời sống KT-XH, nhất là một số ngành, lĩnh



vực trọng điểm, có tiềm năng, lợi thế của tỉnh. Tăng cường hợp tác với các tổ chức KH&CN trong và ngoài nước để triển khai các nhiệm vụ KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, chế biến phát triển sản phẩm mới, sản phẩm dược liệu và đào tạo nguồn nhân lực KH&CN. Thúc đẩy hình thành hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và hoạt động sở hữu trí tuệ.

Tiếp tục thực hiện việc đổi mới về tổ chức, cơ chế quản lý và hoạt động KH&CN: Rà soát, kiện toàn bộ máy quản lý nhà nước về KH&CN cấp tỉnh, cấp huyện phù hợp trong tình hình mới. Triển khai có hiệu quả các quy định của pháp luật, các chính sách về KH&CN; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ quản lý nhà nước về KH&CN; Nâng cao hiệu quả hoạt động của các tổ chức KH&CN công lập. Tiếp tục thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các tổ chức KH&CN công lập trên địa bàn tỉnh. Liên kết với các Viện nghiên cứu, Trường Đại học để đào tạo nguồn nhân lực KH&CN; Khuyến khích, hỗ trợ hình thành, phát triển các tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong các doanh nghiệp. Hình thành các cơ sở ươm tạo KH&CN, thành lập doanh nghiệp KH&CN và nâng cao chất lượng hoạt động các tổ chức KH&CN (công lập và ngoài công lập).

Tập trung các nguồn lực để triển khai các định hướng phát triển KH&CN chủ yếu như: Triển khai nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ một số lĩnh vực then chốt của cuộc CMCN 4.0, lấy doanh nghiệp làm trung tâm để đổi mới và ứng dụng KH&CN phục vụ trực tiếp cho sự phát triển KT-XH của tỉnh; Ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng, đổi mới công nghệ trong sản

xuất, đối với các lĩnh vực nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trong trồng trọt, chăn nuôi; dược liệu; nông nghiệp thông minh; nông nghiệp hữu cơ; nghiên cứu thử, khảo nghiệm cây con mới phục vụ chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi thích ứng với biến đổi khí hậu,...; kết hợp với việc tăng cường các hoạt động khởi nghiệp đổi mới sáng tạo và sở hữu trí tuệ tạo sản phẩm hàng hóa có chất lượng và giá trị gia tăng cao.

Nâng cao tiềm lực KH&CN của tỉnh bằng việc tăng cường đầu tư cơ sở vật chất, năng lực hạ tầng kỹ thuật KH&CN. Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực KH&CN có chất lượng cao của tỉnh;

Đẩy mạnh công tác xã hội hóa phát triển KH&CN, triển khai các biện pháp huy động nguồn vốn xã hội thông qua hệ thống quỹ phát triển KH&CN của địa phương, doanh nghiệp và các dự án hợp tác công - tư. Khuyến khích, thu hút khu vực tư nhân và doanh nghiệp đầu tư cho KH&CN. Đẩy mạnh phát triển các doanh nghiệp KH&CN, có cơ chế chính sách hỗ trợ các doanh nghiệp thành lập tổ chức nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và tổ chức thực hiện tốt Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo của tỉnh đã ban hành.

Nâng cao hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước về KH&CN ở các huyện, thị xã, thành phố. Tăng cường đầu tư cho hoạt động triển khai ứng dụng, nhân rộng kết quả nghiên cứu, các thành tựu KH&CN gắn với yêu cầu phát triển của từng ngành, từng địa phương, vùng kinh tế động lực của tỉnh. Đặc biệt là việc tiếp tục thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 31/2017/NQ-HĐND ngày 14/12/2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh “về chính sách hỗ trợ ứng dụng, nhân rộng các kết quả KH&CN trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2017-2025”;

Mở rộng hợp tác với các tổ chức

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

KH&CN trong nước và hội nhập quốc tế về KH&CN, nhằm nâng cao khả năng tiếp thu và làm chủ công nghệ tiên tiến, tạo ra sản phẩm, dịch vụ, công nghệ mới, góp phần vào việc phát triển tiềm lực KH&CN, thúc đẩy hoạt động nghiên cứu, chuyển giao ứng dụng công nghệ trên địa bàn tỉnh.

Một số nhiệm vụ cụ thể trong hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của tỉnh Quảng Trị năm 2021, theo từng lĩnh vực

Về lĩnh vực nghiên cứu điều tra cơ bản cần tập trung nghiên cứu điều tra cơ

phó với biến đổi khí hậu và thiên tai, môi trường như sạt lở đất, lũ ống, lũ quét... và vấn đề cải tạo đất đai bạc màu, ô nhiễm đất, nguồn nước.

Về lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn tập trung vào việc nghiên cứu để phục vụ xây dựng các luận cứ khoa học cho các Nghị quyết của Đảng bộ tỉnh, làm cơ sở khoa học và thực tiễn cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách lớn của tỉnh; các nhiệm vụ nghiên cứu đánh giá thực trạng về những vấn đề xã hội và kiến nghị một số chính sách hỗ trợ về an sinh xã hội; Nghiên cứu xây



Hội thảo khoa học Phát huy những phẩm chất tốt đẹp của con người Quảng Trị trong thời kỳ hội nhập và phát triển. Ảnh: Baoquangtri.vn

bản một số lĩnh vực quan trọng làm cơ sở khoa học cho việc hoạch định chính sách về phát triển các vùng kinh tế trọng điểm của tỉnh; nghiên cứu đánh giá thực trạng cung cấp các thông tin, số liệu làm luận cứ khoa học phục vụ thiết thực cho việc xây dựng các dự án đầu tư phát triển thuộc các lĩnh vực mũi nhọn như: điện khí hóa lỏng, điện gió, điện mặt trời; các nghiên cứu nhằm phục vụ ứng

dụng đề án tái cơ cấu kinh tế gắn với chuyển đổi mô hình tăng trưởng của tỉnh theo hướng nâng cao chất lượng, hiệu quả và năng lực cạnh tranh của nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030; Điều tra đánh giá thực trạng và đề xuất các giải pháp phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo về ứng dụng các phương pháp dạy và học mới; phát triển nguồn nhân lực trình độ cao



cho một số ngành KT-XH mũi nhọn, dự báo nhu cầu về đào tạo nguồn nhân lực trong tương lai;

Về lĩnh vực khoa học kỹ thuật và công nghệ phải tăng cường các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học phục vụ phát triển ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhất là công tác khảo nghiệm các giống cây trồng, con nuôi mới, chất lượng cao; xây dựng các mô hình sản xuất tập trung về các cây con chủ lực có lợi thế cạnh tranh cao để phục vụ phát triển các vùng nguyên liệu ở vùng cát, vùng gò đồi như phát triển vùng trồng

dựng nông thôn mới; Nghiên cứu phát triển công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và xử lý môi trường, sản xuất các giống cây trồng nông - lâm nghiệp bằng phương pháp nuôi cấy mô tế bào (*in vitro*) để tạo ra giống có chất lượng cao, ít nhiễm sâu bệnh hại; Nghiên cứu ứng dụng các công nghệ chế biến sâu sau thu hoạch tạo ra các sản phẩm chất có lượng cao, đăng ký sở hữu trí tuệ, truy xuất nguồn gốc sản phẩm, nhằm tăng sức cạnh tranh, nâng cao chuỗi giá trị hàng hóa nông sản và cây dược liệu trên địa bàn tỉnh;



Nhân giống Lan Kim tuyến bằng phương pháp nuôi cấy mô tại Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN. Ảnh: Sỹ Tiến

cây ăn quả, cây công nghiệp dài ngày, cây dược liệu,... Trong đó, ưu tiên nghiên cứu khoa học trong ngành nông nghiệp theo hướng sản xuất sạch, sản xuất hữu cơ (*Organic*) một số cây con chủ lực của tỉnh, để nâng cao giá trị gia tăng, tạo ra sản phẩm hàng hóa có chất lượng và giá trị kinh tế cao. Phát triển và nhân rộng các mô hình kinh tế mới có hiệu quả, các sản phẩm đặc sản của tỉnh gắn với xây

Về lĩnh vực công nghệ thông tin phải tiến hành ngay việc chuyển đổi số trong các cơ quan, doanh nghiệp; xây dựng đề án đầu tư hạ tầng cơ sở về công nghệ thông tin theo nội dung KH số 190-KH/TU của Tỉnh ủy và Kế hoạch số 5807/KH-UBND ngày 17/12/2020 của UBND tỉnh “Về thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính Trị về một số chủ trương, chính sách chủ động

tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư”.

Về lĩnh vực Công nghiệp, Xây dựng, GTVT cần xác định công nghiệp năng lượng là lĩnh vực đột phá của tỉnh. Vì vậy, phải chú trọng nghiên cứu điều tra cơ bản đánh giá thực trạng làm luận cứ khoa học cung cấp các cơ sở dữ liệu phục vụ phát triển nguồn năng lượng mới, năng lượng tái tạo để thu hút đầu tư các dự án xây dựng nhà máy điện gió, điện năng lượng mặt trời, điện khí hóa lỏng trên địa bàn tỉnh. Ưu tiên nghiên cứu về vật liệu xây dựng, vật liệu mới, Silicat,...; công nghiệp chế biến, công nghiệp hỗ trợ phục vụ du lịch sinh thái, du lịch nghỉ dưỡng biển, chú trọng ứng dụng công nghệ mới hỗ trợ cho các lĩnh vực cơ khí hóa trong nông nghiệp, tự động hóa trong công nghiệp, nhằm nâng cao năng suất, hiệu quả và giải phóng sức lao động. Ưu tiên các nghiên cứu nhằm phát triển theo hướng tăng tỷ trọng các ngành chế tạo máy móc thiết bị, các ngành có tiềm năng, lợi thế như năng lượng tái tạo, công nghiệp chế biến gỗ và chế biến các sản phẩm nông, lâm, thủy hải sản chủ lực.

Về lĩnh vực Y tế, Giáo dục và Đào tạo ưu tiên các nhiệm vụ nghiên cứu ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật mới trong ngành Y tế để tăng cường chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; cụ thể là thông qua việc triển khai các nhiệm vụ KH&CN để nâng cao trình độ chuyên môn kỹ thuật của đội ngũ y, bác sĩ đảm bảo sử dụng máy móc, thiết bị và quy trình chữa trị ứng dụng công nghệ cao trong ngành y tế, nhằm phục vụ công tác chữa trị, phòng ngừa hạn chế tối đa dịch bệnh nguy hiểm lây lan trong cộng đồng để tăng cường chăm sóc sức khỏe cho Nhân dân. Đề xuất các giải pháp phát triển ngành Giáo dục và Đào tạo trong việc ứng dụng công nghệ

thông tin và các phương pháp dạy và học mới, phát triển nguồn nhân lực trình độ cao cho một số ngành, lĩnh vực mũi nhọn của tỉnh.

Về lĩnh vực An ninh - Quốc phòng cần tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan đến An ninh - Quốc phòng có tính cấp thiết, nổi cộm. Đề xuất các phương án đấu tranh phòng chống tội phạm và đảm bảo trật tự an toàn xã hội, nhất là các vùng đông dân cư, vùng biên giới, vùng biển đảo.

Bên cạnh đó, muốn đưa các kết quả nghiên cứu ứng dụng KH&CN được nhân rộng vào sản xuất và đời sống và tạo thành các sản phẩm có chất lượng cao để thương mại hóa, thì phải liên kết với các tập đoàn, doanh nghiệp lớn trong cả nước; có cơ chế chính sách thu hút đầu tư đảm bảo vùng nguyên liệu đủ để xây dựng các nhà máy sản xuất hàng hóa trên địa bàn tỉnh. Đồng thời, đẩy mạnh việc đăng ký quyền sở hữu trí tuệ và tăng cường công tác quảng bá, xúc tiến thương mại tìm kiếm thị trường đầu ra, nhằm đưa các sản phẩm hàng hóa tiêu thụ, xuất khẩu trên thị trường trong và ngoài nước. Có như vậy thì “Khoa học và Công nghệ thực sự là nền tảng và động lực cho sự phát triển KT-XH của tỉnh nhà”./.

T.S



Khởi dậy trí tuệ qua cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo năm 2020

Thái Thị Nga

Trưởng phòng Quản lý Công nghệ và SHTT

“Nội hàm của cụm từ khởi nghiệp sáng tạo rất sâu sắc, trong đó chúng ta xem sự sáng tạo là một thứ tài nguyên mới. Nhân loại không còn nhiều tài nguyên tự nhiên để khai thác và Việt Nam cũng vậy, nhưng chúng ta lại có thứ tài nguyên vô tận, đó chính là sự sáng tạo của 100 triệu người dân Việt Nam, của chính tiềm năng trong mỗi con người chúng ta ở trong nước và cả người Việt Nam ở nước ngoài” - Đây là phát biểu của Thủ Tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc phát biểu tại Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia Techfest Việt Nam 2020. Việc thúc đẩy “ngọn lửa” khởi nghiệp đổi mới sáng tạo (KNĐMST) bùng cháy đang là quyết tâm chung của toàn xã hội. Tại Quảng Trị đã có nhiều hoạt động nhằm khởi dậy tinh thần khởi nghiệp trên địa bàn, đặc biệt đã tổ chức thành công Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tỉnh Quảng Trị năm 2020. Cuộc thi đã bước đầu tạo sức hút đối với startup Quảng Trị, khởi dậy trí tuệ và tạo ra sự lan toả mạnh mẽ của phong trào Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

Sự ra đời của Quyết định số 844/QĐ-TTg ngày 18/5/2016 của Chính phủ về phê duyệt Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo Quốc gia đến năm 2025” (Đề án 844) ngày 18/5/2016 được xem là bộ phận, dấu mốc cho hoạt động KNĐMST. Để triển khai thực hiện Đề án 844, Hội đồng nhân dân Tỉnh và Ủy ban nhân dân tỉnh đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như: Nghị Quyết số 02/2018/NQ-HĐND ngày 18/7/2018 của HĐND về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp, giai đoạn 2018-2021; Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Hỗ trợ khởi

ngiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến 2025. Những chính sách thiết thực, bám sát tinh thần của Đề án 844 đã được ban hành giúp hoạt động hỗ trợ KNĐMST trên địa bàn tỉnh Quảng Trị có nhiều chuyển biến tích cực, lan tỏa đến nhiều sở, ngành, địa phương, cũng như các tổ chức, cá nhân trên toàn tỉnh. Các trường cao đẳng, phân hiệu đại học Huế tại Quảng Trị, trung cấp nghề, phổ thông trên địa bàn tỉnh đã tích cực, chủ động hưởng ứng tham gia, phối hợp xây dựng nhiều kế hoạch trong hoạt động hỗ trợ khởi nghiệp gắn với ĐMST.

Năm 2020, Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tỉnh Quảng Trị do Sở

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Khoa học và Công nghệ chủ trì phối hợp với các sở, ngành, các đơn vị có liên quan trên cơ sở thực hiện Kế hoạch số 3690/KH-UBND ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc Hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025.

Các hoạt động nhằm thúc đẩy, khơi dậy tinh thần của cuộc thi được tổ chức như: “Cách mạng công nghiệp 4.0 và sự năng động của tuổi trẻ”, “Khởi nghiệp

bộ tham dự tọa đàm chính sách “Định hướng hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo sau đại dịch Covid” và Hội thảo “Thúc đẩy doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo chuyển đổi số thành công trên nền tảng thương mại hóa điện tử” và một số sự kiện khác trong chuỗi “Ngày hội khởi nghiệp đổi mới sáng tạo - Techfest Việt Nam 2020” do Bộ Khoa học và Công nghệ phối hợp cùng các bộ, ban ngành tổ chức.



Đồng chí Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN trao giải thưởng cho 02 dự án đạt giải nhì gồm “Khởi nghiệp trang trại chăn nuôi thông minh, cung cấp sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sạch bằng ruồi lính đen” dự án “Bột rau củ sấy lạnh”. Ảnh: Hải Yến

trong thời đại 4.0 - Đánh thức tiềm năng thị xã Quảng Trị”, “Thúc đẩy khát vọng, đam mê khởi nghiệp trong học sinh, sinh viên”, “Thanh niên với khởi nghiệp”. Tổ chức tập huấn “Nâng cao năng lực cán bộ quản lý, cán bộ nguồn cho các tổ chức hỗ trợ Khởi nghiệp Đổi mới Sáng tạo” cho các đối tượng là cán bộ, công chức các Sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh. Tổ chức đoàn cán

Công tác tuyên truyền được xác định có vai trò quan trọng cho sự thành công của Cuộc thi. Sở đã phối hợp với các cơ quan thông tin báo chí, truyền thông trên địa bàn tỉnh tuyên truyền phổ biến các thông tin, kiến thức về Hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo đến các tổ chức, cá nhân, nhóm cá nhân khởi nghiệp, doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp nhỏ và vừa, góp phần hình thành tinh thần khởi nghiệp và văn

hóa khởi nghiệp trong cộng đồng.

Sau gần 9 tháng phát động Cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tỉnh Quảng Trị năm 2020, đã đạt kết quả tốt, lựa chọn được nhiều dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo có tính khả thi, Sở KH&CN đã đồng hành, phối hợp với các đơn vị gồm Tỉnh đoàn, Hội Liên hiệp Phụ nữ, Các trường Đại học, Cao đẳng, Trường đào tạo nghề trên địa bàn tiến hành sơ tuyển.

ng nghiệp phụ trợ - cơ khí và tự động hóa: 5/20 tổng số dự án/ý tưởng (chiếm 25%).

Cuộc thi đã khép lại, có 06 dự án, ý tưởng đạt giải, gồm **02 giải nhì** (“Khởi nghiệp trang trại chăn nuôi thông minh, cung cấp sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sạch bằng ruồi lính đen” của nhóm tác giả Ngô Thành Sơn, Lê Thanh Tùng và dự án “Bột rau củ sấy lạnh” tác giả Lê Hồng Nguyên); **01 giải ba** (“Farmstay vườn hoa du lịch Hoa sơn điền trang”



Anh Ngô Thành Sơn (giữa) đang giới thiệu về Dự án trang trại chăn nuôi thông minh, cung cấp sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sạch bằng ruồi lính đen. Ảnh: Sỹ Tiến

Đã có 20 dự án/ý tưởng đã được sơ tuyển qua các bước và gửi về Ban Tổ chức cuộc thi. Các dự án/ý tưởng chủ yếu tập trung vào 4 lĩnh vực bao gồm: Du lịch và dịch vụ (bao gồm thực phẩm): 3/20 tổng số dự án, ý tưởng (chiếm 15%); Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (bao gồm phát triển dược liệu): 8/20 tổng số dự án, ý tưởng (chiếm 40%); Công nghệ thông tin - truyền thông: 4/20 tổng số dự án/ý tưởng (chiếm 20%); Công

tác giả Nguyễn Thị Hoài Ly) và **03 giải khuyến khích** (“Tích hợp hóa đơn điện tử vào phần mềm kế toán hợp tác xã nông nghiệp” tác giả Lê Thái Sơn; “Xây dựng nền tảng số hóa trong nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị” nhóm tác giả Võ Thanh Minh, Dương Trọng Hải; Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất mỹ phẩm dược liệu từ các cây thuốc dân gian truyền thống” nhóm tác giả Lê Thanh Huệ, Phan Sĩ Tài).

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

Dự án “Khởi nghiệp trang trại chăn nuôi thông minh, cung cấp sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sạch bằng ruồi lính đen”. Ruồi lính đen là loài côn trùng khá mới mẻ đối với các hộ chăn nuôi trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ý tưởng của dự án hướng đến cung cấp sản phẩm nông nghiệp hữu cơ sạch bằng ruồi lính đen, hình thành 1 trang trại hữu cơ thông minh kết hợp nuôi gà, tôm, cá, bằng ấu trùng ruồi lính đen cung cấp ra thị trường sản phẩm nông sản sạch, an toàn cho người

phụ nữ vùng khó tiện lợi hơn trong chăm sóc dinh dưỡng cho con nhỏ. Bột rau củ sấy lạnh Nguyên Homemade là sản phẩm được thực hiện bằng hệ thống máy sấy lạnh hiện đại, nguyên liệu đầu vào được gia đình tự trồng và thu mua tại vườn các hộ gia đình trên địa bàn làm ra và tuân thủ chặt chẽ các quy trình kỹ thuật trong quá trình chăm sóc và thu hoạch nông sản, về sản phẩm cung cấp ra thị trường không sử dụng chất bảo quản, tạo màu, sản phẩm sử dụng được



Chị Nguyên giới thiệu về sản phẩm bột rau củ quả sấy lạnh. Ảnh: Sỹ Tiến

tiêu dùng. Nuôi ruồi lính đen không cần nhiều diện tích đất nhưng mang lại hiệu quả trong xử lý chất thải nông nghiệp để tạo ra nguồn thức ăn phục vụ chăn nuôi, và làm phân bón hữu cơ, đem lại giá trị kinh tế cao.

Sản phẩm bột rau củ quả sấy lạnh của tác giả Lê Thị Hồng Nguyên ở thôn Cu Ty, xã Hướng Lộc, huyện Hướng Hóa được nhiều người đánh giá cao trong việc sử dụng công nghệ mới để sản xuất tạo ra sản phẩm an toàn giúp

ở mọi lứa tuổi. Đặc biệt là trẻ em mới bắt đầu tập ăn dặm từ 06 tháng tuổi đến các cháu thiếu niên, nhi đồng và người già đều sử dụng tốt, sản phẩm cung cấp các chất dinh dưỡng, chất xơ bổ sung các vitamin cần thiết cho cơ thể. Các sản phẩm đã và đang sản xuất gồm: Bột chùm ngây, bột rau cần tây, bột củ dền, bột diếp cá, bột bí đỏ, bột rau má, bột cải bó xôi, bột khoai lang tím, bột cà rốt, bột rần nước, bột nhái đồng, bột súp lơ xanh, bột hoa đậu biếc, bột rau ngót.



“Farmstay vườn hoa du lịch Hoa sơn điền trang” tác giả Nguyễn Thị Hoài Ly. Với ý tưởng xây dựng mô hình Farm stay này thành nơi nghỉ dưỡng lý tưởng. Tại đây, du khách có thể khám phá nét đẹp hoang sơ của núi rừng, sông suối, trải nghiệm tại vườn cà phê, vườn cây ăn trái và ngắm hoa. Không gian lưu trú sẽ là các Bungalow nhỏ được thiết kế đẹp mắt, đầy đủ tiện nghi theo phong cách châu Âu. Tuy là mô hình còn rất mới lạ, nhưng mở ra nhiều triển vọng mới cho loại hình du lịch cộng đồng ở Hướng Hoá. Đây được coi là một hướng đi mới, phù hợp với tiềm năng lợi thế của địa phương cũng như xu thế du lịch hiện nay.

Với phần mềm “Tích hợp hóa đơn điện tử vào phần mềm kế toán hợp tác xã nông nghiệp”; “Xây dựng nền tảng số hóa trong nông nghiệp tại tỉnh Quảng Trị”; và ý tưởng Ứng dụng khoa học công nghệ sản xuất mỹ phẩm dược liệu từ các cây thuốc dân gian truyền thống” được Ban tổ chức đánh giá cao, có tính thiết thực và hiệu quả khi áp dụng vào thực tế.

Các dự án, ý tưởng tham gia dự thi được Hội đồng chấm thi đánh giá có nhiều điểm nổi bật, nhiều sản phẩm có chất lượng, quy mô và khả năng sáng tạo cao, được đầu tư kỹ lưỡng, có tính khả thi và nhiều khả năng nhân rộng; trong đó có nhiều mô hình sản phẩm có giá trị kinh tế - xã hội và có thể ứng dụng rộng rãi trong sản xuất và đời sống. Sau cuộc thi, Sở sẽ tham mưu với lãnh đạo tỉnh có chính sách hỗ trợ các dự án đạt giải, nhân rộng các dự án đạt giải nhằm hiện thực hóa ý tưởng khởi nghiệp thành sản phẩm cụ thể. Bên cạnh đó, hỗ trợ các dự án, ý tưởng khởi nghiệp về hoạt động bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, đổi mới công nghệ, chuyển giao công nghệ, cải tiến quy trình sản xuất nhằm từng

bước đưa sản phẩm vào thị trường.

Trong nhiệm vụ giải pháp chủ yếu của Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Quảng Trị lần thứ XVII, Nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra: “... *Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đến năm 2025*”. Như vậy, sự thành công của Cuộc thi khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Trị năm 2020 bước đầu đã hiện thực hóa Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh vào cuộc sống và đã chấp cánh cho phong trào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh trong tất cả các lĩnh vực, theo xu hướng chung của phong trào KNDMST trên cả nước. Từ đó tìm kiếm, khuyến khích, thúc đẩy sự phát triển của những ý tưởng, dự án, sản phẩm, mô hình kinh doanh, doanh nghiệp khởi nghiệp mang tính đổi mới sáng tạo, có khả năng tăng trưởng nhanh dựa trên việc khai thác tài sản trí tuệ, công nghệ, mô hình kinh doanh mới trên địa bàn tỉnh. Hy vọng cuộc thi “Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo” tỉnh Quảng Trị năm 2021 sẽ tiếp tục có sức hút đối với nhiều người đang dành nhiều tâm huyết, đam mê cho khởi nghiệp đổi mới sáng tạo. Bởi vì, qua cuộc thi này, các startup không chỉ tranh tài mà còn chia sẻ niềm đam mê sáng tạo của mình đến với nhiều người. Và đó cũng là một trong những bước đi cần thiết của khởi nghiệp đổi mới sáng tạo mà các startup đang theo đuổi. /.

T.T.N



Kết quả hoạt động của Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN năm 2020 và giải pháp trong thời gian tới

Đào Ngọc Hoàng

Giám đốc Trung tâm Nghiên cứu,
Ứng dụng và Thông tin KH&CN Quảng Trị

Năm 2020 khép lại với nhiều cung bậc cảm xúc, tỉnh Quảng Trị đã trải qua một năm đầy khó khăn, thách thức do ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh COVID-19 và thiệt hại do thiên tai, là năm cuối thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI và Kế hoạch thực hiện phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2016-2020, tỉnh nhà với quyết tâm thực hiện hoàn thành ở mức cao nhất các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra. Đồng hành với sự phát triển của tỉnh, Ngành KH&CN đã gặt hái được nhiều kết quả quan trọng trên các lĩnh vực. Dưới sự lãnh đạo sâu sát và toàn diện của Lãnh đạo Sở; sự đồng hành, hỗ trợ của các cấp, ngành, đặc biệt là các phòng, đơn vị thuộc Sở; sự đoàn kết, nỗ lực của cán bộ và nhân viên Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN (Trung tâm), năm 2020 Trung tâm đã đạt được những kết quả nhất định. Tuy nhiên, để xứng đáng hơn nữa với kỳ vọng của toàn xã hội, của các cấp Lãnh đạo, thời gian tới Trung tâm cần có những bước đi mang tính dài hơi, sáng tạo hơn để đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới đặt ra.

Năm 2020 là năm “hướng về cơ sở” của Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN, với mục tiêu đó các nhiệm vụ và hoạt động của Trung tâm xây dựng, đề xuất và triển khai thực hiện chủ yếu xuất phát từ cơ sở và phục vụ thiết thực sản xuất và đời sống ở cơ sở với 14 nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, 3 dự án NTMN; 02 đề tài/dự án cấp tỉnh; 03 đề tài/ dự án cấp cơ sở (Trong đó Trạm Nghiên cứu và Phát triển Nám 02 nhiệm vụ thường xuyên theo chức, 01 dự án cấp cơ sở, 01 dự án NTMN) Các nhiệm vụ thường xuyên theo chức

năng, đề tài, dự án đã triển khai thực hiện đầy đủ, đúng tiến độ, đảm bảo các yêu cầu kỹ thuật, có ý nghĩa khoa học cao, ngày càng đi vào chiều sâu, cụ thể và phục vụ thiết thực sản xuất và đời sống. Hoạt động thông tin KH&CN đã có những bước tiến vượt bậc, các thông tin KH&CN đăng trên Đặc san, Bản tin Thông tin KH&CN, các chuyên mục KH&CN trên Báo Quảng Trị, Chuyên mục KH&CN phát sóng trên Đài PT-TH tỉnh, Cổng Thông tin điện tử KH&CN, website, fanpage... ngày một được cải tiến về hình thức và nội dung đã góp



phần tuyên truyền và phổ biến kịp thời các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về lĩnh vực KH&CN, các kết quả nghiên cứu ứng dụng KH&CN trên địa bàn tỉnh. Hoạt động tham mưu ứng dụng CNTT trong công tác quản lý từng bước được củng cố và đã đáp ứng được cho việc tin học hóa trong công tác quản lý của Sở. Hoạt động phát triển nguồn lực thông tin KH&CN được

nghiên cứu, ứng dụng các sản phẩm sau khi hoàn thiện đã được phát triển sản xuất và thương mại. Trong năm 2020 đã nghiên cứu và phát triển thêm 04 sản phẩm mới trong đó có 01 sản phẩm đã được quảng bá, giới thiệu và thương mại. Như vậy, tính đến nay Trung tâm đã sản xuất và thương mại 12 loại sản phẩm sản xuất chế biến (Trạm NC,PT nắm 3 sản phẩm) và 06 loại chế phẩm vi



Đồng chí Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ giới thiệu các sản phẩm chế biến sâu của Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN với Bí thư Tỉnh ủy Lê Quang Tùng. Ảnh: Xuân Ngo

duy trì, việc cập nhật và bổ sung tài liệu điện tử có giá trị vào Hệ thống thông tin KH&CN thường xuyên và đầy đủ. Đặc biệt năm 2020 Trung tâm đưa cơ sở 2 của Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN bắc Hướng Hóa vào hoạt động đã làm tăng quy mô hoạt động nghiên cứu, ứng dụng cũng như tạo thêm sự đa dạng, phong phú của các sản phẩm nông nghiệp của Trung tâm.

Hoạt động sản xuất và dịch vụ KH&CN: Trên cơ sở kết quả hoạt động

sinh vật phục vụ sản xuất và đời sống. Triển khai dịch vụ quảng cáo trên Đặc san KH&CN và trên Trang thông tin điện tử của Sở; quảng bá, chào bán sản phẩm trên địa bàn trong và ngoài tỉnh qua các kênh thông tin trên mạng; tham gia gian hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm tại các Hội chợ Thương mại trong và ngoài tỉnh; tạo các kênh bán hàng trên mạng nhằm quảng cáo và bán sản phẩm theo hình thức kênh thương mại điện tử, bán hàng online

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

như Shopee, Sendo, Viettel... Ngoài ra, Trung tâm cũng đã tăng cường công tác đào tạo, huấn luyện và chuyển giao tiến bộ KHCN cho người dân. Hoạt động sản xuất, dịch vụ mặc dù chưa đủ mạnh nhưng cũng đã quảng bá, giới thiệu và tiếp cận đưa các sản phẩm ra thị trường và đã tạo được nguồn thu để tăng thu nhập cho viên chức và người lao động toàn đơn vị.

Hoạt động nghiên cứu, ứng dụng của Trạm bắc Hướng Hóa ngày càng đi

tường. Xây dựng mô hình trồng dâu Tây, cà chua Cherry... Đây được xem là mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và ứng dụng công nghệ 4.0 vào sản xuất nông nghiệp đầu tiên ở Quảng Trị. Đặc biệt trong năm 2020 đã đưa cơ sở 2 của Trạm tại thôn Hướng Phú - xã Hướng Phùng - huyện Hướng Hóa vào hoạt động đã làm tăng thêm cơ sở lý luận và thực tiễn đối với hoạt động nghiên cứu, ứng dụng tại Trạm. Các hoạt động ngày càng đi vào chiều



Đồng chí Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở KH&CN giới thiệu các sản phẩm nghiên cứu, chế biến sâu của Trung tâm với Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị Lê Đức Tiến. Ảnh: Hải Yến

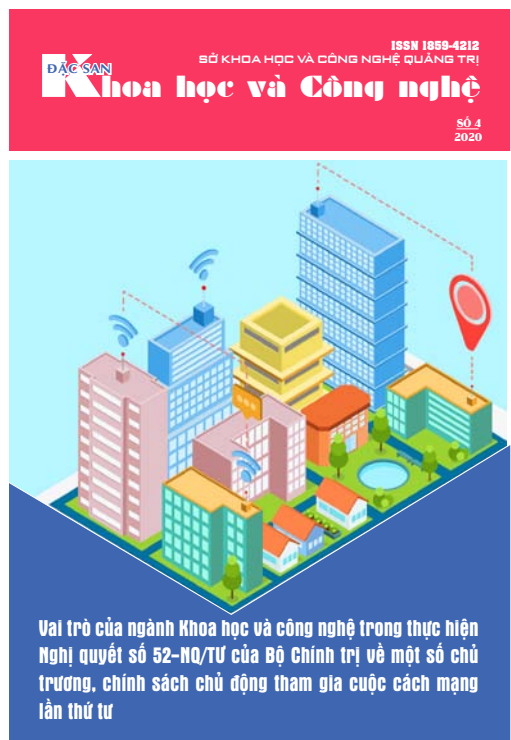
vào chiều sâu và đa dạng. Trên cơ sở các kết quả đạt được, năm 2020 Trung tâm tiếp tục nghiên cứu, khảo nghiệm, thử nghiệm và xây dựng mô hình sản xuất một số đối tượng cây trồng mới như mở rộng quy mô sản xuất Lan Hồ điệp; nhân rộng mô hình sản xuất hoa Lyli, hoa Tulip; tiếp tục khảo nghiệm hoa Đồng tiền lùn, hoa Hồng môn, hoa Cẩm tú cầu; nghiên cứu, thử nghiệm hoa Cát

sâu; các quy trình, công nghệ ngày càng được hoàn thiện và ngày càng thu hút sự quan tâm của tổ chức, cá nhân trong và ngoài tỉnh; tạo được sự liên kết đối với vùng Bắc Trung bộ.

Công tác thông tin tuyên truyền được đẩy mạnh, đã thông tin, tuyên truyền các chủ trương, chính sách của Đảng; pháp luật của Nhà nước; các kết quả hình thành từ các nhiệm vụ nghiên

cứu, ứng dụng... đến với người dân và doanh nghiệp một cách kịp thời thông qua Chuyên mục KH&CN phát sóng trên Đài Phát thanh – Truyền hình tỉnh, trên Báo Quảng Trị (Báo in và Báo điện tử). Đặc san, Bản tin, Fanpage Thông tin Khoa học và Công nghệ Quảng Trị đã tăng số lượng người tiếp cận và tương tác. Đặc biệt, Bản tin Thông tin KH&CN với số lượng 12 số/năm dưới dạng điện tử và cập nhật trên Cổng Thông tin điện tử của Sở tại địa chỉ dostquangtri.gov.vn

qúa trình thực hiện nhiệm vụ cũng như sản xuất và thương mại các sản phẩm. Mưa, bão, lũ kéo dài đã ảnh hưởng lớn hệ thống cơ sở vật chất và các đối tượng nghiên cứu, thử nghiệm, sản xuất tại Trạm nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN bắc Hướng Hóa nhất Đường Hồ Chí Minh đoạn đến Sa Mù bị tắc nhiều ngày đã gây bao khó khăn cho Trung tâm trong việc theo dõi, chỉ đạo, vận chuyển vật tư phục vụ cho hoạt động của Trạm. Tuy nhiên, dưới sự chỉ đạo sát sao của



Hoạt động thông tin KH&CN ngày càng được nâng cao chất lượng về nội dung và hình thức, đáp ứng nhu cầu thông tin của xã hội. Ảnh: Nguyễn Thị Hòa

đã giúp chuyển tải thông tin nhanh hơn, tiết kiệm được chi phí in ấn, phát hành... Bộ máy tổ chức của Trung tâm dần đi vào ổn định trên cơ sở hoàn thiện vị trí việc làm, tham mưu tổ chức tuyển dụng viên chức và bổ nhiệm 02 trưởng phòng và 01 phó trưởng phòng.

Ảnh hưởng của dịch Covid-19 và bão, lũ trong năm đã làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Trung tâm trong

Sở Khoa học và Công nghệ; sự nỗ lực, quyết tâm của toàn thể công chức, viên chức và người lao động toàn Trung tâm thời gian qua đã kịp thời khắc phục các khó khăn, tổn thất đưa Trạm sớm đi vào hoạt động ổn định và đặc biệt là đáp ứng được nhu cầu sản xuất hoa phục vụ Tết Nguyên đán. Bên cạnh đó, điều kiện vật chất còn thiếu thốn; nhiều nhiệm vụ chưa đáp ứng đầy đủ các trang thiết bị,

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

dụng cụ, máy móc; có nhiệm vụ phải sử dụng chung phòng, chung dụng cụ,... nên phần nào ảnh hưởng tiến độ cũng như kết quả của nhiệm vụ. Mặt khác, địa bàn hoạt động rộng và cả ở những địa bàn khó khăn; lực lượng cán bộ mỏng nên đôi lúc chưa đáp ứng được yêu cầu của công việc một cách kịp thời.

Thời gian tới, trong bối cảnh mới và trước yêu cầu mới về phát triển kinh tế - xã hội cùng với những cơ hội và

trong và ngoài nước; thúc đẩy ươm tạo công nghệ, ươm tạo và thành lập Doanh nghiệp KH&CN và từng bước thực hiện cơ chế tự chủ theo Nghị định 54 của Chính phủ.

Kiện toàn hệ thống quản lý, hoạt động cũng như tổ chức bộ máy; Xây dựng, đề xuất và thực hiện các nhiệm vụ, đề tài, dự án khoa học - công nghệ cụ thể, thiết thực, phù hợp với chủ trương chung của tỉnh, định hướng chung của ngành.



Tập huấn sử dụng chế phẩm vi sinh trong nuôi tôm. Ảnh: Lê Ngọc Trí

thách thức do bối cảnh quốc tế, khu vực trong nước, trong tỉnh đặt ra cho ngành KH&CN nói chung và Trung tâm nói riêng, đòi hỏi Trung tâm phải có sự đổi mới cơ bản và có những bước phát triển mạnh mẽ mang tính chiến lược. Cụ thể:

Mục tiêu chung:

Phát triển Trung tâm theo hướng nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực gắn với các phòng thí nghiệm, các tổ chức nghiên cứu và phát triển, các trung tâm dịch vụ kỹ thuật cao, doanh nghiệp có liên kết với các tổ chức KH&CN tiên tiến

Nâng cao nhận thức, phát triển tiềm lực, đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và đời sống để phát triển kinh tế - xã hội, góp phần phục vụ sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Nâng cao hoạt động thông tin và thống kê KH&CN đáp ứng được yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước; tuyên truyền sâu rộng, kịp thời, thiết thực vào đời sống, góp phần mang lại hiệu quả cao trong nghiên cứu, ứng dụng và phát triển ngành KH&CN nói riêng và phát

triển kinh tế - xã hội nói chung.

Xây dựng Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa thành mô hình nông nghiệp công nghệ cao đầu tiên của tỉnh sau đó nhân rộng ra toàn khu vực thông qua việc mời gọi các nhà đầu tư, doanh nghiệp và người dân.

Xây dựng Trạm Nghiên cứu và Phát triển Năm thành Trạm Nghiên cứu và sản xuất chuyên sâu về phát triển sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

vực nông nghiệp, công nghiệp chế biến, môi trường.

Tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng, đa dạng phương pháp truyền thông khoa học và công nghệ theo hướng chuyên sâu, sát hợp với nhu cầu nghiên cứu và ứng dụng, góp phần đắc lực và thiết thực vào sự phát triển kinh tế xã hội của địa phương; Tạo điều kiện cho mọi người dân có thể khai thác sử dụng mọi lúc, mọi nơi; Hình thành



Sản xuất bịch phân để cấy giống nấm dịch thể tại Trạm Nghiên cứu và Phát triển Năm.

Ảnh: Sỹ Tiến

Mục tiêu cụ thể:

Đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị và nguồn nhân lực tốt nhất để đảm bảo điều kiện triển khai các hoạt động nghiên cứu, ứng dụng KH&CN có hiệu quả nhất.

Xây dựng và phát triển công nghệ sinh học thông qua hoạt động nâng cao nhận thức cho người dân và doanh nghiệp trong việc ứng dụng công nghệ sinh học; tuyên truyền, hợp tác, chuyển giao ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh, trong đó ưu tiên các lĩnh

hệ thống phổ biến thông tin khoa học đến cơ sở, thúc đẩy sâu rộng việc ứng dụng tiến bộ KH&CN vào sản xuất và đời sống; Nâng cao chất lượng và tính chuyên nghiệp của đội ngũ nhân lực làm công tác truyền thông khoa học công nghệ; Tăng cường nguồn lực cho công tác truyền thông KH&CN theo hướng đa dạng hóa và xã hội hóa các nguồn lực đầu tư.

Xây dựng hạ tầng thông tin của tỉnh về KH&CN (gồm có cơ sở dữ liệu và trang thiết bị để xử lý, truyền tải và lưu

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

giữ thông tin KH&CN), đẩy mạnh hoạt động khai thác, ứng dụng cơ sở dữ liệu KH&CN vào hoạt động quản lý, sản xuất, kinh doanh...

Hoạt động thống kê KH&CN đáp ứng được yêu cầu phục vụ quản lý nhà nước; đưa ra được các con số thống kê về hoạt động KH&CN của địa phương nhằm phục vụ cho công tác hoạch định các chính sách về KH&CN.

đời sống, nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học trong chọn tạo các giống cây trồng như: Ứng dụng các loại chế phẩm vi sinh xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (VSV quang dưỡng xử lý H₂S, NH₃...) nhằm thay thế việc xử lý bằng hóa chất, sử dụng các loại chế phẩm sinh học bổ sung men đường ruột để hỗ trợ tiêu hóa giảm hệ số thức ăn, nâng cao sức đề kháng phòng trừ dịch bệnh;



Trung tâm đã làm chủ được công nghệ nuôi Đông trùng hạ thảo trên ký chủ nhộng tằm.
Ảnh: Sỹ Tiến

Chuyển giao, phổ biến các kiến thức về khoa học và công nghệ cho các tổ chức và cá nhân có nhu cầu kịp thời, có hiệu quả phục vụ trong sản xuất kinh doanh và quản lý.

Để đạt được mục tiêu đề ra ở trên, trong giai đoạn 2021-2025 Trung tâm sẽ tập trung thực hiện các nội dung, giải pháp chính sau:

Đối với hoạt động Nghiên cứu, Ứng dụng và Phát triển KH&CN

Nâng cao nhận thức về ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất và

Ứng dụng kỹ thuật PCR chẩn đoán bệnh do vi khuẩn, virus gây ra trên đối tượng tôm, cá, cây Hồ tiêu và cây công nghiệp khác; Nghiên cứu, ứng dụng các phương pháp sinh học trong bảo quản các sản phẩm thủy sản (màng sinh học, muối vô cơ, điều chỉnh pH,...) nhằm hạn chế sự hao hụt giá trị dinh dưỡng của các sản phẩm và đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm;...

Đẩy mạnh việc sản xuất, chế biến chuyên sâu các loại nông sản, dược liệu có giá trị kinh tế cao: Nghiên cứu nhân



nhánh sinh khối một số cây dược liệu (lan Kim tuyến, lan Gấm, Đảng sâm...) bằng phương pháp nuôi cấy *in vitro* để thu sinh khối, chiết xuất các hợp chất thứ cấp thay thế dần nguồn nguyên liệu tự nhiên...

Tiếp nhận và cập nhật các giải pháp, quy trình kỹ thuật, kết quả nghiên cứu mới về công nghệ sinh học và công nghệ khác như: Tiếp nhận các thành tựu

Tăng cường ứng dụng và chuyển giao các giải pháp xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học trên địa bàn tỉnh; Tăng cường ứng dụng và chuyển giao các giải pháp xử lý chất thải bằng công nghệ sinh học ở các đô thị, khu công nghiệp và vùng nông thôn, nhằm phòng ngừa, khắc phục suy thoái và ô nhiễm môi trường; Nghiên cứu ứng dụng công nghệ sinh học để phục hồi các hệ sinh



Cán bộ Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN hướng dẫn người dân sử dụng chế phẩm vi sinh để ủ phân hữu cơ từ phế phụ phẩm nông nghiệp. Ảnh: Lê Ngọc Trí

về công nghệ sinh học trong hoạt động chẩn đoán bệnh bằng kỹ thuật PCR. Tăng cường áp dụng các quy trình an toàn sinh học, các sản phẩm sinh học trong việc kiểm tra an toàn thực phẩm để đảm bảo sức khỏe cho người dân; Tiếp cận, nắm bắt các chương trình, dự án hợp tác quốc tế về công nghệ sinh học của Chính phủ, các Bộ, ngành, Viện Nghiên cứu để chủ động đề xuất tham gia, xin tài trợ, hỗ trợ thông qua các chương trình hợp tác quốc tế của Trung ương.

thái tự nhiên, giữ gìn và sử dụng hợp lý các nguồn tài nguyên vì mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh;...

Hoạt động thông tin, tư vấn – đào tạo và chuyển giao công nghệ:

Hoạt động thông tin sẽ tập trung tuyên truyền sâu, rộng các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước cũng như của địa phương về KH&CN; Các hoạt động KH&CN diễn ra tại địa phương; Các thành tựu KH&CN mà địa phương đã đạt được; Các mô hình áp dụng tiến bộ KH&CN trong sản

HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

xuất kinh doanh hiệu quả.

Nâng cao chất lượng, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, tăng dần số lượng tin, bài/tần số phát sóng các chuyên mục KH&CN trên các phương tiện truyền thông địa phương và trung ương, các kênh truyền thông chuyên ngành như thông qua các ấn phẩm thông tin KH&CN, Cổng thông tin điện tử chuyên ngành. Xây dựng chương trình Khoa giáo trên Đài PTTH Quảng

Tăng cường tiềm lực thông tin KH&CN: Tiếp tục đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ cho cán bộ làm công tác truyền thông KH&CN. Tập trung tạo lập nguồn tin KH&CN thông qua số hóa, xây dựng các CSDL về KH&CN chuyên ngành, đặc biệt CSDL về các kết quả nghiên cứu KH&CN, phục vụ tốt công tác nghiên cứu, quản lý của ngành cũng như việc hoạch định các chính sách, chiến lược của tỉnh, sự phát triển của toàn xã hội.



Người dân tham quan mô hình ứng dụng công nghệ cao trong sản xuất Hoa Lily tại Trạm Nghiên cứu, Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa. Ảnh: Sỹ Tiến

Trị; Xây dựng chương trình phát thanh về KH&CN trên Đài PTTH Quảng Trị; Tăng cường sự tương tác nhiều chiều trên Cổng thông tin điện tử KH&CN, hỗ trợ truy cập trên các thiết bị di động, cầm tay; Hoàn thiện Kênh Hỏi - Đáp KH&CN nhằm hỗ trợ tối đa cho người dân trong công tác giải đáp những thắc mắc về các chủ trương, chính sách, cũng như cung cấp cho người dân các quy trình kỹ thuật, các mô hình áp dụng tiến bộ KH&CN hiệu quả trên địa bàn.

Thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo thống kê theo quy định của tỉnh và của ngành; Phối hợp thực hiện các cuộc điều tra thống kê của các tổ chức của Bộ KH&CN và địa phương; Nghiên cứu, tính toán các chỉ số thống kê quan trọng về KH&CN: Các chỉ số Đổi mới sáng tạo, Chỉ số đánh giá trình độ công nghệ sản xuất; Từng bước tin học hóa các hoạt động thống kê KH&CN: Xây dựng các phần mềm tính toán các chỉ số thống kê KH&CN phục vụ công tác thống kê của



địa phương.

Xây dựng các giải pháp, phần mềm quản lý chuyên ngành KH&CN phục vụ công tác tin học hóa hoạt động quản lý nhà nước của Sở KH&CN, góp phần thực hiện hiệu quả công tác cải cách hành chính của đơn vị.

Đối với hoạt động của Trạm Nghiên cứu và Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa:

Tiếp tục kiện toàn nguồn nhân lực đáp ứng về số lượng và chất lượng để 02 Trạm hoạt động hiệu quả; Tiếp tục đầu tư cơ sở vật chất (nhà màng, nhà kính...và một số dụng cụ thiết yếu) đủ điều kiện để triển khai thực hiện các nhiệm vụ.

Đẩy mạnh công tác sản xuất và phát triển các loại hoa, quả, dược liệu đã và đang triển khai thực hiện tại Trạm; tiếp tục nghiên cứu, thử nghiệm và hoàn thiện quy trình, công nghệ một số đối tượng mới; tiếp tục nâng cấp, đẩy mạnh hoạt động và xây dựng Trạm thành mô hình ngày càng hoàn thiện.

Nâng cao việc nghiên cứu, khảo nghiệm và xây dựng các quy trình sản xuất với một số đối tượng cây trồng, con nuôi mới phù hợp với đặc điểm khí hậu, thời tiết và lợi thế riêng của vùng như giống hoa mới, cây dược liệu mới,.. Xây dựng mô hình trồng thử nghiệm cây hoa Hướng dương; xây dựng mô hình sản xuất giống hoa Cẩm tú cầu, Dã quỳ, Trạng nguyên, Cẩm chướng.

Chuyển giao các công nghệ đã ứng dụng thành công tại Trạm cho người dân trong vùng để nhân rộng các mô hình sản xuất; Sản xuất và nhân giống các đối tượng sản xuất mới để cung cấp cho người dân trong vùng và các vùng lân cận; Hình thành vùng sản xuất đặc thù với những sản phẩm đặc hiệu, quý hiếm và có giá trị kinh tế cao.

Nâng cao hoạt động Trạm Nghiên cứu và Phát triển nấm: Chú trọng sản

xuất các loại nấm theo hướng thâm canh, đặc thù và nâng cao giá trị sản phẩm; Mở rộng địa bàn sản xuất, tập trung thương mại hóa các sản phẩm, ưu tiên sản xuất các loại nấm cao cấp như nấm Linh chi, Vân chi, Hàu thủ, Đùi gà, Kim chi. Kiện toàn bộ máy hoạt động của Trạm; đào tạo nâng cao năng lực cho cán bộ và người lao động theo hướng chuyên ngành công nghệ sinh học, công nghệ thực phẩm hoặc tương đương để phù hợp với yêu cầu sản xuất.

Hy vọng rằng, với sự lãnh đạo sâu sát của các cấp có thẩm quyền, đặc biệt là Lãnh đạo Sở KH&CN, cùng với sự phối hợp của các phòng, ban ngành chức năng; lấy kết quả đã đạt được trong thời gian qua làm động lực để phấn đấu, biến thách thức thành cơ hội; trên cơ sở những mục tiêu, nội dung, giải pháp được đưa ra, với sức trẻ và nhiệt huyết của mình Trung tâm quyết tâm đoàn kết, thống nhất, năng động hơn nữa, sáng tạo hơn nữa để đạt được mục tiêu đề ra, xứng đáng với sự kỳ vọng của Lãnh đạo và của xã hội./.

Đ.N.H



Xuân Quê

Trần Công Sinh

Xuân đã đến! đất trời thêm say đắm
Giọt sương rơi tô thắm sắc lá cành
Cánh mai vàng trong nắng sớm long lanh
Cành dương liễu buông màn ru cùng gió

Xuân đã đến! con đường xưa lại nhỏ
Rộn bước chân hoa cỏ, tiếng yêu đương
Giọng em thơ ríu rít nhẹ nhàng thương
Ánh mắt mẹ dâng ương niềm hạnh phúc

Xuân đã đến! lòng người thêm rạo rức
Người tha phương háo hức tiếng quê hương
Nhịp thời gian vội vã níu vô thường
Niềm hạnh phúc vẫn vương thêm nỗi nhớ.

Xuân đã đến! mang tết về hăm hở
Đạm sắc màu rực rỡ cả vùng quê
Cảnh người xe rộn rã khắp đường về
Thương các cụ mãi mê câu đối đỏ

Chùm bong bóng rung rinh tay em nhỏ
Khói lam chiều quện hoa cỏ ngày xuân
Vít cây nêu dóm nổi bánh chưng xanh
Cả nhà ai quây quần bên bếp lửa

Những mảng tối đông tàn trong cổ úa
Ánh hồng tươi xen giữa nét xuân son
Bức tranh quê lộng lẫy đẹp muôn ngàn
Thả hồn mộng trong hoa thơm, nắng ấm!

Gánh hàng xuân

Lý Thị Minh Châu

*Em gánh mùa xuân ra chợ
Dung dăng hoa lý hoa hồng
Ngọt ngào nụ môi chớm nở
Rộn ràng thắt đáy lưng ong*

*Em gánh mùa xuân ra phố
Lá hoa rạng rỡ khoe tươi
Lần đầu chưa qua bờ ngõ
Gặp ai cũng tưu tít mời*

*Chim chóc từng đôi kết tổ
Ấm nồng san sốt ngày sau
Gái trai nên chồng nên vợ
Thấp tình yêu qua mắt nhau*

*Em gánh mùa xuân ra chợ
Thơm thơm hoa lý hoa hồng
Ngọt ngào nụ môi chớm nở
Nói gì đi chứ nhớ mong*

Nhận thức của người dân về các điệu hò Quảng Trị qua kết quả điều tra xã hội học

Nguyễn Thị Tâm Hạnh, Hoàng Thị Ái Hoa¹
Lê Đình Hào²

¹ Phân viện Văn hóa Nghệ thuật Quốc gia Việt Nam tại Huế

² Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch Quảng Trị

1. Mở đầu

Dân ca là một loại hình không cần đến sự hỗ trợ của nhạc cụ, phương tiện nào vẫn có thể diễn xướng, bởi chất liệu của nó chính là lời nói của con người. Cũng vì lẽ đó, dân ca được xem là loại hình nghệ thuật dân gian xuất hiện sớm nhất của bất cứ dân tộc nào.

Với người Việt, dân ca không chỉ gắn với đời sống vui chơi, lao động sản xuất mà còn gắn bó với đời sống tâm linh của cả cộng đồng. Dân ca, vì thế, vừa thể tục, vừa thiêng liêng; vừa giúp giải tỏa những nhọc nhằn trong lao động sản xuất, vừa là phương tiện để con người hướng đến thần, thánh, linh hồn của người đã khuất với sự thành kính.

Vốn được hình thành trong điều kiện chưa có chữ viết, dân ca được sáng tác và truyền miệng từ thế hệ này sang thế hệ khác, và được xem là tài sản chung; mang mỹ cảm truyền thống với những âm thanh, nhịp điệu, tiết tấu, lời ca, môi trường diễn xướng... được chia sẻ trong cộng đồng. Những làn điệu dân ca còn tồn tại cho đến ngày này đã trải qua một quá trình sàng lọc hàng nghìn năm,

chứng minh được giá trị, chức năng của mình đối với tiến trình phát triển của một dân tộc.

Ở Việt Nam, không chỉ hầu như dân tộc nào cũng có dân ca, mà hơn thế, có dân tộc có cả hàng chục, thậm chí hàng trăm loại hình khác nhau. Với dân tộc Kinh, có thể kể đến: ca trù, chèo, cải lương, ví dặm, hát đúm, hát ghẹo, hát phường vải, hát sắc bùa, lý, hát xoan, Và, một loại hình không thể không nhắc đến, đó là Hò.

Sống trên vùng vùng đất không mấy thuận lợi về điều kiện tự nhiên, trải qua hàng trăm năm khai đất, lập làng, người dân Quảng Trị đã không ngừng lao động, sản xuất, chinh phục, thích ứng với điều kiện sinh thái để sinh tồn và phát triển. Trong quá trình ấy, họ đã đồng thời sáng tạo nên những điệu hò vừa mang màu sắc chung của vùng miền, vừa mang những dấu ấn đặc thù của địa phương.

Tuy nhiên, trước tác động của nhiều yếu tố chủ quan và khách quan, các điệu hò ở Quảng Trị đang đứng trước nguy cơ thất truyền và mai một. Thực trạng này, cũng đòi hỏi những giải pháp

nhằm bảo tồn và phát huy một cách kịp thời. Để có những đánh giá khách quan, chúng tôi đã tiến hành điều tra xã hội học về thực trạng, nhận thức của người dân về các diệu hò Quảng Trị, trong đó tập trung nhất là diệu hò giã gạo, và đã ghi nhận được những kết quả bước đầu.

2. Kết quả điều tra xã hội học về các diệu hò ở Quảng Trị

2.1. Thời gian, địa bàn thực hiện công tác kiểm kê khoa học

- Thời gian: Tháng 7 năm 2020
- Địa bàn khảo sát: Huyện Hải Lăng

2.2. Mục đích

- Khảo sát và đánh giá thực trạng về nhận thức cũng như sinh hoạt văn hóa gắn với các diệu hò Quảng Trị được sáng tạo, bảo tồn và truyền lưu qua hàng trăm năm nay.

- Bước đầu tập hợp một cách có hệ thống những dữ liệu cụ thể do cộng đồng cung cấp, để đánh giá thực trạng của các diệu hò Quảng Trị nói chung, hò Quảng Trị nói riêng. Từ đó, góp phần xác lập căn cứ khoa học và thực tiễn cho việc xây dựng Chương trình hành động



Đồng chí Trần Ngọc Lâm, TUV, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ phát biểu tại phiên họp kiểm tra tiến độ đề tài “Nghiên cứu bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa phi vật thể các diệu hò trên đất Quảng Trị”. Ảnh: Hải Yến

(xã Hải Thượng, thị trấn Diên Sanh); Huyện Triệu Phong (xã Triệu Sơn, Triệu Trung); Huyện Cam Lộ (các xã Thanh An, Cam Thủy, Cam Tuyên, Cam Hiếu, Cam Chính, Cam Nghĩa, Thị trấn Cam Lộ); Huyện Gio Linh (Thị trấn Gio Linh, xã Gio Mai); Huyện Vĩnh Linh (xã Vĩnh Giang, An Thành; Thị trấn Cửa Tùng, Hồ Xá).

bảo tồn và khai thác giá trị của các diệu hò ở Quảng sau này. Trong đó có kế hoạch tiếp tục triển khai hoạt động sưu tầm, bảo tồn, quảng bá và khai thác giá trị các diệu hò Quảng Trị phục vụ công cuộc xây dựng đời sống văn hóa cơ sở và phát triển du lịch của tỉnh Quảng Trị một cách bền vững (như đã tiến hành ở những cấp độ và mức độ khác nhau từ

nhiều năm trước đây, tại hầu khắp các địa phương thuộc tỉnh Quảng Trị).

2.3. Thông tin chung về đối tượng khảo sát

Nhóm khảo sát đã tiến hành điều tra xã hội học với số lượng 100 phiếu, được xây dựng theo mẫu của Thông tư 04/2010/TT-BVHTTDL, ngày 30-6-2010 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về “Quy định việc kiểm kê di sản văn hóa phi vật thể và lập hồ sơ khoa học di sản văn hóa phi vật thể để đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia”.

Với 100 phiếu phân phối cho 5 huyện (Hải Lăng, Triệu Phong, Cam Lộ, Gio Linh, Vĩnh Linh), đối tượng khảo sát không chỉ tập trung vào những người đang trực tiếp thực hành các điệu hò ở Quảng Trị mà còn phỏng vấn những người am hiểu về loại hình diễn xướng này, với cơ cấu giới tính, độ tuổi, nghề nghiệp, trình độ học vấn như sau:

* Về tỷ lệ giới tính của người trả lời: Nam giới 45 người và chiếm 45%, nữ giới là 55 người và chiếm 55%.

* Về độ tuổi của người trả lời: Trên 60 tuổi (20%), từ 50 đến 60 tuổi (29%), từ 35 đến 49 tuổi (30%), 19 đến 34 tuổi (16%), dưới 18 tuổi (5%)

* Về thành phần nghề nghiệp của người trả lời:

Chủ yếu là người dân lao động (nông dân [28%] và người làm nghề tự do [15%]), viên chức nhà nước (31%), nghỉ hưu [11%], còn lại là các thành phần khác (ngư dân, dịch vụ, học sinh, sinh viên, cán bộ thôn...).

2.4. Kết quả khảo sát

2.4.1. Nhận thức và thực hành các điệu hò Quảng Trị nói chung

- Trong số các tên gọi của các điệu hò được đưa ra khảo sát, gần gũi nhất (có nghe đến hoặc có biết) với đối tượng được hỏi là các điệu hò: *giã gạo* (91% người trả lời có biết), *hò hụi* (78%), *hò*

mái nhì (72%), *hò khoan* (77%); tiếp đến là các điệu hò *ru em* (48%), *bài chòi* (41%), *mãi đẫy* (36%), *đưa linh* (20%). Các điệu hò chưa được 10 người trong số 100 người được hỏi biết đến là: *hò xay lúa* (8%), *hò lơ* (4%), *hò ô* (3%), *hò kéo thác* (3%), *hò đẫy nước* (1%), *hò đưa ghe* (1%), *hò bài thai* (1%), và các *điệu hò khác* (2%)

- Trong số 100 người được hỏi, số người biết hò ít nhất một điệu hò là 67 người. Đây là một tỉ lệ khá cao mà có lẽ một trong những nguyên nhân quan trọng là cán bộ địa phương có chủ ý giúp nhóm nghiên cứu tiếp cận được nhiều người hiểu biết về các điệu hò. Trong số này, có 62 người biết hò giã gạo, 39 người biết hò khoan, 45 người biết hò mái nhì, 44 người biết hò hụi, 18 người biết hò ru em, 14 người biết hò mái đẫy, 2 người biết hò đưa linh, 2 người biết hò mái sấp, 4 người biết hò bài chòi, 2 người biết các điệu lý Huế. Nhiều người có thể biết đến 5 điệu hò khác nhau.

- Người được hỏi biết diễn xướng các điệu hò cùng một lúc nhiều nguồn khác nhau, trong đó, chủ yếu nghe người thân biết hò rồi hò theo (67 trường hợp), được nghệ nhân hướng dẫn, truyền dạy (36 trường hợp), tự học qua các phương tiện truyền thông (28 trường hợp), được đào tạo chuyên nghiệp chỉ 2 trường hợp, học từ các nguồn khác như thông qua các lớp tập huấn, phong trào văn nghệ (9 trường hợp).

- Về vai trò của các điệu hò đối với cộng đồng, 60/100 người được hỏi cho rằng chúng rất quan trọng, 35/100 người cho rằng chúng quan trọng và ý kiến khác là 4/100 người.

2.4.2. Nhận thức và thực hành hò giã gạo

* Về tên gọi

Trong số 100 người được hỏi, có 9 người hoàn toàn chưa nghe về Hò giã

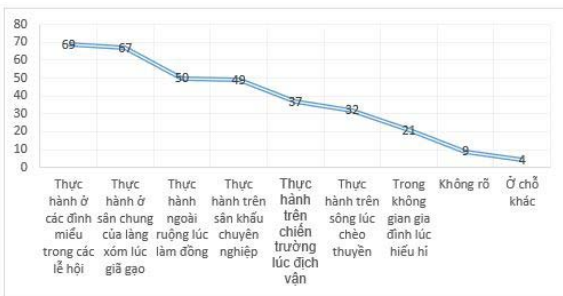
gạo. Trong số 91 người còn lại, có 68 trường hợp cho rằng hò giã gạo chỉ có một tên duy nhất, 15 trường hợp cho rằng Hò giã gạo còn có tên khác là *hò khoan*, 8 trường hợp cho rằng *hò giã gạo* còn có tên khác là *hò đối đáp*. Như vậy, tên gọi *hò giã gạo* là cách gọi phổ biến nhất trong cộng đồng.

*** Về nguồn gốc**

Trong số 100 người được hỏi, 12 trường hợp không có câu trả lời. Đối với 88 trường hợp còn lại, với nhiều phương án trả lời khác nhau, phần lớn đều cho rằng Hò giã gạo được hình thành trong quá trình vui chơi, lao động sản xuất (83 trường hợp, 94,3% người có câu trả lời); một số còn cho rằng được hình thành trong quá trình thực hành nghi lễ (17 trường hợp, 15.5% người có câu trả lời) và mang theo từ đất Bắc (7 trường hợp, 6.4% người có câu trả lời); 3 trường hợp cho rằng Hò giã gạo Quảng Trị xuất phát từ Hò giã gạo Huế và chịu ảnh hưởng của Chăm.

*** Về không gian thực hành**

Trong số 100 người được hỏi, 9 người không rõ hoặc không có câu trả lời; mức độ phổ biến không gian và thời gian thực hành hò giã gạo được thể hiện qua bảng bảng và biểu đồ như sau:



Biểu đồ Mức độ phổ biến về không gian và thời gian thực hành Hò giã gạo

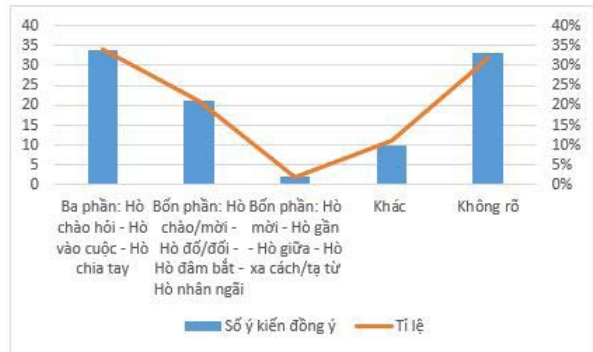
*** Về nội dung của Hò giã gạo**

Các ý kiến trả lời cho rằng, Hò giã gạo chủ yếu thể hiện các nội dung: tâm

tình, giao duyên, tuyên truyền vận động và răn dạy đạo đức. Do Quảng Trị là vùng giới tuyến trong chiến tranh nên nội dung chống giặc cũng giữ một phần quan trọng (42%). Ngoài ra trên 30% các ý kiến cho rằng Hò giã gạo thể hiện các nội dung đấu trí, ca ngợi thần linh và kể chuyện điển tích.

*** Về cấu trúc một buổi hò giã gạo**

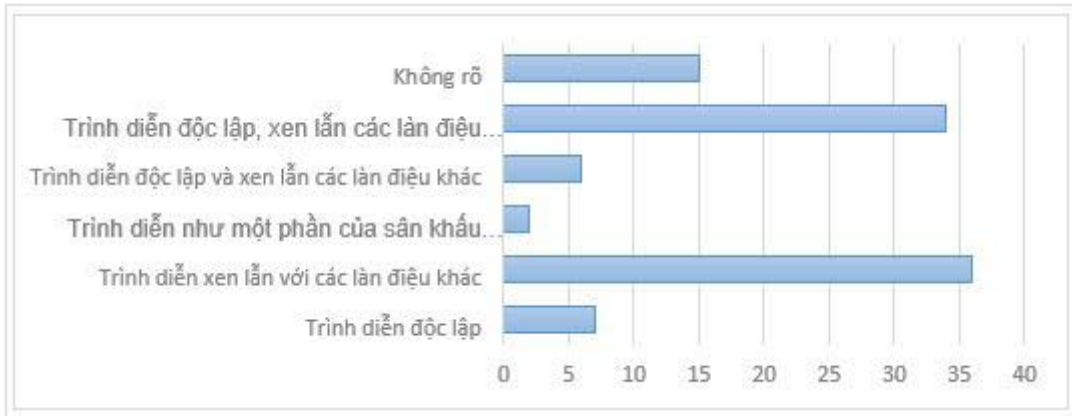
Có sự phân tán cao trong hiểu biết của cộng đồng về cấu trúc của một buổi hò giã gạo. Không chỉ người không biết hò mà kể cả người biết hò cũng không nắm rõ cấu trúc từ đầu đến cuối của một buổi hò giã gạo (32%); 34% ý kiến cho rằng Hò giã gạo có 3 phần Hò chào hỏi - Hò vào cuộc - Hò chia tay; 23% cho rằng có bốn phần, trong đó phổ biến là 4 phần với cách định danh Hò chào/mời - Hò đối/đối - Hò đâm bắt - Hò nhân ngãi (21%); 10 trường hợp còn lại cho rằng cách chia ba phần và bốn phần đều có thể chấp nhận được.



Biểu đồ: Nhận thức về cấu trúc của một buổi hò giã gạo

*** Về mối liên hệ với các loại hình diễn xướng khác**

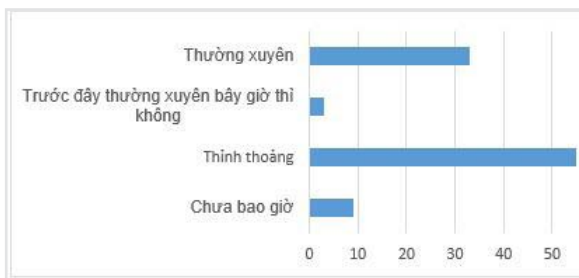
Các ý kiến trả lời cho thấy, hò giã gạo là một loại hình nghệ thuật được trình diễn với các loại hình diễn xướng khác một cách phổ biến. Cụ thể:



Biểu đồ: Nhận thức về mối liên hệ giữa hò giã gạo với các loại hình nghệ thuật khác trong trình diễn

*** Về mức độ thường xuyên nghe điệu hò giã gạo**

Trong số các trường hợp chưa bao giờ nghe hò giã gạo, chủ yếu là Nam trong độ tuổi dưới 50 và trình độ Đại học trở lên. Số thỉnh thoảng nghe hò giã gạo chủ yếu là nông dân, có trình độ phổ thông và ở độ tuổi trung niên; trong khi đó, đối tượng thường xuyên nghe hò giã gạo chủ yếu tập trung ở độ tuổi trên 60.



Biểu đồ: Mức độ thường xuyên nghe Hò giã gạo

4.2.5. Về môi trường thường thức hò giã gạo

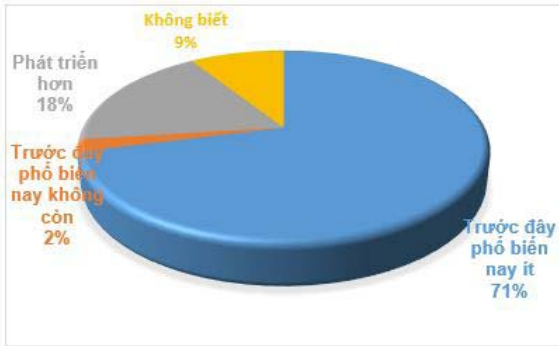
Hiện nay, người dân chủ yếu nghe các điệu hò cổ truyền trong các chương trình hội diễn văn nghệ quần chúng, các phương tiện truyền thông đại chúng và trong một số lễ hội của địa phương. Cụ thể:

Môi trường thường thức Hò giã gạo	Số ý kiến đồng ý	Tỷ lệ (%)
Nghe trong các dịp hội làng	54	54%
Nghe trong các chương trình văn nghệ quần chúng	84	84%
Nghe trong các câu lạc bộ văn nghệ dân gian	47	47%
Nghe trong các chương trình sân khấu chuyên nghiệp	37	37%
Nghe trên các phương tiện truyền thông đại chúng	52	52%
Chưa nghe bao giờ	9	9%

*** Về sự biến đổi của hò giã gạo**

Trên 70% ý kiến cho rằng, hò giã gạo không còn phổ biến như trước; 18% có ý kiến trái ngược, cho rằng hò giã gạo phát triển hơn trước – phần lớn trong số họ đang sinh hoạt trong các câu lạc bộ địa phương. Nói cách khác, trên tổng thể, hò giã gạo ít phổ biến hơn trước nhưng ở một bộ phận người dân, với sự nỗ lực của chính quyền đã có những tín

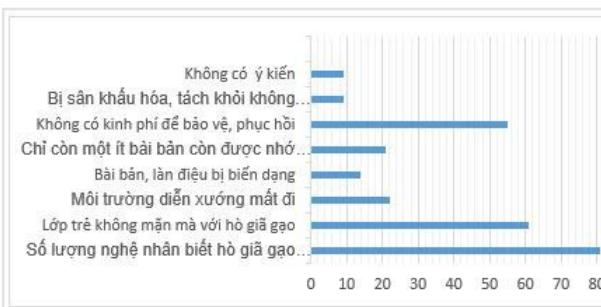
hiệu tốt trong quá trình bảo tồn, phát huy trong đời sống tinh thần của người dân.



Biểu đồ: Sự biến đổi của hò giã gạo

*** Về nguyên nhân suy giảm hò giã gạo**

Trong số những nguyên nhân dẫn đến suy giảm hò giã gạo, các ý kiến tập trung vào ba nguyên nhân chính: nghề nhân biết hò giã gạo ít đi hoặc ngày càng già yếu (81%), lớp trẻ không mặn mà (61%) và không có kinh phí phục hồi (55%). Ngoài ra, các nguyên nhân khác là môi trường diễn xướng bị mất đi (22%), chỉ còn một ít bài bản còn được nhớ đến (21%), bài bản, làn điệu bị biến dạng (14%).



Biểu đồ: Nguyên nhân suy giảm thực hành hò giã gạo

*** Về ý nghĩa của hò giã gạo đối với đời sống cộng đồng**

10% không có ý kiến, 4% ý kiến cho rằng hò giã gạo đem lại nguồn thu nhập cho người dân; phần lớn các ý kiến còn lại cho rằng hò giã gạo chủ yếu mang ý

nghĩa tinh thần với thứ tự là Góp phần kết nối cộng đồng (78%), Vui chơi giải trí (75%), Giáo dục luân thường đạo lý (66%), góp phần duy trì lễ hội truyền thống (51%), Tổ lòng thành kính thần linh (37%), Hệ thống hóa tri thức dân gian (34%).

*** Về các giải pháp bảo tồn, phát huy**

Các ý kiến đưa ra nhằm bảo tồn và phát huy hò giã gạo hiện nay chủ yếu tập trung vào giải pháp quản lý, kinh phí, sưu tầm và truyền dạy. Nhìn chung, thực tiễn của di sản đang đòi hỏi những giải pháp đồng bộ, toàn diện.

Một số giải pháp bảo tồn phát huy	Tỉ lệ ý kiến
Tăng cường công tác quản lý, bảo vệ hò giã gạo	84%
Sưu tầm, hệ thống hóa các bài hò giã gạo	61%
Tổ chức biên soạn và xuất bản giới thiệu tài liệu hò giã gạo	60%
Cấp kinh phí hỗ trợ mở lớp truyền dạy hò giã gạo trong các cộng đồng	74%
Đưa hò giã gạo vào trường học phổ thông	52%
Phối hợp với trường sư phạm mở các khóa truyền dạy hò giã gạo	31%
Lồng ghép hò giã gạo vào trong các tour, tuyến du lịch	30%
Hỗ trợ kinh phí, kỹ thuật để tư liệu hóa hò giã gạo để lưu trữ	45%
Tổ chức sáng tác lời mới cho hò giã gạo phù hợp với cuộc sống hiện đại	57%
Không có ý kiến	9%

3. Một số nhận xét

Từ kết quả điều tra khảo sát, có thể đưa ra một số nhận xét về giá trị, thực trạng và yêu cầu bảo tồn và phát huy các điệu hò Quảng Trị nói chung, hò già gạo nói riêng như sau:

- Về giá trị: Các điệu hò Quảng Trị có vai trò quan trọng đối với đời sống của người dân Quảng Trị, đặc biệt là tầng lớp bình dân. Trong thời chiến là vũ khí tinh thần để chống giặc; trong thời bình, là phương tiện củng cố tình đoàn kết, gắn kết cộng đồng, giữ gìn truyền thống lễ hội, vui chơi, giải trí, giáo dục đạo lí trong gia đình và ngoài xã hội.

- Về thực trạng: Các điệu hò nói chung, hò già gạo nói riêng vẫn tiếp tục đời sống của mình theo cách riêng trước những thay đổi của điều kiện văn hóa, kinh tế, xã hội. Tuy nhiên, chủ yếu tập trung ở tầng lớp người già và trung

niên thuộc tầng lớp lao động. Người trẻ, người làm trong lĩnh vực phi nông nghiệp có xu hướng ngày càng ít hiểu biết hơn và ít thực hành/không thực hành loại hình văn hóa phi vật thể này. Đó là xu thế mang tính tất yếu, không thể khiến cưỡng đòi hỏi tất cả các thành viên trong cộng đồng có cùng mức độ quan tâm đối với di sản của cha ông.

- Về giải pháp: Từ thực trạng trên đây, những giải pháp đưa ra cần mang tính đồng bộ với vai trò đặc biệt của nhà nước, các cơ quan hữu quan; việc nâng động tìm kiếm nguồn kinh phí để hỗ trợ nghệ nhân và các lớp truyền nghề. Tuy nhiên, giải pháp mang tính lâu dài chính là giáo dục cho thế hệ trẻ và thường xuyên sáng tạo để vốn di sản truyền thống bắt nhịp với hơi thở của thời đại.

NTTH - HTAH - L.Đ.H



Nghiên cứu đề xuất bổ sung một số giải pháp cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp công nghệ cao ở tỉnh Quảng Trị

Trần Anh Tuấn¹, Trương Thu Hằng²

¹Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng, Bộ KH&CN

²Văn phòng Chương trình NTMN, Bộ KH&CN

TÓM TẮT

Công nghệ cao là công cụ quan trọng nhất để nâng cao giá trị gia tăng của nông sản hàng hóa khi mà các động lực khác phục vụ phát triển như: đất đai, lao động, ... và một phần chính sách đã phát huy hết hiệu lực. Với nhận thức như vậy, chỉ trong một thời gian ngắn đã có nhiều chính sách nhằm tạo ra những đột phá mới trong sản xuất nông nghiệp như: Luật Công nghệ cao; Chương trình quốc gia về phát triển công nghệ cao; Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND ngày 20/7/2019, Tuy nhiên, theo đánh giá hiện nay, việc hướng dẫn các địa phương, doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân tổ chức triển khai Nghị quyết còn chưa kịp thời. Chưa có nhiều công nghệ và mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao có hiệu quả để áp dụng, các địa phương chưa đầu tư cho quy hoạch và xây dựng khu/vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao. Để tìm lời giải cho vấn đề này, nhóm tác giả đã đánh giá tổng thể hiện trạng và xác định cơ sở khoa học cũng như điều kiện thực tiễn tác động đến phát triển các mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, từ đó đề xuất bổ sung một số giải pháp khả thi về phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Quảng Trị.

Thực tế cho thấy, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (NNƯĐCNC) ra đời đã đánh dấu một thời kỳ phát triển mới của nền nông nghiệp “chuyển lượng thành chất”. Bởi lẽ, từ chỗ sản xuất nông nghiệp có quy mô lớn nhưng chất lượng thấp và mẫu mã đơn điệu, chi phí cao, giá trị gia tăng thấp, cho đến sản xuất ra những nông sản hàng hóa với năng suất cao hơn và chi phí thấp hơn, đáp ứng những yêu cầu khắt khe của thị trường, đã cho thấy việc ứng dụng công nghệ

cao trong sản xuất là công cụ quan trọng nhất. Với các mô hình NNƯĐCNC ra đời là cơ sở để hình thành nên các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, gắn liền với nó là các ngành công nghiệp chế biến nông sản, cũng như hệ thống phân phối (dịch vụ bảo quản, vận chuyển,...) sẽ được tổ chức lại một cách hợp lý hơn. Nhờ đó, lợi nhuận phát sinh trong sản xuất nông nghiệp được phân bổ hợp lý, sản xuất NNƯĐCNC theo hướng hàng hóa là tiền đề không thể thiếu để phát

triển nông nghiệp Quảng Trị phát triển bền vững hơn.

1. Thực trạng phát triển mô hình ứng dụng nông nghiệp công nghệ cao ở tỉnh Quảng Trị trong giai đoạn vừa qua

Còn nhiều ý kiến khác nhau về khái niệm NNƯĐCNC, tuy nhiên việc xây dựng mô hình NNƯĐCNC cần hướng tới các tiêu chí chủ yếu là: có diện tích (số lượng) đủ lớn, cơ sở hạ tầng phù hợp để ứng dụng công nghệ cao và cơ giới hóa đồng bộ. Trong đó ưu tiên các loại cây trồng vật nuôi có giá trị kinh tế cao, sản xuất theo quy mô tập trung và sự tham gia của doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu, hộ nông dân để đảm bảo hài hòa quyền lợi của các cá nhân, tổ chức. Với đa dạng về điều kiện địa hình, đất đai, nhiều tiểu vùng khí hậu khác nhau nên tại Quảng Trị thích hợp cho phát triển nông nghiệp, có nhiều loại cây trồng, con nuôi mang tính đặc sản vùng miền, có tính hàng hóa và có khả năng cạnh tranh cao như: cà phê Arabica, cao su, hồ tiêu, cây dược liệu, tôm sú, tôm thẻ chân trắng...

Ngoài ra, Quảng Trị là một trong số ít các địa phương có quỹ đất sạch, đặc biệt là đất ven biển với diện tích lớn, độ tập trung cao, hầu như không có tranh chấp, chi phí giải tỏa đền bù thấp nên có đủ điều kiện để đáp ứng các dự án đầu tư có quy mô lớn.

Quảng Trị xác định mục tiêu phát triển NNƯĐCNC là giải pháp then chốt để tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng chuyển dần từ số lượng sang chất lượng và giá trị, gắn với các sản phẩm chủ lực của địa phương. Nhằm khuyến khích, hỗ trợ doanh nghiệp đầu tư vào lĩnh vực nông nghiệp, nông thôn và thực hiện thành công Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, tạo điều kiện thuận lợi hỗ trợ cho doanh nghiệp đầu

tư vào lĩnh vực nông nghiệp, HĐND tỉnh và UBND tỉnh đã ban hành một số chính sách tạo động lực cho phát triển ngành nông nghiệp nông thôn như chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị; Nghị quyết về hỗ trợ phát triển một số cây trồng, con nuôi tạo sản phẩm chủ lực có lợi thế cạnh tranh trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017-2020, định hướng đến 2025 có đề cập đến hỗ trợ nông nghiệp CNC; Hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp doanh nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2018-2021 trên lĩnh vực nông nghiệp CNC; Khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng CNC và nông nghiệp hữu cơ, hỗ trợ liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030...Ngoài ra, UBND tỉnh cũng đã ban hành các quyết định hỗ trợ thực hiện chính sách hỗ trợ lãi suất vốn vay phát triển sản xuất, kinh doanh thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2015-2020; Quy định chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Quảng Trị...

Trên cơ sở xác định tiềm năng, lợi thế của từng vùng, địa phương trên toàn tỉnh, ngành nông nghiệp đã tập trung phát triển các sản phẩm hàng hóa nông nghiệp chủ lực, trong đó, ưu tiên các sản phẩm có lợi thế cạnh tranh như lúa chất lượng cao, cà phê, hồ tiêu, cao su, cây ăn quả đặc sản và cây dược liệu... Bên cạnh đó, tiếp tục lựa chọn kỹ thuật, công nghệ phù hợp, xây dựng các mô hình điểm nhằm chuyển giao nhanh trên diện rộng các tiến bộ khoa học công nghệ mới phục vụ sản xuất. Tập trung đổi mới về công tác giống, kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất và tiến bộ kỹ thuật mới. Đến nay, đã có nhiều mô hình công nghệ mới được ứng dụng mang lại hiệu

quả, nâng cao giá trị gia tăng cho sản xuất. Nhiều vùng chuyên canh cây trồng gắn với hệ thống chế biến đã hình thành như: cây cao su (xấp xỉ 20.000 ha) gắn với 7 nhà máy chế biến mủ cao su; cây hồ tiêu (2.500 ha), cây cà phê (5.500 ha) gắn với 14 nhà máy chế biến ướt, cây sắn 11.000 ha gắn với 03 nhà máy chế biến tinh bột sắn... Tuy nhiên, việc ứng dụng đồng bộ khoa học công nghệ vào sản xuất còn hạn chế, chủ yếu canh tác

công nghiệp dài ngày, dược liệu sử dụng công nghệ tưới tiết kiệm, giải quyết vấn đề nước tưới cho cây trồng cạn, nhất là trong điều kiện thời tiết khô hạn.

Trong phát triển chăn nuôi, ngành nông nghiệp tiếp tục áp dụng công tác cải tạo đàn bò với tỉ lệ bò lai Zebu năm 2019 đạt 55,8%. Toàn tỉnh hiện có 30 trang trại chăn nuôi lợn thịt, 18 trang trại gia cầm có hệ thống chuồng kín, chuồng lạnh, máng ăn, uống tự động.... Nhiều



Mô hình trồng cà chua Cherry bằng công nghệ cao tại trạm Nghiên cứu và Ứng dụng KH&CN Bắc Hương Hóa: Ảnh: Sỹ Tiến

truyền thống, thiếu đóng góp của khoa học và công nghệ nên năng suất, chất lượng và sản lượng thấp.

Trên lĩnh vực nông nghiệp, toàn tỉnh có 25 mô hình sản xuất nhà kính, nhà lưới, quy mô từ 500-2.000m², sản xuất rau, củ, quả, hoa các loại. Bước đầu các mô hình đã mang lại hiệu quả, đặc biệt là sản xuất rau trái vụ, hoa phục vụ các dịp lễ, tết,... Có hơn 200ha cây ăn quả, cây

giải pháp khoa học công nghệ được triển khai như hố ủ phân, sử dụng chế phẩm sinh học để xử lý chất thải, khử mùi hôi, đệm lót sinh học với chăn nuôi lợn thịt, gà, sử dụng hầm biogas. Ngoài ra một số trang trại lớn đã áp dụng công nghệ xử lý chất thải bằng hầm phủ bạt HDPE, đảm bảo môi trường để phân hủy chất thải và chứa khí biogas được sinh ra.

Trong nuôi trồng thủy sản, nhiều địa

phương đã triển khai các mô hình nuôi tôm theo hình thức 2 giai đoạn, 3 giai đoạn sử dụng chế phẩm sinh học, áp dụng nuôi tôm trong nhà kính, nhà lưới cho năng suất bình quân đạt 17-18 tấn/ha/vụ. Đối với lĩnh vực lâm nghiệp, thông qua việc tổ chức tập huấn chuyển giao phần mềm giám sát biến động rừng từ ảnh Landsat 8 và Sentinel 2 đã giúp lực lượng chức năng ứng dụng thành thạo phần mềm giám sát biến động rừng, tiến hành kiểm kê rừng bằng phương pháp

quả cao cấp để nhân rộng vào sản xuất; đã sản xuất thành công một số loài hoa như hoa lily, hoa tulip, hoa phong lan... Một số mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ với quy mô nhà kính, nhà lưới từ 500-2.000m², áp dụng công nghệ thủy canh, công nghệ tưới nhỏ giọt với chủng loại rau quả cao cấp như xà lách, cà chua, dưa lưới bước đầu mang lại hiệu quả.

Trên cơ sở báo cáo của Sở NN&PTNT tỉnh Quảng Trị và kết quả



Ứng dụng công nghệ cao trong nuôi tôm 2 giai đoạn tại xã Vĩnh Sơn, Vĩnh Linh. Ảnh: Sỹ Tiến

giải đoán ảnh viễn thám. Toàn tỉnh có 3 cơ sở được đầu tư công nghệ nuôi cấy mô, cung cấp ra thị trường khoảng 2 triệu cây giống lâm nghiệp/năm. Đến nay, đã có 23.429 ha rừng có chứng chỉ FSC, tăng 144% so với năm 2015, nâng giá bán gỗ rừng cao hơn 15-18%.

Để đẩy mạnh phát triển NNƯDCNC, tỉnh đã quy hoạch khu nông nghiệp CNC với quy mô 21 ha tại khu vực đèo Sa Mù, huyện Hướng Hóa. Hiện nay đang trồng thử nghiệm một số đối tượng rau

khảo sát của nhóm nghiên cứu, nhiều mô hình liên kết sản xuất theo chuỗi giá trị quy mô lớn lần đầu được triển khai mang lại hiệu quả tích cực như: Mô hình liên kết phát triển vùng nguyên liệu Dừa của Công ty CP Thực phẩm Đồng Giao với diện tích 1.000 ha để xây dựng nhà máy chế biến nông sản xuất khẩu tại Quảng Trị; Nhà máy sản xuất phân bón Obi (Ong biển) – Tập đoàn Đại nam để phát triển sản xuất nông nghiệp hữu cơ, vùng sản xuất Chanh leo xuất

khẩu của tập đoàn Nafoods tại huyện Hướng Hóa, Tập đoàn Sumitomo, Tập đoàn FLC, Tập đoàn ISE food, Công ty cổ phần nông sản hữu cơ Quảng Trị... cũng cam kết phát triển sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao trên địa bàn tỉnh Quảng Trị. Ngoài ra, một số Hợp tác xã nông nghiệp như Nguyên Khang - Hải Lăng garden (huyện Hải Lăng), Trường Sơn (huyện Vĩnh Linh)... đã mạnh dạn đầu tư xây dựng nhà màng, hệ thống tưới tiết kiệm, hệ thống thủy canh để sản xuất dưa lưới, rau xà lách, dưa hấu, với quy mô trên 5000m²... Bên cạnh phát triển các mô hình NNƯDCNC, tỉnh còn tập trung thu hút các doanh nghiệp/nhà đầu tư để phát triển sản xuất nông nghiệp theo chuỗi giá trị, điển hình là phát triển thương hiệu gạo hữu cơ Quảng Trị, đến nay đã phát triển với quy mô 250 ha (tổng sản lượng gần 900 tấn); Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng

của Công ty cổ phần chăn nuôi CP Việt Nam (Hải Ba, Hải Lăng), với tổng diện tích 120 ha. Tính đến nay, tỉnh đã cấp chủ trương đầu tư cho 57 dự án đầu tư vào lĩnh vực nông-lâm nghiệp, trong đó có 10 dự án nông nghiệp CNC với tổng vốn đầu tư hơn 863 tỉ đồng.

2. Bước đầu đánh giá hiệu quả của mô hình NNƯDCNC

2.1. Các mô hình NNƯDCNC trong sản xuất rau - hoa

Phân tích kết quả sản xuất của mô hình sản xuất cà chua và hoa lily cho thấy, bình quân lợi nhuận thuần đối với sản xuất cà chua là 1,16 tỷ đồng/ha/vụ (giống sinh trưởng vô hạn, 9 tháng/vụ); sản xuất hoa lily (4 tháng/vụ) là 161 triệu đồng/1.000m². Kết quả điều tra thực tế cho thấy, năng suất cà chua và hoa lily của các mô hình cao hơn so với cách sản xuất thông thường của nông dân, cùng với giá bán cao do các sản phẩm

TT	Chỉ tiêu điều tra	Đơn vị	Kết quả	
			Cà chua	Hoa lily
1	Tổng thu	Nghìn đồng	1.554.000	305.900
2	Năng suất trung bình	Kg, cành/ha	222.000	15.295
3	Giá bán trung bình	Đồng/kg, cành	7.000	20.000
4	Chi phí giống	Nghìn đồng	25.000	128.800
5	Chi phí vật tư các loại	Nghìn đồng	125.000	4.500
6	Khấu hao thiết bị, nhà lưới - kính	Nghìn đồng	150.000	4.000
7	Công lao động	Nghìn đồng	94.500	7.000
8	Tổng chi phí	Nghìn đồng	394.500	144.300
9	Lợi nhuận (Thu - Chi)	Nghìn đồng	1.159.500	161.600
10	Tỷ suất lợi nhuận/giá bán	%	74	52

Bảng 1. Hiệu quả sản xuất trong một số mô hình sản xuất rau - hoa
 Ghi chú: Số liệu tính trung bình cho 1ha/vụ cà chua, 1000m²/vụ hoa lily.
 Nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu điều tra.

Chỉ tiêu	Hộ tham gia liên kết	Hộ không tham gia liên kết
Con giống	1.780	1.780
Thức ăn	16.986	17.880
Công lao động, thuê máy móc	432	333
Chi phí vật tư các loại	1.234	1.160
Lãi ngân hàng	1.780	1.880
Khấu hao TSCĐ	190	170
Tổng chi	22.402	23.203
Giá bán	23.000	23.000
Lợi nhuận/kg	598	-203
Năng suất (kg/ha)	250.000	235.000
Lợi nhuận (trđ/ha)	149,5	-47,7

Bảng 2. Hiệu quả kinh doanh của hộ tham gia mô hình liên kết với doanh nghiệp
Đơn vị tính: đồng (nguồn: Kết quả tính toán từ số liệu điều tra)

đạt tiêu chuẩn an toàn và có chất lượng cao. Mặt khác, các mô hình được khảo sát đều có đặc điểm thực hiện sản xuất khép kín từ khâu cung cấp vật tư đầu vào đến tiêu thụ sản phẩm nên mang lại lợi ích kinh tế lớn cho doanh nghiệp.

2.2. Mô hình nuôi trồng thủy sản ứng dụng công nghệ cao

Để xem xét hiệu quả kinh tế mà các mô hình NNU'DCNC đem lại cho người dân và doanh nghiệp, nhóm nghiên cứu đã điều tra và khảo sát một số mô hình liên kết nông dân - doanh nghiệp nuôi tôm thẻ chân trắng.

Kết quả khảo sát cho thấy, trong khi các hộ không tham gia liên kết sản xuất với doanh nghiệp đang thua lỗ vì giá thành sản xuất cao hơn 203 đồng/kg so với giá thu mua của doanh nghiệp, các hộ tham gia liên kết vẫn có lãi khoảng 598 đồng/kg. Có được như vậy là do khi tham gia liên kết sản xuất với doanh nghiệp, các hộ nuôi coi như góp vốn

bằng ao nuôi của mình cho doanh nghiệp và hộ nuôi được tiếp cận với các nguồn vốn vay ưu đãi, mua thức ăn với giá gốc (hoàn thuế GTGT cho doanh nghiệp). Bên cạnh đó, toàn bộ quy trình kỹ thuật của các hộ tham gia liên kết được doanh nghiệp hỗ trợ và giám sát để đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng nguyên liệu phục vụ xuất khẩu.

Kết quả phân tích hiệu quả kinh tế của mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng cũng chỉ ra rằng, nuôi tôm thẻ chân trắng cho tổng thu nhập bình quân trên 1 đơn vị diện tích cao hơn rất nhiều. Tuy nhiên, mô hình có sự liên kết nông dân - doanh nghiệp, nên người dân yên tâm đầu tư sản xuất vì đầu ra và giá bán đã được các doanh nghiệp liên kết đảm bảo.

Như vậy, các mô hình liên kết sản xuất NNU'DCNC giữa người dân và doanh nghiệp đã mang lại hiệu quả kinh tế rõ ràng cho cho cả hai phía, không chỉ trong mô hình sản xuất nông nghiệp mà

trong các mô hình nuôi trồng thủy sản.

3. Đề xuất một số giải pháp bổ sung vào cơ chế, chính sách phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa ở tỉnh Quảng Trị

Ngoài một số giải pháp chung đã được đề xuất, nhóm nghiên cứu bổ sung các giải pháp cụ thể như sau:

3.1. Về đối tượng được khuyến khích, hỗ trợ khi tham gia xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Hộ gia đình nông dân nói chung vẫn còn nghèo, trong khi tiềm lực kinh tế của các doanh nghiệp cũng hạn chế, nhưng sự liên kết giữa các chủ thể này đòi hỏi phải có sự khuyến khích vật chất đáng kể, để tạo ra nguồn động lực thúc đẩy các hộ nông dân cùng doanh nghiệp tham gia xây dựng mô hình NNUĐCNC. Do vậy, hai loại chủ thể chủ yếu tham gia xây dựng các mô hình NNUĐCNC cần được khuyến khích và hỗ trợ là các hộ nông dân, cũng như các hợp tác xã, chủ trang trại và các doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến nông sản nguyên liệu.

Mục tiêu xây dựng mô hình NNUĐCNC để tổ chức sản xuất các nông sản nguyên liệu phục vụ cho công nghiệp chế biến, đáp ứng nhu cầu thị trường bằng cách áp dụng các công nghệ cao và mới vào quá trình sản xuất. Giải quyết bài toán phát triển NNUĐCNC theo hướng sản xuất hàng hóa trong điều kiện quy mô hộ nông dân nhỏ hiện nay, cần có sự khuyến khích thỏa đáng để các cơ quan nghiên cứu chuyển giao, các nhà khoa học cùng tham gia một cách tích cực.

Đối với các doanh nghiệp, căn cứ để được khuyến khích, hỗ trợ là các hợp đồng tiêu thụ nông sản nguyên liệu với các hộ nông dân hay các hợp tác xã, chủ trang trại, hoặc hợp đồng cung

ứng vật tư, thiết bị đầu vào (giống chất lượng cao, phân bón, thức ăn, các thiết bị cơ giới hóa,...) và tiêu thụ sản phẩm với những người sản xuất nông sản nguyên liệu.

Đối với các hộ nông dân, các hợp tác xã hoặc chủ trang trại trong vùng sản xuất nông sản nguyên liệu ứng dụng công nghệ cao, căn cứ để được khuyến khích, hỗ trợ là các hợp đồng liên kết với doanh nghiệp.

3.2. Về nguồn vốn để hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Các chương trình phát triển nông nghiệp hiện nay có thể hỗ trợ tích cực cho việc xây dựng các mô hình NNUĐCNC như: Chương trình hỗ trợ ứng dụng và chuyển giao tiến bộ KH&CN phục vụ phát triển kinh tế - xã hội nông thôn miền núi, Chương trình OCOP quốc gia, Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới,... Tuy nhiên, trong điều kiện ngân sách nhà nước cấp cho các Chương trình/Quỹ trên còn hạn chế, để củng cố nguồn động lực xây dựng các mô hình NNUĐCNC, tạo bước chuyển về chất cho ngành nông nghiệp trong những năm tới, cần có chính sách giảm thuế cho doanh nghiệp để có thể bổ sung thêm nguồn tài chính hỗ trợ, khuyến khích người sản xuất tham gia.

3.3. Bổ sung, điều chỉnh các chính sách khuyến khích, hỗ trợ xây dựng mô hình nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

Chính sách về vốn đầu tư

Trước hết, trong giai đoạn đầu hình thành các mô hình NNUĐCNC, đó là các chi phí đầu tư nâng cấp cơ sở hạ tầng cho vùng nguyên liệu. Trong điều kiện không ít các doanh nghiệp còn nhiều băn khoăn chưa đầu tư vào xây dựng mô hình, ngân sách tỉnh cần hỗ trợ một phần kinh phí làm "mồi nhử" để tạo

thêm nguồn động lực thúc đẩy nhanh quá trình này. Kết hợp với việc phát triển và nhân rộng các mô hình NNƯĐCNC với các chương trình của Chính phủ, Bộ KH&CN, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và đặc biệt là Chương trình phát triển NNƯĐCNC thuộc Chương trình Quốc gia phát triển công nghệ cao.

Cần rà soát các văn bản chính sách của Nhà nước liên quan đến hỗ trợ phát triển KH&CN, hỗ trợ phát triển nông nghiệp hàng hóa, phát triển nông thôn để có thể lồng ghép, điều chỉnh nâng cao vai trò của Nhà nước và các đơn vị cung cấp dịch vụ công trong việc nâng cao hiệu quả liên kết “công - tư” (nhà nước, nhà khoa học và doanh nghiệp, nông dân) nhằm tạo ra giá trị gia tăng cho sản xuất nông nghiệp.

Trong thời gian tiếp theo, giai đoạn xây dựng hoàn chỉnh khu NNƯĐCNC thì có hai nội dung cần nghiên cứu giải quyết:

Một là, để đưa công nghệ cao ứng dụng vào sản xuất nông nghiệp cần tạo được quỹ đất lớn trong thời gian dài. Do vậy, cần thực hiện chính sách giao đất dài hạn, phát huy cơ chế thị trường, để quyền sử dụng đất trở thành hàng hóa trên thị trường, trở thành nguồn vốn đầu tư cho sản xuất kinh doanh. Tạo điều kiện thuận lợi cho việc dồn điền đổi thửa và tích tụ đất đai phục vụ sản xuất nông nghiệp (như đơn giản thủ tục, miễn giảm thuế chuyển nhượng,...). Thông qua đó, hình thành nên những diện tích sản xuất lớn với điều kiện sản xuất hiện đại, phát huy tiềm năng, lợi thế ngành nông nghiệp ở mỗi địa phương.

Hai là, cần tiếp tục hoàn chỉnh quy hoạch khu NNƯĐCNC để có tính định hướng, từng bước có những đầu tư lớn từ ngân sách để bảo đảm phát triển ổn định cho từng loại nông sản chủ lực của tỉnh. Thống kê và thu hồi những diện

tích đất sử dụng không đúng mục đích, không thực hiện đúng cam kết để giao lại đất dài hạn cho doanh nghiệp nông nghiệp hoặc hộ nông dân có nhu cầu thông qua đấu thầu quyền sử dụng đất. Đồng thời, tinh ưu tiên phát triển đồng bộ cơ sở hạ tầng cho các khu vực quy hoạch dài hạn dành cho NNƯĐCNC. Một nguyên tắc rất quan trọng cần được tôn trọng đó là “người cày có ruộng”, nghĩa là người nông dân phải luôn gắn liền với đất đai của mình. Vì vậy, thực hiện “dồn điền đổi thửa” để sản xuất hàng hóa quy mô lớn là cần thiết nhưng cần phải tiến hành một cách thận trọng.

Chính sách đào tạo nguồn nhân lực tham gia mô hình NNƯĐCNC

Đào tạo nguồn nhân lực cho hộ nông dân tham gia mô hình NNƯĐCNC không chỉ bao gồm đào tạo nghề cho công nhân trong nông nghiệp, mà còn bao gồm cả nội dung tư vấn cho nông dân trong việc thực hiện quy trình canh tác mới khi tham gia sản xuất nông sản nguyên liệu cho doanh nghiệp tiêu thụ, chế biến nông sản nguyên liệu đó. Trong đó, nếu như các doanh nghiệp có cơ sở đào tạo nghề cho công nhân có thể được hỗ trợ nguồn vốn theo quy định của Chương trình KH&CN phục vụ xây dựng nông thôn mới để đào tạo nghề cho công nhân trong nông nghiệp.

Nguồn kinh phí khuyến khích, hỗ trợ có thể được trích một phần quỹ khuyến nông từ ngân sách nhà nước giao cho doanh nghiệp thực hiện, giảm thuế cho doanh nghiệp trong một thời gian nhất định để doanh nghiệp có thêm nguồn kinh phí thực hiện tư vấn miễn phí cho các hộ gia đình nông dân về quy trình, kỹ thuật canh tác, chăn nuôi.

Chính sách đối với các tổ chức KH&CN, các nhà khoa học

Quá trình thực hiện nghiên cứu, cần có sự kết hợp lồng ghép giữa chương



trình nghiên cứu KH&CN phục vụ phát triển nông nghiệp nông thôn với các chương trình, dự án của tỉnh và lồng ghép với các chương trình khoa học liên quan. Gắn kết khu NNƯ'DCNC với các trung tâm, viện nghiên cứu về NNƯ'DCNC, gắn với các trường đại học để thu hút nhân tài làm việc tại các khu NNƯ'DCNC.

Đối với các tổ chức KH&CN, các nhà khoa học có ký hợp đồng với doanh nghiệp, chủ trang trại, hợp tác xã về nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao công nghệ vào sản xuất nông sản nguyên liệu thì được vay vốn ưu đãi để có kinh phí cho nghiên cứu, ứng dụng và sản xuất thử nghiệm. Nguồn vốn ưu đãi được thực hiện theo quy định của Quỹ hỗ trợ phát triển KH&CN trong chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào khu vực nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định số 61/2010/NĐ/CP ngày 04/06/2010 của Chính phủ.

KẾT LUẬN

Mục tiêu của việc phát triển các mô hình NNƯ'DCNC là phát triển sản xuất tập trung quy mô lớn theo hướng hàng hóa nhằm tạo ra giá trị gia tăng cao cho sản xuất nông nghiệp, trong đó, doanh nghiệp đóng vai trò chủ đạo liên kết với nông dân chứ không phải biến người nông dân sản xuất nhỏ thành công nhân hoặc cổ đông của nhà máy.

Trong các mô hình NNƯ'DCNC hiện nay, vai trò của Nhà nước và nhà khoa học vẫn còn tương đối mờ nhạt. Có thể nói, trong các mô hình NNƯ'DCNC thành công đã được nghiên cứu ở trên mới chủ yếu là liên kết "hai nhà", nhà nông và nhà doanh nghiệp.

Phát triển NNƯ'DCNC theo hướng sản xuất hàng hóa là hướng đi tất yếu cho hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn và kinh tế đất nước. Các mô hình NNƯ'DCNC được nghiên cứu trong các

lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi và thủy sản cho thấy, tuy ở mức độ khác nhau, song nó đã mang lại hiệu quả kinh tế và xã hội rõ rệt. Việc tổng kết, rút kinh nghiệm và đề ra những chính sách thích hợp để từng bước hoàn thiện và mở rộng các mô hình, phấn đấu xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn có nhiều nông sản xuất khẩu được giá trên thị trường thế giới là mục tiêu cần phải sớm hướng tới./.

T.A.T, T.T.H

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Nghị quyết số 02/2019/NQ-HĐND của HĐND tỉnh Quảng Trị về việc khuyến khích phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và nông nghiệp hữu cơ; khuyến khích liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2020-2025, định hướng đến năm 2030.

Bộ Khoa học và Công nghệ. (2013) *Phát triển khu nông nghiệp, vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao - kinh nghiệm của Trung Quốc và Việt Nam*. Kỷ yếu Tọa đàm Quốc tế, tháng 11/2013.

Tạ Thế Hùng. (2013) *Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo hướng sản xuất hàng hóa trên cơ sở bài học kinh nghiệm của Việt Nam và Trung Quốc*. Đề tài Nghị định thư, Viện Nghiên cứu và Phát triển Vùng.

Lê Tất Khương; Trần Anh Tuấn (2014). *Một số vấn đề phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao ở Việt Nam-kinh nghiệm và bài học của Trung Quốc*. Tạp chí KH&CN Việt Nam.



Ứng dụng khoa học và công nghệ nâng cao năng suất, chất lượng rừng trồng gắn với công nghệ chế biến sâu gỗ rừng trồng của tỉnh

Nguyễn Hồng Phương

Phó giám đốc Sở Nông nghiệp và PTNT

Quảng Trị là một tỉnh nằm ở khu vực duyên hải Bắc Trung bộ, có tổng diện tích tự nhiên 473.744 ha, trong đó rừng và đất lâm nghiệp 293.801,7ha (theo kết quả công bố hiện trạng rừng năm 2019), chiếm 62,0% so với tổng diện tích tự nhiên. Từ một tỉnh có độ che phủ rừng chỉ đạt 20,4% (theo Kết quả kiểm kê rừng của Hội đồng bộ trưởng ngày 18/5/1990) nay đã đạt 50,0% (năm 2020) tăng 29,6%, đã góp phần quan trọng trong công tác phủ xanh đất trống đồi núi trọc, bảo vệ môi trường, chống cát bay vùng biển và cải thiện đời sống kinh tế cho người dân trên địa bàn toàn tỉnh.

Trong những năm gần đây, cùng với sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, ngành lâm nghiệp đã có những bước phát triển tích cực, kinh tế lâm nghiệp đang trở thành một ngành kinh tế mạnh của tỉnh. Với tổng diện tích rừng trồng sản xuất tập trung hơn 94.000 ha, chủ yếu là rừng trồng thuần loài Keo các loại. Đây chính là lợi thế, điều kiện cần thiết để Quảng Trị có thể phát triển công nghệ chế biến gỗ rừng trồng có giá trị gia tăng cao.

Với tiềm năng lớn về đất đai, hàng năm trên địa bàn tỉnh đã trồng mới và trồng lại trên diện tích khai 7.000 - 8.000ha rừng sản xuất tập trung. Năng suất rừng tăng lên vượt bậc, từ mức 40-50m³/ha/chu kỳ giai đoạn trước năm 2010, nay đã tăng lên 90-100m³/ha/chu kỳ nhờ vào việc chú trọng đến nguồn gốc, chất lượng giống và áp dụng kỹ thuật canh tác tiên bộ. Với diện tích rừng trồng sản xuất hiện có và năng suất ngày một nâng cao sẽ cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ (sản lượng khai thác

khoảng 800.000m³/năm - 950.000m³/năm) cho các nhà máy chế biến gỗ trên địa bàn tỉnh hoạt động ổn định.

Nhằm nâng cao giá trị sản xuất, kinh doanh rừng trồng và phát triển lâm nghiệp bền vững về kinh tế, xã hội và môi trường; gắn kết theo chuỗi từ trồng rừng, chế biến và tiêu thụ sản phẩm để nâng cao giá trị lâm sản hàng hóa, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết số 04/NQ-TU ngày 20/4/2017 của Tỉnh ủy Quảng Trị về đẩy mạnh cơ cấu lại nông nghiệp gắn với thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2017 - 2020, định hướng đến năm 2025 về đẩy mạnh trồng rừng thâm canh và cây gỗ lớn theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, giá trị sản phẩm và Nghị quyết số 19/2012/NQ-HĐND ngày 17/8/2012 của HĐND tỉnh Quảng Trị khóa VI về quy hoạch, kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 của tỉnh Quảng Trị trong việc đẩy mạnh



việc cấp chứng chỉ rừng theo tiêu chuẩn, tiêu chí của FSC cùng các yêu cầu và đòi hỏi cao về kiểm soát nguồn gốc, xuất xứ nguyên liệu theo các tiêu chuẩn quốc tế của ngành công nghiệp chế biến gỗ. Mục tiêu đặt ra sẽ phát triển khoảng 42.000 ha rừng được cấp chứng chỉ quốc tế. Đến nay, trên địa bàn tỉnh Quảng Trị đã có 04 đơn vị được cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo tiêu chuẩn FSC với diện tích được cấp chứng chỉ là 23.429,3 ha. Lợi ích của gỗ có chứng chỉ

cho các loại rừng.

Tuy nhiên, việc phát triển diện tích trồng rừng thâm canh gỗ lớn hiện nay vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu cần thiết để có thể phát triển được ngành chế biến sâu gỗ rừng trồng vào năm 2030. Khó khăn, hạn chế hiện nay là năng suất bình quân gỗ rừng trồng còn thấp; chất lượng gỗ rừng trồng của tỉnh không đồng đều, dễ bị nứt, gãy vỡ khi đưa vào chế biến; nhiều diện tích rừng trồng bắt đầu nhiễm bệnh và chết; một số diện tích chỉ



Rừng trồng gỗ lớn được bán theo giá gỗ xẻ, gỗ chế biến sẽ mang lại hiệu quả kinh tế cao hơn. Ảnh: Baoquangtri.vn

rừng là thị trường ổn định, giá cả cao hơn gỗ không có chứng chỉ. Góp phần bảo vệ môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học, phòng chống biến đổi khí hậu và tăng cường tích trữ các bon rừng. Với lợi ích trên, chủ trương của tỉnh huy động các tổ chức, hộ gia đình và cộng đồng thực hiện tốt công tác quản lý bảo vệ rừng và phát triển rừng theo hướng quản lý rừng bền vững, tiến tới cấp chứng chỉ rừng

mới trồng 2 - 3 năm đã ra hoa, rất dễ bị gãy đổ do gió mạnh và mưa bão; diện tích rừng trồng gỗ lớn, rừng trồng FSC hiện nay tiêu thụ với mức giá không cao hơn nhiều so với gỗ thông thường; hộ gia đình trồng rừng FSC không nhận thấy lợi ích thiết thực từ việc trồng rừng gỗ lớn đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững... Những hạn chế này sẽ là rào cản lớn để có thể cung cấp được nguồn nguyên liệu

chất lượng cao đáp ứng cho nhu cầu chế biến các sản phẩm gỗ của các Nhà máy chế biến lớn trên địa bàn.

Để có thể thực hiện thành công mục tiêu phấn đấu đến năm 2030 Quảng Trị trở thành trung tâm chế biến gỗ rừng trồng của miền trung, chúng ta cần tập trung quyết liệt thực hiện một số giải pháp sau đây:

Một là, hoàn thiện thể chế, cơ chế chính sách linh hoạt nhằm động viên khuyến khích người sản xuất, doanh nghiệp, các tổ chức cá nhân tập trung

nghệ sinh học trong trồng rừng sản xuất, trong đó ưu tiên nâng cao chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp. Khuyến khích người dân sử dụng giống nuôi cấy mô trong trồng rừng gỗ lớn, trồng rừng tập trung phục vụ nhu cầu chế biến sâu các sản phẩm từ gỗ rừng trồng. Việc sử dụng giống nuôi cấy mô có thể mang lại nhiều lợi ích thiết thực cho người sản xuất như: Tăng tỷ lệ sống, tăng khả năng chống gãy đổ do mưa, gió bão; hạn chế dịch bệnh; tăng trưởng rừng nhanh hơn và rút ngắn thời gian khai thác trong



Chăm sóc rừng trồng tại Cam Lộ. Ảnh: Baoquangtri.vn

ứng dụng KHCN vào sản xuất, chế biến gỗ rừng trồng; khuyến khích người sản xuất chuyển hóa trồng rừng gỗ nhỏ thành gỗ lớn, trồng rừng đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững quốc tế FSC, kiểm soát chặt chẽ quy trình thu mua, chế biến nguyên liệu của các Nhà máy chế biến gỗ thông qua các hợp đồng liên kết với các hộ gia đình, cá nhân.

Hai là, đẩy mạnh ứng dụng công

trồng rừng gỗ lớn; chất lượng, màu sắc gỗ đồng đều, ít bị nứt gãy... Việc sử dụng giống nuôi cấy mô trên quy mô lớn, tập trung sẽ giúp Quảng Trị hình thành một vùng nguyên liệu rừng trồng chất lượng cao, đáp ứng được yêu cầu, tiêu chuẩn để có thể thu hút ngành công nghiệp chế biến gỗ rừng trồng phát triển.

Ba là, Huy động, lồng ghép nhiều nguồn lực ưu tiên đầu tư phát triển hạ

tăng lâm sinh cho các vùng sản xuất tập trung; khảo nghiệm các giống cây trồng lâm nghiệp mới, đa dạng hóa loại giống trồng rừng, quan tâm các giống cây trồng bản địa có chất lượng gỗ tốt và sinh trưởng nhanh để phát triển; phát triển các mô hình nông lâm kết hợp trong rừng sản xuất nhằm tăng tính đa dạng sinh học, hướng tới phát triển bền sinh thái rừng bền vững.

Bốn là, tiếp tục xúc tiến đầu tư mời gọi các Doanh nghiệp đầu tư vào chế biến sâu gỗ rừng trồng, hạn chế việc chế

học công nghệ trong trồng và chăm sóc rừng. Thực hiện tốt công tác thanh tra, kiểm tra, quản lý chặt chẽ chất lượng giống cây trồng lâm nghiệp. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, nâng cao hiệu lực hiệu quả quản lý nhà nước, thực hiện tốt các chủ trương chính sách về phát triển lâm nghiệp bền vững của Trung ương và địa phương.

Với nhiều giải pháp đồng bộ, cùng với sự quyết tâm của hệ thống chính trị các cấp và người sản xuất, chúng ta tin tưởng và hy vọng Quảng Trị sẽ thực



Kiểm tra chất lượng rừng trồng theo FSC. Ảnh: Baoquangtri.vn

biến gỗ dăm trên địa bàn tỉnh. Khuyến khích thành lập các Hợp tác xã trồng rừng gỗ lớn trên địa bàn toàn tỉnh nhằm tạo ra vùng sản xuất nguyên liệu tập trung, thuận lợi cho việc ký kết hợp đồng tiêu thụ sản phẩm và chứng nhận, kiểm soát chất lượng sản phẩm gỗ rừng trồng.

Năm là, tiếp tục tuyên truyền, nâng cao nhận thức của người trồng rừng trong việc đẩy mạnh ứng dụng Khoa

hiện thành công trở thành một trung tâm cung cấp nguồn nguyên liệu gỗ chất lượng cao, giúp Quảng Trị sớm trở thành một trung tâm chế biến gỗ rừng trồng của miền trung.

N.H.P

Rộn ràng sắc xuân trên đỉnh Sa Mù

Trần Phương

Hoa luôn là một tặng vật kỳ diệu mà thiên nhiên ban tặng cho con người. Khắp đông tây kim cổ, hoa luôn được trân trọng và đi vào sinh hoạt văn hóa của con người. Mỗi độ Tết đến Xuân về nhà nhà đều chọn cho mình những chậu hoa, cành hoa chơi Tết tùy vào điều kiện, không gian, sở thích của mỗi người như: Hoa Lan Hồ Điệp, hoa Lyli, hoa Cúc, hoa Lay ơn, Thuộc dược, ... Nhân dịp chào đón năm mới - Xuân Tân Sửu mời các bạn ghé thăm vườn hoa đang khoe sắc trên đỉnh Sa Mù Hương Hóa - nơi được ví như tiểu Đà Lạt ở Quảng Trị đang chuẩn bị theo những chuyến xe về miền xuôi khoe sắc phục vụ thực khách gần xa...

Đặt chân đến Trạm Nghiên cứu và Ứng dụng KH&CN Bắc Hương Hóa, chúng ta sững sờ bởi trước mắt là những vườn hoa Lan Hồ Điệp đầy đủ màu sắc đang thi nhau tỏa ngát hương thơm. Được mệnh danh là nữ hoàng của các loài hoa, vẻ đẹp của Lan Hồ Điệp có thể nói đã chạm vào trái tim của biết bao nhiêu tâm hồn từ cổ chí kim. Cũng chính vì lẽ đó mà chúng ta thường bắt gặp hình ảnh Lan Hồ Điệp xuất hiện đâu đó trong những bức họa, trong những vần thơ lãng mạn:

*Xuất thân từ cõi sương mù
Em là mây khói nhuộm màu tím hoang
Diễm tình đài các phong lan
Cốt cách vương giả cao sang đa tình
Hay
Hồ Điệp ơi, ta vấn vương
Sao em không nói, để buồn lòng ta!
Nhìn em như biết hát ca
Hắn dòng suối nhạc thiết tha, tuyệt vời!
Ngoài vẻ đẹp đến mê hồn, Lan Hồ*

Điệp còn chính là biểu tượng của sự giàu có, thịnh vượng, hạnh phúc tròn đầy và thành công mỹ mãn. Đồng thời còn là loài hoa mang đến nhiều vận may, tài lộc và mang đến niềm vui vẹn tròn cho mọi

người. Những bông hoa xinh đẹp được sử dụng để chuyển tải thông điệp đặc biệt, bên cạnh các ý nghĩa chung, mỗi màu hoa còn tượng trưng cho 1 ý nghĩa nổi bật khác.

Hoa Lan Hồ Điệp vàng là loài hoa mang ý nghĩa cho sự khởi đầu tốt đẹp, thành công mỹ mãn. Với những chậu hoa lan vàng này không những có vẻ đẹp thanh cao mà nó như còn muốn mang tới thông điệp về một cuộc sống no đủ, thịnh vượng. Chậu hoa Lan Hồ Điệp màu vàng chắc hẳn sẽ là món quà xuân hoặc là món quà chúc mừng nhà mới vô cùng ý nghĩa để gửi tặng đến người thân, bạn bè, đối tác hay khách hàng.

Hoa Lan Hồ Điệp tím có vẻ đẹp rất lộng lẫy, hấp dẫn không cưỡng lại được. Màu tím là màu của sự thủy chung son sắt. Nó đại diện cho tình yêu chung thủy, vượt thời gian dù gặp bao khó khăn, gian khổ Lan Hồ Điệp tím cũng là biểu tượng của hoàng gia, của sự sang trọng..

Chậu lan Hồ Điệp trắng biểu tượng cho sự khiêm nhường, tinh khiết. Màu trắng biểu thị cho sự giàu sang phú quý. Hoa lan trắng chính là đại diện của sự ngây thơ, xinh đẹp và trang trọng. Nó



là bắt đầu cho một giai đoạn, một thời kỳ mới. Gửi tặng hoa màu trắng cho thấy ở bạn có sự chân thành và tràn đầy hy vọng, tình yêu, mong được cùng nhau bắt đầu một hành trình mới, bỏ lại quá khứ phía sau.

Không rực rỡ như đỏ, không dịu dàng như hồng, Lan Hồ Điệp cam mang một hơi hướng rất chung, rất ấm áp, rất nhiệt thành. Các nhà thiết kế thường sử

dụng màu cam để minh họa một cái gì đó nhiệt đới, một cái gì đó cho những người trẻ tuổi. Hoa Lan Hồ Điệp màu cam biểu tượng cho sự hăng say, cho sức trẻ, căng tràn nhiệt huyết. Một lời chúc gửi gắm năng lượng, khí thế của tuổi trẻ sẽ thật phù hợp khi bạn chọn chậu Lan Hồ Điệp màu cam để truyền

tải thông điệp... Dù là màu gì, ý nghĩa như thế nào thì Lan Hồ Điệp cũng đều làm cho người nhận phải bồi hồi, xao xuyến, phải thốt lên:

Hồ Điệp ơi! Hồ Điệp ơi!

Sao em chỉ biết mỉm cười gheo ta!

Để phục vụ hoa cao cấp cho thị trường Tết Nguyên đán Tân Sửu, Trung tâm đã trồng 27.000 cây Lan Hồ Điệp,



Lan Hồ Điệp tại Sa Mù rực rỡ khoe sắc, sẵn sàng phục vụ thị trường tết Nguyên đán Tân Sửu. Ảnh: Sỹ Tiến

cho hoa rất đẹp. Lan hồ điệp được trồng có bảy màu, gồm trắng, đỏ phượng hoàng, đỏ tím, vàng, hồng, trắng nhụy tím, trắng chấm đỏ. Mỗi cây Lan Hồ Điệp từ khi trồng đến ra hoa mất thời gian từ 20 đến 22 tháng. Dịp Tết Dương lịch vừa rồi đã có 5.000 cây Lan Hồ Điệp được trưng bày bán ra thị trường, số cây

cho hoa rất đẹp. Lan hồ điệp được trồng có bảy màu, gồm trắng, đỏ phượng hoàng, đỏ tím, vàng, hồng, trắng nhụy tím, trắng chấm đỏ. Mỗi cây Lan Hồ Điệp từ khi trồng đến ra hoa mất thời gian từ 20 đến 22 tháng. Dịp Tết Dương lịch vừa rồi đã có 5.000 cây Lan Hồ Điệp được trưng bày bán ra thị trường, số cây

lan còn lại sẽ được bán ra để phục vụ Tết Nguyên đán.

Chưa hết thôn thức trước vẻ đẹp của Lan Hồ Điệp, chúng ta phải ngỡ ngàng trước bạt ngàn hoa Lily có giống hoa nhập ngoại đã ra búp chuẩn bị trở bông. Đây là một trong số ít loài hoa có màu sắc đa dạng, phong phú và đặc biệt là loài hoa sở hữu cả hương lẫn sắc một cách trọn vẹn. Năm nay Trung tâm trồng 15.000 cây hoa Lily với 03 màu vàng, đỏ, hồng đang chuẩn bị trở bông để theo

Hòa cùng nhịp hồi hả của những ngày cuối năm, đến thăm vườn hoa tại Trạm Nghiên cứu và Ứng dụng KH&CN Bắc Hướng Hóa trên đỉnh Sa Mù chúng ta có thể cảm nhận được mùa xuân đang đến rất gần. Hình ảnh tàn phá của những trận lũ lụt, sạt lở đất cuối năm 2020 ở Sa Mù vẫn còn đó nhưng dường như phải chịu thu mình trước những vườn Lan Hồ Điệp vươn lên mạnh mẽ khoe sắc để bù đắp cho những mất mát của vùng đất này.



Sản xuất các loại hoa, cây cảnh có giá trị cao tại Sa Mù, Hướng Hóa.

Ảnh: Sỹ Tiến

những chuyến xe về miền xuôi khoe sắc, phục vụ nhu cầu chơi hoa của người dân trong và ngoài tỉnh. 7.000 cây Tulip có các màu vàng, đỏ, trắng, mào gà... được nhập giống từ Hà Lan và Chile, chuẩn bị ra hoa. 3.000 cây hoa cát tường và 1.500 hoa hồng môn sẽ được bán ra thị trường vào dịp Tết Nguyên Đán.

Những người trồng hoa nơi đây hy vọng với những nỗ lực của mình sẽ cho ra đời những cảnh hoa khoe sắc đáp ứng thú chơi hoa vào mỗi dịp Tết đến xuân về, đồng thời đáp ứng nhu cầu ngắm hoa khoe sắc với mỗi thực khách mỗi dịp ghé thăm.

T.P

Huyện Gio Linh đẩy mạnh ứng dụng công nghệ sinh học phục vụ phát triển kinh tế - xã hội

Trần Lương Sơn

Trung tâm Văn hóa thông tin -
Thể dục thể thao huyện Gio Linh

Thời gian qua, hoạt động khoa học và công nghệ (KH&CN) nói chung và việc ứng dụng công nghệ sinh học nói riêng trên địa bàn huyện Gio Linh đã được nhiều kết quả nhất định, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện nhà. Hoạt động KH&CN trên địa bàn huyện đã triển khai theo đúng kế hoạch đề ra và có những bước chuyển biến tích cực. Các mô hình ứng dụng và nhiệm vụ sự nghiệp KH&CN chủ yếu bám sát vào chương trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

UBND huyện Gio Linh đã triển khai nhiều chủ trương, chính sách để từng bước ứng dụng công nghệ sinh học vào quá trình sản xuất nông nghiệp. Nhờ vậy, những năm gần đây trong lĩnh vực nông nghiệp đã có một số kết quả đáng kể. Đến nay, việc ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất các giống lúa mới ngắn ngày năng suất cao như: HN6,

Thiên ưu 8, Đài thơm 8, LDA1,... Năng suất bình quân >60 tạ/ha. Thời gian sinh trưởng 90 -120 ngày thích ứng với điều kiện biến đổi khí hậu đã góp phần tăng năng suất, và sản lượng lúa của huyện với tổng diện tích trồng lúa tăng lên 4.700ha. Hiện nay, trên địa bàn huyện Gio Linh đã và đang triển khai sản xuất 50 ha lúa theo hướng hữu cơ, đồng thời



Mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng siêu thâm canh trong ao tại xã Gio Mai, huyện Gio Linh.
Ảnh: Baoquangtri.vn

áp dụng mô hình cách tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (CSA) mang lại hiệu quả về chất lượng và giá trị kinh tế cao. Bên cạnh đó, UBND huyện đã chỉ đạo Phòng Kinh tế và Hạ tầng huyện hỗ trợ ứng dụng, chuyển giao thành công các giống tiến bộ được sản xuất bằng công nghệ sinh học như bạch đàn, keo lai,... góp phần thúc đẩy nhanh việc trồng rừng thâm canh, đưa năng suất và chất lượng gỗ rừng trồng tăng lên. Năm 2015, tỷ lệ cải tạo đàn bò (Zebu hóa) trên địa bàn huyện Gio Linh đạt 30%, đến năm 2020, tỷ lệ cải tạo đàn

tại Trung Hải cho năng suất 5,0 tấn/ha, tăng gấp 2 lần so với năm 2017, mô hình tại Gio Mai hiện nay đang phát triển tốt. Mô hình cho kết quả tốt, là một trong những mô hình nuôi thành công của huyện. Mô hình nuôi xen ghép Tôm - Cua - Cá (cá Diêu Hồng, cá Nâu, cá Diạ) hiệu quả tuy không cao nhưng thu nhập ổn định, ít dịch bệnh, thu nhập 80 -100 triệu /ha. Diện tích xen ghép trong sông ở Trung Giang 8ha, đang triển khai mở rộng ở xã Gio Mai, Trung Hải. Các mô hình nuôi tôm xen ghép, nuôi cá đối mục, nuôi cua, nuôi cá chình,... trong



Tập huấn sử dụng chế phẩm vi sinh trong nuôi tôm tại xã Gio Mai, huyện Gio Linh.

Ảnh: Lê Ngọc Trí

bò là 60%. Chương trình cải tạo đàn bò vàng (Zebu hóa) và đàn trâu Việt Nam đã mang lại hiệu quả rõ rệt, tầm vóc và giá trị kinh tế tăng lên, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân.

Hoạt động ứng dụng các tiến bộ KH&CN vào sản xuất các mô hình đạt kết quả tốt như: Xây dựng các mô hình nuôi tôm thẻ chân trắng theo công nghệ enzym tại Trung Hải và Gio Mai; mô hình

các năm sau đã cho năng suất cao hơn năm trước, tạo điều kiện để bà con nhân rộng trên địa bàn.

Việc ứng dụng công nghệ sinh học vào lĩnh vực trồng trọt, chăn nuôi đã và đang mang lại hiệu quả cao và nhân rộng như: mô hình nuôi gà ở Trung Giang với việc liên kết với Doanh nghiệp, cơ sở kinh doanh để tiêu thụ sản phẩm với sản lượng 1 lứa từ 5.000 đến 7.000 con

cho lợi nhuận 30- 40 triệu đồng/1 lứa; mỗi năm nuôi 3-4 lứa. Ứng dụng công nghệ sinh học trong xử lý phân thải để làm phân bón cho cây trồng. Hiện tại mô hình đang nhân rộng tại Trung Giang, Gio Mỹ và nhiều nơi trên địa bàn huyện.

Công nghệ sinh học ngày được ứng dụng rộng rãi trong thực tiễn, đặc biệt là trong lĩnh vực xử lý chất thải. Trong thời gian qua, trên địa bàn huyện Gio Linh ứng dụng một số mô hình xử lý môi trường như: Chế phẩm sinh học diệt ruồi là PEMERCIDE 50EC và khử mùi là BIOFIX SOC E để xử lý rác thải;

nghiệp, việc ứng dụng công nghệ sinh học đã đem lại một số kết quả quan trọng đối với cây trồng, vật nuôi và nuôi trồng thủy hải sản. Trong lĩnh vực môi trường, ứng dụng công nghệ khí sinh học (Biogas), chế phẩm E.M để xử lý ô nhiễm môi trường, ứng dụng công nghệ Biogas kết hợp với hệ thống hồ sinh học để bảo vệ môi trường trong các nhà máy chế biến. Trong lĩnh vực y tế, sử dụng hiệu quả 11 loại vaccine. Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học đã góp phần hạn chế dịch bệnh đối với cây trồng, vật nuôi, tạo điều kiện thuận lợi



Sử dụng đệm lót sinh học trong chăn nuôi gà ở Trung Giang, Gio Linh. Ảnh: Baoquangtri.com

Ứng dụng công nghệ kỵ khí, biogas và chế phẩm E.M để xử lý chất thải, nước thải trong quá trình sản xuất; Ứng dụng công nghệ Biogas kết hợp với hệ thống hồ sinh học để xử lý nước thải ở nhà máy chế biến mủ cao su, bột cá Hồng Đức Vương.

Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học trên địa bàn huyện đã tác động tích cực đến quá trình phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, trong lĩnh vực nông

cho việc dập dịch, tiêu độc khử trùng; Góp phần chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi, cơ cấu kinh tế theo hướng tích cực. Từng bước nâng cao tính ổn định, giảm dần tính phụ thuộc vào thời tiết trong sản xuất nông nghiệp; nâng cao giá trị sản xuất/đơn vị diện tích canh tác; góp phần bảo vệ môi trường sinh thái, giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Việc triển khai ứng dụng công nghệ sinh học đã góp phần thay đổi tập quán

canh tác của nông dân từ lạc hậu, thủ công thay đổi dần bằng tập quán canh tác hiện đại, áp dụng khoa học, công nghệ vào sản xuất; sử dụng các sản phẩm có nguồn gốc thiên nhiên, nguồn gốc sinh học, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm trên thị trường, đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Ngành chăn nuôi đã có nhiều chuyển biến cả về cơ cấu, chất lượng đàn cũng như những thay đổi về phương thức tập quán chăn

vật nuôi và thủy hải sản; ứng dụng mô hình khí sinh học để xây dựng hầm khí Biogas đã và đang được nhiều hộ gia đình sử dụng... góp phần quan trọng thúc đẩy sản xuất nông, lâm, ngư nghiệp và bảo vệ môi trường. Nhiều giống cây trồng, vật nuôi đã được khảo nghiệm, ứng dụng vào thực tiễn sản xuất mang lại hiệu quả thiết thực, như: các giống lúa HN6, Thiên ưu 8, Đài thơm 8, LDA1...; giống Bò zebu, Trâu Mura, tôm thẻ chân trắng theo công nghệ enzym,....



Mô hình canh tác thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu (CSA) tại xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh. Ảnh: Baoquangtri.vn

nuôi. Hệ thống giống lợn, bò, gia cầm và một số vật nuôi khác đã được cải tiến: Tỷ lệ máu ngoại trong tổng đàn được nâng lên, quy mô và công nghệ cũng có nhiều chuyển biến.

Công nghệ sinh học đã và đang được ứng dụng rộng rãi trong sản xuất như áp dụng phương pháp thụ tinh nhân tạo đối với một số loài gia súc; ứng dụng chế phẩm công nghệ sinh học để xử lý ô nhiễm môi trường, thử nghiệm phòng chống sâu bệnh hại đối với cây trồng,

Kết quả các nhiệm vụ KH&CN trên địa bàn huyện Gio Linh đều được ứng dụng vào sản xuất, đời sống, nhu cầu xã hội đã góp phần quan trọng vào việc tạo ra sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, chất lượng và hiệu quả trong sản xuất công nghiệp, nông nghiệp, thủy sản, du lịch, dịch vụ trên địa bàn, đặc biệt là nâng cao thu nhập cải thiện mức sống cho người lao động.

T.L.S

Bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa trong xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện Cam Lộ

Nguyễn Minh Đức

Phòng Văn hóa, Thông tin huyện Cam Lộ

Cam Lộ nằm ở trung tâm tỉnh Quảng Trị, là mảnh đất giàu truyền thống lịch sử, văn hóa, cách mạng. Trải qua quá trình lịch sử, nơi đây còn lưu lại nhiều dấu ấn của quá trình khai phá, dựng xây, và bảo vệ đất nước của cha ông. Nhiều địa danh ghi dấu những sự kiện oanh liệt, hào hùng và chứa đựng những giá trị văn hóa tốt đẹp của dân tộc, quê hương. Kinh đô Tân Sở, nơi vua Hàm Nghi ban Dụ Cần Vương, Nhà Tạm Tân Trường nơi thành lập một trong ba chi bộ cộng sản đầu tiên của tỉnh Quảng Trị, nơi thành lập Tỉnh ủy chính thức đầu tiên, Khu Chính phủ Cách mạng lâm thời cộng hòa Miền Nam Việt Nam và nhiều địa danh khác. Cùng với đó là tấm lòng của Cam Lộ bất khuất, quật cường, anh dũng trong chiến đấu, cần cù sáng tạo trong dựng xây, là những di sản quý báu cần tôn trọng, gìn giữ và phát huy.

Trong quá trình xây dựng và phát triển quê hương, lĩnh vực văn hóa luôn được huyện quan tâm chú trọng, đặc

biệt là trong thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng Nông thôn mới, văn hóa không chỉ là một tiêu chí



Lãnh đạo UBND tỉnh tặng Bằng khen cho các tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua xây dựng NTM giai đoạn 2016-2020. Ảnh: Minh Đức

đơn thuần mà được xác định là nền tảng tinh thần, là động lực để thực hiện thành công các tiêu chí khác. Vì vậy, cấp ủy Đảng, Chính quyền, Mặt trận và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội các cấp và nhân dân trong huyện đều quan tâm tham gia xây dựng, nâng cao chất lượng phong trào xây dựng đời sống văn hóa, bảo tồn phát huy các giá trị lịch sử, văn hóa của quê hương. Trong đó tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức các phong trào xây dựng đời sống văn hóa ở cơ sở, đồng thời bố trí

nếp sống văn minh trong việc cưới, việc tang vào lễ hội với nhiều mô hình hay như khuyến khích sử dụng băng, đĩa thu sẵn trong đám tang, không tổ chức nhạc sống, rượu, bia đên trước đám cưới, việc tang, các đám tang đảm bảo đúng hương ước, quy ước của thôn làng và phong tục truyền thống của người Việt, thực hành tiết kiệm trong tổ chức, bãi bỏ các lễ nghi không còn phù hợp trong xây dựng đời sống mới. Các phong trào như giúp nhau phát triển kinh tế, đảm bảo ANTT, an toàn tại địa phương, rèn



Lễ Khánh thành Đền thờ vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương. Ảnh: Minh Đức

các nguồn lực để xây dựng, tu sửa các thiết chế văn hóa tại địa phương.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, và tổ chức thực hiện nội dung, các tiêu chuẩn xây dựng “Gia đình văn hoá”, “Khu dân cư văn hóa”, thi đua xây dựng “Xã điển hình văn hóa Nông thôn mới”, “Thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị” tới các gia đình, khu dân cư và các cơ quan, đơn vị được tổ chức thường xuyên. Tập trung vào các nội dung như: Thực hiện

luyện thể dục thể thao... được phát động mạnh mẽ, tạo được phong trào sâu rộng trong nhân dân. Đặc biệt là sự vào cuộc của các cấp các ngành, mặt trận và các tổ chức thành viên, tiêu biểu như phong trào: Họ, tộc không có người vi phạm pháp luật, với 142 học tộc tham gia; Phật giáo Cam Lộ tham gia bảo vệ an ninh Tổ quốc và xây dựng Nông thôn mới, Đô thị văn minh và nhiều phong trào thi đua giúp nhau phát triển kinh tế, giảm



nghèo, xây dựng các tuyến đường kiểu mẫu sáng- xanh-sạch-đẹp, vườn mẫu do các tổ chức chính trị- xã hội phát động... Từ các phong trào, cuộc vận động, hoạt động trên đã tạo ra không khí thi đua sôi nổi ở khắp các địa bàn dân cư, đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao, an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững và tăng cường, môi trường đảm bảo.

Đối với việc bảo tồn và phát huy giá trị các sản phẩm văn hóa truyền thống và phát triển các sản phẩm văn hóa

137 tác phẩm của 105 lượt tác giả, xuất bản 1000 ấn phẩm, sách với hơn 1.500 các tác phẩm của các thể loại tham gia. Huyện duy trì các hội thi, hội diễn văn nghệ quần chúng, tiêu biểu là phong trào Đàn và hát dân ca đối với các làng, bản, khu phố trên địa bàn toàn huyện, tổ chức hội thi dân ca truyền thống từ cấp cơ sở đến cấp huyện 05 năm một lần. Các tác phẩm, các hội thi, hội diễn phản ánh và cổ vũ quá trình đổi mới, phát triển của quê hương đất nước, các giá trị văn hóa, cuộc sống, sinh hoạt, lao động sản



Tổng kết Trại sáng tác ảnh Nghệ thuật "Cam Lộ đổi mới và phát triển" năm 2020.
Ảnh: Minh Đức

mới, huyện đã quan tâm tổ chức các trại, cuộc vận động sáng tác các tác phẩm văn học, nhiếp ảnh, ca khúc về quê hương Cam Lộ... Riêng năm 2020 đã tổ chức 3 đợt sáng tác: Trại sáng tác Nhiếp ảnh với chủ đề *Cam Lộ đổi mới phát triển*, cuộc vận động sáng tác *Ca khúc về quê hương Cam Lộ*, sáng tác mỹ thuật *Chuyển động những ý tưởng*. Qua các đợt sáng tác đã xuất bản 01 tuyển tập, 01 đặc san, 01 đầu sách với

xuất của nhân dân.

Phong trào toàn dân rèn luyện thể dục thể thao được duy trì và ngày càng phát triển, đã tổ chức và duy trì các giải thể thao truyền thống như: Giải Bóng chuyền Tân Sở vào dịp kỷ niệm vua Hàm Nghi ban dụ Cần Vương (ngày 13/7), giải Việt dã, Bóng đá nam, Cờ Tướng hàng năm...

Từ năm 2017 đến 2020, huyện đã hỗ trợ xây dựng mới và sửa chữa 97

trung tâm văn hóa và học tập cộng đồng các thôn, bản, khu phố đáp ứng nhu cầu hội họp và sinh hoạt văn hóa của nhân dân. Trung tâm Văn hóa và khu văn hóa, thể thao ngoài trời huyện cũng được đầu tư xây dựng, sửa chữa đáp ứng tiêu chí huyện Nông thôn mới. Các trục đường trung tâm huyện và các xã, thị trấn đều có hệ thống pa-nô, áp –

triển du lịch của địa phương. Năm 2020, huyện đã tổ chức Lễ rước Long vị Vua Hàm Nghi và tướng sỹ phong trào Cần Vương về di tích quốc gia thành Tân Sở, tổ chức khánh thành Đền thờ Vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương, là sự kiện văn hóa nổi bật được nhân dân gần xa quan tâm, đón nhận. Huyện cũng đã huy động nhiều nguồn lực để đầu tư



Lễ rước Long vị vua Hàm Nghi và các tướng sỹ Cần Vương từ kinh thành Huế về di tích Quốc gia thành Tân Sở. Ảnh: Minh Đức

phích tuyên truyền chủ trương, đường lối, chính sách pháp luật của Đảng, Nhà nước đồng thời quảng bá hình ảnh, các sản phẩm có thế mạnh của địa phương. Bộ mặt nông thôn, đô thị của huyện ngày càng khang trang, khởi sắc, tạo ấn tượng đối với bạn bè, du khách gần xa.

Đối với các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn, huyện Cam Lộ đã tập trung xây dựng, tôn tạo và phát huy giá trị trong việc giáo dục truyền thống của quê hương đối với các thế hệ, đồng thời từng bước tạo thành “Điểm đến” trong phát

tôn tạo di tích Trụ sở Chính phủ Cách mạng lâm thời CHMNVN, Nhà Tầm - Tân Tường, miếu An Mỹ, Đình làng và chợ Phiên Cam Lộ, khánh thành nhà lưu niệm Nhà thơ Chế Lan Viên. Song song với sự đầu tư nguồn lực từ nhà nước, các cộng đồng, nhân dân trong huyện cũng đã tự giác đóng góp công sức, vật chất, hiến đất, hiến cây để xây dựng, bảo tồn các công trình lịch sử, văn hóa tiêu biểu như việc bảo tồn, trùng tu hệ thống giếng cổ ở vùng Cửa (Cam Chính, Cam Nghĩa), hầu hết các di tích đều

được dành quỹ đất để bảo tồn nên gần 70% các di tích được lập hồ sơ khoa học và pháp lý để quản lý và sử dụng.

Từ việc thực hiện đồng bộ các nội dung, giải pháp trong xây dựng, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa gắn với xây dựng nông thôn mới nên đến cuối năm 2018, huyện Cam Lộ có 100% xã thị trấn đạt điển hình văn hóa Nông thôn

xây dựng và phát triển các sản phẩm văn hóa mới càng cần được quan tâm, chú trọng và thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đã đưa ra mục tiêu đến năm 2025 phấn đấu đưa huyện Cam Lộ trở thành huyện Nông thôn mới kiểu mẫu, phát triển công nghiệp, thương mại, dịch vụ gắn với du



Nhân dân trùng tu giếng cổ tại xã Cam Nghĩa huyện Cam Lộ. Ảnh: Minh Đức

mới, thị trấn đạt chuẩn văn minh đô thị, 100% làng, thôn, bản, khu phố, cơ quan, đơn vị đạt chuẩn văn hóa. Góp phần huyện Cam Lộ được Chính phủ công nhận là huyện đạt chuẩn Nông thôn mới năm 2019, là huyện đầu tiên của tỉnh Quảng Trị đạt danh hiệu này.

Trong giai đoạn hiện nay, trước sự phát triển nhanh, mạnh của kinh tế và khoa học công nghệ, sự xâm nhập của các giá trị, sản phẩm toàn cầu, đòi hỏi việc bảo tồn, phát huy các giá trị, sản phẩm văn hóa truyền thống tốt đẹp,

lịch. Để thực hiện mục tiêu trên đòi hỏi huyện Cam Lộ tiếp tục bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa, xây dựng các thiết chế, cơ sở, vật chất, sản phẩm văn hóa giàu bản sắc, phong phú, tiến bộ để văn hóa thực sự là mục tiêu, động lực trong quá trình xây dựng và phát triển huyện nhà./.

N.M.Đ

Tín ngưỡng thờ thủy thần của người Việt Quảng Trị

Cái Thị Vượng

Trung tâm Quản lý Di tích
và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị

Trong các tín ngưỡng thờ cúng thần linh của người Việt Quảng Trị từ xưa cho đến nay, thì tín ngưỡng phổ biến và quan trọng bậc nhất khi phản ánh quan niệm, ứng xử của con người với nước là thờ cúng Thủy thần/ thần Nước. Bởi vì, nước không chỉ là nguồn sống thiết yếu cho sinh hoạt của con người và vạn vật, mà nó còn đánh thức, hồi sinh và phát triển muôn loài. Bên cạnh đó, nước còn gây ra những tai họa khủng khiếp, những trận đại hồng thủy kinh hoàng, có thể hủy diệt làm tiêu tan mọi thành quả do con người gây dựng. Sự tàn phá kinh khủng của hiểm họa thiên nhiên này làm cho người dân vừa muốn chế ngự vừa muốn sùng bái: Tín ngưỡng thờ cúng Thủy thần ra đời trên cơ sở ấy.

Huyền tích các vị Thủy thần Quảng Trị

Trên vùng đất Quảng Trị tồn tại khá nhiều đền thờ với các thần tích được ghi chép tỷ mỉ vào các tư liệu cổ, nhưng cũng khá nhiều huyền tích lại được lưu truyền trong dân gian qua nhiều thế hệ người dân.

Đền thờ Tứ vị Thánh nương: Dương Văn An trong “Ô châu cận lục” viết năm 1553 nói đến đền thờ Tứ vị Thánh nương, ở châu Minh Linh (Vịnh Mốc - Vĩnh Linh ngày nay) có nhiều linh ứng trong việc cứu giúp thuyền bè đi lại trên vùng biển này. Đây là một vị thần biển - thần bảo trợ cho các cư dân đi biển. Khi thần được thờ ở Cửa Cờn (Quỳnh Lưu - Nghệ An) thì thờ một nữ thần họ Triệu, công chúa triều Nam Tống. Bà mẹ của công chúa sinh được ba người con, nàng là con gái út trong gia đình. Năm 1279, quân Nguyên đánh phá Nam Tống, vua Tống Đoan Tông cùng vợ con và đoàn tùy tùng chạy đến biển Nam. Vua bị bệnh băng hà, các tướng lĩnh bị bắt và tử trận. Bốn mẹ con vịn vào một

ván thuyền và trôi dạt vào một ngôi chùa bên bờ biển và được sư chùa cứu mang. Sau một thời gian thấy dung nhan công chúa xinh đẹp, sư chùa manh tâm bắt chính, công chúa giữ tiết hạnh cự tuyệt, nhà sư lấy làm hổ thẹn nhảy xuống biển tự vẫn, công chúa cùng mẹ và các chị gái cũng chết theo. Nhưng khi dần tiến vào Đàng Trong thì thần là vợ của vua Hùng thứ 13, vì tranh giành ngôi báu kế vị, thứ phi sai cất bộ phận sinh dục của hoàng tử mới sinh, để rồi Hoàng Hậu phải bị lưu đày và chết giữa biển khơi. Ngư dân ngủ đêm ở đó được thần báo mộng rằng: “*Ta là vua nước Nam, bị kẻ khác rắp tâm hãm hại. Thượng đế thương mẹ con ta nên đã phong làm thần rồi*”. Dân chài khẩn rằng: “*Như thần có linh thiêng, xin phù hộ cho đánh được nhiều cá, chúng tôi sẽ lập đền thờ*”. Quả như ước nguyện, ngư dân liền lập đền thờ và đền thờ trở nên vô cùng linh ứng. Hằng năm, đến ngày tế lễ, người dân thường cầm hoa đỏ nhảy múa, lâu dần trở thành tục lệ.

Đền thờ Thần Thủy tộc làng Hà Lỗ

và *Câu Nhi (Hải Tân - Hải Lăng)*: lại là một vị thần chuyên đi chọc ghẹo đàn bà vì thông dâm với một trinh nữ người làng Hà Lỗ làm nàng chết oan, dân làng đem đến thờ chung với thần, rồi thần lại dan díu, mây mưa với vợ xã trưởng làm bà có thai đẻ ra một bọc trứng và chết, để đến mức trong Ô Châu cận lục - Dương Văn An phải gọi hạng dâm tà không phải gọi là thần được(1). Nhưng trong sách “*Đại Nam nhất thống chí*” lại viết: Thần là cô gái 20 tuổi chưa chồng bị chết

miếu này để cầu đảo rất ứng nghiệm. Theo truyền thuyết vị thần này là công chúa Giáng Hương con thứ 8 của Ngọc Hoàng, được đầu thai vào một gia đình hiếm muộn nhưng hiền lành và tốt bụng, để chăm lo việc trông coi thời tiết phụ giúp Vua cha ở hạ giới. Khi mới lọt lòng, những giọt nước mắt của cô bé biến thành muôn cánh cò bay mang theo dòng nước mát tràn khắp các cánh đồng. Lúc lớn lên đem lòng yêu thương một chàng trai nghèo, hiếu học đỗ đạt



Tín ngưỡng thờ cúng thần linh của người Việt Quảng Trị đã tồn tại từ xưa cho đến nay.
 Ảnh: <https://dulichvietnam.com.vn/>

đuối, rồi xưng là Thủy tộc long vương Phu nhân và đã được vua Minh Mạng sắc phong “*Phổ trạch trai tỉnh trừng khiết nhan uyển chi thần*”(2) vì đã linh ứng trong việc giúp dân cầu mưa.

Sự tích bà Thủy làng Nhan Biều (Triệu Thượng - Triệu Phong): Đây là một vị Thủy thần nổi tiếng linh thiêng được nhân dân dọc đôi bờ sông Thạch Hãn thờ cúng. Đặc biệt, những lúc hạn hán những người dân thường đến ngôi

Trạng nguyên và đã được Ngọc Hoàng triệu cả hai về thiên giới. Mỗi năm tiên nữ Giáng Hương giáng thế một lần để giúp dân làm mưa (3).

Đền thờ thần Trảo Trảo: Sách *Phủ biên tạp lục* của Lê Quý Đôn và *Đại Nam nhất thống chí* phần về Quảng Trị đều nhắc đến đền thờ Trảo Trảo (Qua Qua) phu nhân, thật ra đây là đền thờ thần sông ở Ái Tử, huyện Đăng Xương (Triệu Phong), được lập từ thời Nguyễn Hoàng

(nửa cuối thế kỷ XVI) ghi công nữ thần sông đã giúp Nguyễn Hoàng diệt được Quân Lập (Lập Bạo, tướng nhà Mạc) trong thời kỳ đầu mới đặt chân vào Đàng Trong. Tương truyền, khi Nguyễn Hoàng đóng dinh ở Ái Tử, có một đội quân nhà Mạc do dũng tướng Lập Bạo kéo vào đánh Ái Tử. Qua nhiều lần giao chiến mà không phân thắng bại, bèn hoãn binh tìm kế sách. Một hôm, Chúa tiên Nguyễn Hoàng đang đóng binh ở bên bờ sông bỗng nghe tiếng Trảo Trảo, chúa lấy làm

lại liếc mắt đưa tình theo chiều lã lơi, Lập Bạo không tìm được mình bèn xuống thuyền đi theo và rơi vào trận địa mai phục của quân Chúa. Biết mình bị lừa, Lập Bạo liền nhảy xuống nước để thoát thân, nhưng khi lặn đến đâu y cũng bị con chim chài cá bay theo đến đó. Do bị kiệt sức Lập Bạo đã bị quân Nguyễn bắt được, quân nhà Mạc tan tác.

Để nhớ ơn vị thủy thần giúp đỡ, Chúa Nguyễn cho lập đền thờ tại làng Ái Tử và phong thần: Trảo Trảo Linh Thu



Ở các làng làm nghề đi biển, Miếu Ông là nơi thờ tự tôn nghiêm các vị thần biển.
Ảnh: <https://dulichvietnam.com.vn/>

lạ ra xem thì thấy tiếng sóng gió nổi lên cuộn cuộn, bèn quỳ gối khẩn: Thần sông linh thiêng thì cố giúp ta, ta đang bí nước. Đêm ấy Chúa nằm mơ thấy người đàn bà mặc áo xanh, sắc đẹp như tiên giáng trần đến gần Chúa và bảo: *Người hãy dùng mỹ kế mới thắng được giặc*. Chúa mừng rỡ vì thấy điềm lành. Hôm sau Chúa sai người hầu là Ngô Thị mang lễ vật và thư giảng hòa đến doanh trại của Lập Bạo, thấy Ngô Thị sắc đẹp mỹ miều

Phổ Trạch Tướng Hựu Phu Nhân. Đòi Gia Long liệt vào miếu Hội Đồng. Năm Minh Mạng thứ 5 gia tặng: Nhu Hoài Đoan ý Chiếu Linh Trợ Thuận Trai thực trung đẳng thần. Miếu đã bị hư hại trong chiến tranh chống Mỹ.

Trước đó, ở vùng này sử cũ đã chép lại còn có miếu Thanh Tương, cũng là miếu thờ thần sông, sau Nguyễn Hoàng đã sai quân triệt phá vì nó không giúp ông mà đã dung cho đảng giặc vào cõi.

Đền, miếu thờ Cá Ông: Nhiều làng ven biển như: Vịnh Mốc, Tùng Luật, Thử Luật (huyện Vĩnh Linh); làng Bạch Lộc, Hà Lợi Thượng, Cát Sơn, Xuân Khánh (huyện Gio Linh); làng Phú Hội, Gia Đăng, Ba Lăng (huyện Triệu Phong); làng Mỹ Thủy, Thâm Khê, Trung An, Thuận Đầu (huyện Hải Lăng)... đều có đền thờ Cá Ông. Cá Ông được xem như là một vị phúc thần cứu giúp dân đi biển khi gặp bão tố. Tục thờ cá Ông liên quan đến việc cầu hưng thịnh cho nghề đi biển. Mỗi lần cá Ông lụy/chết dạt vào bờ là một sự kiện lớn của ngư dân. Cá Ông dạt vào địa phận làng nào được coi là may mắn cho làng đó. Dân làng tổ chức mai táng và lập đền thờ. Dưới thời nhà Nguyễn, cá Ông đã được nhà nước ban sắc phong thần và cho lập miếu thờ: Nam Hải cự tộc ngọc lân, Đông nam Sát Hải lang lại, Sát Hải linh ứng chính thần...

Hiện nay, tại làng ở các làng làm nghề đi biển, Miếu Ông là nơi thờ tự tôn nghiêm các vị thần biển; phía trước có rất nhiều phần mộ các loài cá Ông lụy được dân làng đưa vào an táng. Cả miếu và mộ đều quay mặt về hướng biển Đông.

Miếu thờ thần Dương Bà tại Thác Mệ (Làng Văn Vận - xã Hải Phúc): Trong Hoàng Việt Nhất thống dư địa chí có chép: “1900 tầm, hai bên bờ đều là núi cao chót vót, núi đá lởm chởm, đường sông ở đây vì nước chảy mạnh nên không thể đi được nữa. Đến xứ nước treo, tục gọi là Thác Bà, bên bờ Nam có một tảng đá đứng sừng sững, trên bờ có một ngôi miếu thờ thần Dương Bà, thuyền bè qua lại thường vào miếu cầu đảo”(4). Theo tương truyền, ngày xưa dân cư phía thượng nguồn sông Thạch Hãn thuộc các xã Ba Lòng, Hải Phúc, Triệu Nguyên, Mò Ó chủ yếu là dân tộc Vân Kiều, người Việt chỉ mới lên định

cư thưa thớt. Lúc này giao thông đường bộ đi lại vô cùng khó khăn, người dân muốn ngược lên thượng nguồn chỉ bằng đường thủy, chủ yếu là thuyền buồm chèo bằng tay, dọc đường phải gặp nhiều khó khăn nhất là lúc vượt lên các ngọn thác. Thác Mệ (nay thuộc địa phận làng Văn Vận - xã Hải Phúc) và thác Cẩu (nay thuộc địa phận Vạn Na Nấm - xã Triệu Nguyên) ngăn sông Thạch Hãn làm thành 2 bậc nước cách nhau khoảng chừng 1 mét, nước chảy xiết. Muốn vượt lên 2 ngọn thác này thì phải cùng nhau xuống thuyền và dùng sức đẩy lên, đó là chưa kể những mùa mưa lũ tràn về càng gây thêm khó khăn, nguy hiểm cho thuyền bè qua lại. Có một nữ thương gia người họ Đặng làng An Tiêm - Triệu Thành chuyên xuôi ngược buôn bán trao đổi hàng hóa dọc đôi bờ sông Thạch Hãn, nhiều lần đi lại thuận lợi, làm ăn phát đạt đã phát tâm nguyện lập miếu thờ tại khu vực thác Mệ. Sau này bất cứ thuyền bè nào đi ngang khu vực này đều ghé lại cúng bái để cầu may. Qua năm tháng, ngôi miếu này nay đã không còn, nhưng chốn linh thiêng tại thác Mệ vẫn còn trong tâm thức những người khi có dịp xuôi ngược dòng Thạch Hãn.

Miếu thờ ông Dài ông Cụt: Truyền thuyết về việc thờ cúng tại miếu ông Dài ông Cụt (làng Nhan Biều - Triệu Thượng) kể rằng: Xưa kia, tại làng Nhan Biều có một gia đình nông dân hiền lành, chăm chỉ làm ăn lại làm rất nhiều việc lương thiện, giúp đỡ mọi người, nhưng buồn một nỗi là không có một mụn con để nối dõi. Hai vợ chồng luôn cầu nguyện Trời, Phật, thần thánh cho họ có một đứa con, ít lâu sau người vợ có thai và sinh được một đôi Rắn. Hằng ngày khi người cha đi làm đồng hai con Rắn cứ bò theo sau. Một hôm khi đang chặt (phạng) cỏ ở ven bờ ruộng, người cha đã vô tình chặt

đứt đuôi một con... Sau này khi hai con Rắn chết đã hiển linh thành ông Dài và ông Cụt, luôn phù hộ, trợ giúp cho dân làng gặp nhiều may mắn, tránh những tai ương, bất trắc trong cuộc sống. Từ đó, người dân đã lập miếu thờ và phong lên làm thần thánh. Hiện nay trong miếu phía trên án thờ có trang trí hình rồng cuộn và hai mộc chủ bằng chữ Hán: “*Bổn thổ Chủ cảnh Long vương thượng đẳng thần*”, “*Bổn thổ Chủ cảnh Long vương tôn thần*”.

Miếu đôi: Cũng thờ ông Dài ông Cụt nhưng tại xóm Triều làng Cổ Thành - Triệu Thành lại có huyền tích khác biệt: Có một gia đình sinh một lúc hai người con trai, một người bình thường nhưng người kia bị tật nguyền không có chân... Sau khi hai người mất, đến ngày giỗ khu vực làng thường có giông tố, gió lốc kèm theo mưa lớn, chỉ một thời gian ngắn lại biến mất. Người dân cho rằng ông Dài, ông Cụt về *ngự*. Thấy linh thiêng dân làng liền lập miếu thờ và tôn lên hàng



Lễ cầu ngư làng Mỹ Thủy được tổ chức trang trọng. Ảnh: Baoquangtri.vn

Tín ngưỡng thờ cúng Ông Dài, Ông Cụt thực chất là sự thể hiện lòng kính sợ của con người trước sức mạnh khôn lường của các dòng sông/nước sông; đồng thời cũng chứng tỏ rằng, từ rất sớm người Việt đã nhìn thấy rõ mặt lợi và mặt hại mà nước đã đem lại cho con người. Theo chúng tôi, việc thờ ông Dài, ông Cụt là thiêng hóa khúc sông, được hình tượng hóa bằng con rắn - là linh vật thuộc thế giới Thủy tộc, được người dân tôn thờ để cầu đảo.

thần thánh. Chỉ tiếc rằng hiện nay trong miếu Đôi không còn mộc chủ hay các văn bằng gì liên quan đến hai vị thần trên, nhưng theo chúng tôi đây là những vị thần sông mà những người dân sống ven sông Thạch Hãn thường thờ cúng để cầu mưa thuận, gió hòa, bình yên đối với muôn loài.

Dinh Ông làng Gia Độ: Theo huyền tích: Ngày xưa sát tại khu vực ngã ba Gia Độ có một vực nước khá sâu, thường xuyên xuất hiện những con cá

lớn và dài, khi chúng bơi nước sông rẽ thành nhiều đường sóng; loài cá này cũng được Dương Văn An nhắc đến trong sách Ô châu cận lục: “*Bến Dã Độ tại làng Phù Hoa huyện Hải Lăng. Nước từ nguồn Viên Kiều và Cảo Cảo đổ về, bến sâu rộng, có loài cá mập lớn sinh sống...*”(5). Người dân cho rằng thần Long vương xuất hiện và không ai dám đến khu vực này vì sợ ngài bắt gặp, dần dần khu đất sát bờ sông ngày một trở nên linh thiêng, huyền bí. Để giải quyết các vấn nạn về tâm lý và cũng cố niềm tin của con người vào cuộc sống hiện tại giúp dân làng yên ổn làm ăn, làng đã lập Dinh Ông để thờ cúng. Hằng năm vào ngày 7/1 (âm lịch) dân làng thường tổ chức lễ hội đua thuyền tại khu vực gần Dinh Ông để cầu mưa thuận, gió hòa, mùa màng tươi tốt bội thu...

Điều đáng nói trên địa bàn các làng xã ở Quảng Trị, hầu như đều có thờ cúng Thủy thần tại các ngôi đền, miếu/Miếu bà Thủy. Tuy không có huyền tích rõ ràng nhưng tất cả đều cầu mong nguồn nước để phục vụ cho cuộc sống sinh hoạt và tránh xa lũ lụt tàn phá.

Nguyên nhân, ý nghĩa thờ cúng Thủy thần

Từ thần tích các vị Thủy thần chúng ta nhận thấy: Thủy thần có thể là người chết hoá thành, cũng có khi là các linh vật như rắn, cá... Tất cả đều cai quản vùng thủy vực bao gồm sông, suối, biển, hồ, giếng nước. Đây là những con người, những loài vật có tâm tình sâu nặng yêu thương, quan tâm đến chúng sinh muôn loài; nhiều người đã quên sinh thân mình vì nghĩa lớn và đã hóa nhập với linh khí trời đất để trở thành những anh linh để đời đời về sau mọi tầng lớp nhân dân tôn kính.

Các vị Thủy thần đều được thờ cúng ở đình, đền, miếu - những nơi tôn nghiêm bậc nhất ở các làng xã. Thờ

cúng Thủy thần vốn đã thiêng liêng, song để thần khác thường và linh thiêng hơn nữa người dân Quảng Trị còn huyền thoại hóa các vị Thủy thần. Cùng song hành với việc xây dựng các ngôi đền, miếu để thờ phụng một cách trân trọng, trang nghiêm là việc cũng cố niềm tin bằng cách tạo ra các sự tích, huyền tích vừa mang tính chính sử vừa mang tính truyền thuyết huyền thoại; nhưng vẫn không ngoài mục đích là phản ánh tâm tư, nguyện vọng của người dân. Bên cạnh đó, việc ban sắc phong thần do nhà nước phong kiến quyết định cũng tăng độ quyền uy và linh thiêng cho các vị thần, bởi sắc phong thường có nội dung ca ngợi, tôn danh các vị Thủy thần tại nhiều làng xã.

Trong tiềm thức của người Việt Quảng Trị nước có ý nghĩa vô cùng quan trọng: Là nguồn sống, là phương tiện chuyển tải sự sống và trung tâm tái sinh cho muôn loài. Nước là yếu tố không thể thiếu trong cuộc sống, là hiện thân của sức mạnh thần bí, là nguồn lực mà cuộc sống con người phải lệ thuộc, là biểu tượng cho sự thịnh vượng, chính nó đã góp phần tạo nên tín ngưỡng văn hóa của một vùng đất. Bởi vì, nước không chỉ phục vụ cuộc sống sinh hoạt hàng ngày như ăn, uống, lao động sản xuất, tưới tiêu để mùa màng tốt tươi, bội thu, là một trong những nguyên tố cấu thành giúp vạn vật sinh sôi nảy nở; mà nước cũng có thể hủy diệt tàn phá, những trận bão lũ thiên tai luôn là nỗi lo rình rập con người. Chính vì sức mạnh, quyền năng của nước và sự cần nước, sợ nước mà người Việt càng sùng bái Thủy thần.

Với quan niệm vạn vật hữu linh, mọi vật đều có linh hồn và bắt đầu từ thế giới tự nhiên xung quanh mình, cùng môi trường sống gắn với điều kiện sông nước; nên thờ cúng Thủy thần là một tín ngưỡng có từ rất sớm và phổ biến ở các

làng quê trên vùng đất Quảng Trị. Chẳng khó khăn gì để tìm kiếm những ngôi đền thờ Thủy thần, miếu bà Thủy tại các làng xã, điều này càng minh chứng rõ cho quan niệm và tín ngưỡng tôn sùng các vị thần Nước của người Việt; đặc biệt, là các làng sống bằng nghề trồng lúa nước lâu đời và hành nghề đánh bắt, buôn bán dọc các dòng sông, ven biển. Nghiên cứu truyền thuyết về các vị thần được thờ trong các đền miếu của Quảng Trị, cùng với các tập tục thờ cúng, lễ hội

sinh nhai thì việc thờ Thủy thần vô cùng quan trọng, bởi lao động sản xuất làm ra của cải vật chất bao giờ cũng là một quá trình tương tác với điều kiện tự nhiên. Vì thế, con người luôn luôn phải dựa vào tự nhiên để vừa tận dụng, khai thác những mặt thuận lợi vừa phải tìm cách thích ứng, hài hoà; đây là mối quan tâm hàng đầu của các cư dân nông nghiệp. Nước - đáng siêu nhiên đáng tôn sùng được người nông dân khôn khéo gửi gắm lòng tin, kính sợ và nương nhờ; để họ



Thờ cúng Thủy thần là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, tâm linh, là truyền thống tốt đẹp cần được giữ gìn. Ảnh: <https://dulichvietnam.com.vn/>

đưa thuyền, lễ rước thần Nước... đã cho thấy tín ngưỡng thờ Thủy thần khá đậm nét và rất phổ biến ở các làng quê.

Trên cơ sở kinh tế nông nghiệp, ngư nghiệp làm chủ đạo, lại là trung tâm giao lưu văn hóa với các vùng, miền trong khu vực và trên cả nước, nên đa số người Việt ở Quảng Trị mang nặng tín ngưỡng dân gian là thờ cúng các vị thần liên quan đến nghề nghiệp của mình. Với những làng lấy nông nghiệp làm kế

cầu mong phò hộ độ trì cho con người và vạn vật tốt tươi: *"Lạy trời mưa xuống/
Lấy nước tôi uống/
Lấy ruộng tôi cày/
Lấy đầy bát cơm..."*

Sức sống mạnh mẽ của đất và người miền biển nghìn đời nay vẫn vậy, luôn đan xen, hòa quyện hài hòa giữa đất trời với biển cả và không thể thiếu tín ngưỡng tâm linh về làng nghề - nghề biển; để rồi Lễ cầu ngư, Lễ cúng và an táng cá Ông, Thờ cúng thần Sát Hải, lễ

rước thần Nước ... ra đời. Đây là lễ hội dân gian truyền thống tồn tại rất lâu đời, thể hiện giá trị văn hóa tín ngưỡng vô cùng độc đáo của ngư dân làm nghề đánh bắt trên biển Quảng Trị. Lễ hội cầu ngư phản ánh đời sống văn hóa tinh thần phong phú và những tín ngưỡng mang màu sắc huyền bí trên sông nước được tổ chức hàng năm nhằm cầu trời yên biển lặng, được mùa cá tôm cho những chuyến đi biển bình yên, cầu cho cuộc sống người dân no đủ, quốc thái dân an.

Có thể nói, đối với những người Việt Quảng Trị cho dù cuộc sống mưu sinh bằng nông nghiệp, ngư nghiệp hay buôn bán... tất cả đều quen nếp sống dựa vào thiên nhiên, đặt hy vọng và trông chờ vào các đấng thần linh phù trợ, giúp rập thì nước trở thành siêu nhiên hơn cả. Bởi vì, đây là sự sống, là sự phát triển của muôn loài. Sùng bái nước là một hành vi mang tính cộng đồng và đã ăn sâu vào mỗi người dân qua bao thế hệ. Nước mặc nhiên trở thành một biểu tượng mang tính giá trị, mang một quyền năng, một sức mạnh đặc biệt đối với đời sống con người. Nỗi sợ hãi nước đi đôi

với niềm tôn kính ăn sâu vào tâm thức cộng đồng, tạo nên những vị Thủy thần mà người Việt qua bao thế hệ tôn kính.

Thờ cúng Thủy thần là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, tâm linh, phản ánh rất nhiều mặt về đời sống kinh tế, văn hóa, tinh thần của người dân Quảng Trị; đây là những truyền thống tốt đẹp đáng trân trọng và giữ gìn./.

C.T.V

CHÚ THÍCH

1 và 5. Dương Văn An. Ô Châu cận lục. Bản dịch và chú giải của Văn Thanh và Phan Đăng. Nhà xuất bản chính trị quốc gia. Hà nội 2009, tr 93 và 101.

2. Quốc sử quán triều Nguyễn. Đại Nam nhất thống chí (tỉnh Quảng Trị và Quảng Bình). Tập 9. Tu trai Nguyễn Tạo dịch. Nha Văn hóa Sài Gòn, 1961, tr 52

3. Hồ Quốc Hùng. *Văn học dân gian Triệu Hải*. Sở Văn hóa - Thông tin Bình Trị Thiên, 1988, tr 34 - 36.

4. Lê Quang Định. *Hoàng Việt nhất thống dư địa chí*. Nhà xuất bản Thuận Hóa và Trung tâm văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, trang 351.



Làng Võ Xá - Nơi lưu giữ lệ tục dựng cây nêu ngày tết ở Quảng Trị

Hoàng Ngọc Thiệp

Trung tâm Quản lý Di tích
và Bảo tàng tỉnh Quảng Trị

Từ bao đời nay, trong tâm thức của mỗi người dân Việt, tết Nguyên Đán được xem là một ngày quan trọng nhất trong năm. Mặc dù cả năm làm ăn vất vả, cực nhọc, cho dù có đi xa chẳng nữa thì trong dịp này, mọi người cũng đều cố gắng trở về đoàn tụ bên gia đình và chuẩn bị đầy đủ các lễ vật để dâng cúng ông bà tổ tiên, các loại lễ vật đó đã được dân gian đúc kết thành cặp câu đối đầy ý nghĩa:

“Thịt mỡ, dưa hành, câu đối đỏ

Cây nêu, tràng pháo, bánh chưng xanh”

Hình ảnh cây nêu được coi là biểu tượng thiêng liêng nhất của ngày Tết. Nó là biểu tượng của cây vũ trụ nối liền Trời với Đất, chuyên chở những ý nghĩa nhân sinh cao đẹp, với mong muốn xua tan vận hạn của năm cũ, cầu mong an lành, hạnh phúc đến với mọi người trong năm mới. Đồng thời, cây nêu còn là sự hiện thân giữa cái thiện và cái ác, của lòng hướng thiện. Vì thế, từ xa xưa, người dân đã có tục trồng cây nêu trong dịp tết Nguyên đán.

Trồng cây nêu đã trở thành tục lệ phổ biến của các dân tộc Việt Nam: từ người Kinh, Thái, Mường đến người Ba Na, Gia Rai... Trên ngọn nêu, người ta thường treo một túm lá dứa, lông gà, cành đa, lá thiên tuế, những chiếc khánh

và con cá bằng đất nung, cùng một tán tròn bằng tre nửa dán giấy đỏ. Ngoài ra, có nơi còn treo những chiếc đèn lồng, đèn xếp hoặc vài xấp tiền, vàng mã... Dù với dụng ý khác nhau, nhưng những vật treo đều tượng trưng cho mong muốn bảo vệ con người, tạo lập hạnh phúc cho con người. Ví như lá dứa để dọa ma quỷ (vì ma quỷ sợ gai), không cho chúng vào quấy phá. Cái khánh đồng âm với “khánh” có nghĩa là “phúc” năm mới đem lại hạnh phúc cho gia đình. Cành đa tượng trưng cho điều lành và tuổi thọ. Tiền vàng mã để cầu tài, cầu lộc. Lông gà là biểu tượng chim thần (một sức mạnh thiên nhiên giúp người).

Cây nêu được dựng với mục đích ban đầu nhằm ngăn ngừa không cho quỷ từ biển vào đất liền và bèn mảng đến nơi Người cư ngụ. Tục lệ này được truyền thuyết kể lại rằng: Ngày xưa, Người và Quỷ cùng sống trên mặt đất. Quỷ cậy mạnh chiếm đoạt toàn bộ đất đai và bắt Người đi làm thuê cho chúng với những điều kiện ngày càng khắt khe. Với trò “ăn ngọn cho gốc”, đến mùa gặt, Quỷ lấy hết phần ngọn (những bông thóc), còn Người chỉ được phần gốc (rạ). Phận thương Người, mách bảo Người đừng trồng lúa mà trồng khoai lang. Mùa thu hoạch ấy, Người lấy hết củ, Quỷ chỉ

được dây và lá khoai.

Quý tức tối, mùa sau quy định lại là “ăn gốc, cho ngọn”. Người liền trở về trồng lúa như cũ. Vẫn thất bại, Quý đòi “lấy cả gốc lẫn ngọn”. Phật mách Người nên trồng ngô. Người làm theo và lại thắng (vì bắp ngô ở khoảng giữa thân cây). Uất ức, Quý tịch thu toàn bộ ruộng đất, không thuê Người trồng cây gì nữa. Phật bảo Người thương lượng với Quý để mua một miếng đất chỉ bằng bóng chiếc áo cà sa. Người sẽ trồng một cây tre, trên đó mắc áo cà sa, đất của Người

âm u: bóng của áo cà sa dần dần che kín khắp cả mặt đất. Quý không ngờ có sự phi thường như thế, mỗi lần bóng áo lần dần vào đất của chúng, chúng phải dất nhau lùi mãi lùi mãi. Cuối cùng Quý không có đất ở nữa, phải chạy ra biển. Quý tập hợp lực lượng phản công hòng chiếm lại đất. Cuộc chiến diễn ra hết sức ác liệt. Biết quân của Quý sợ máu chó, lá dứa, tỏi, vôi bột nên Phật và Người sử dụng những thứ ấy làm vũ khí. Quý bị đại bại, bị Phật bắt, đày ra biển. Chúng van xin Phật, hàng năm, cho chúng vào



Đình làng Võ Xá. Ảnh: Tư liệu

là phần đất giới hạn bởi bóng áo ấy. Quý nghĩ chẳng đáng là bao nên đồng ý, và hai bên giao ước: đất trong bóng áo là của Người, ngoài bóng áo là của Quý. Khi Người trồng xong cây tre, Phật đứng trên ngọn, tung áo cà sa bay tỏa ra thành một miếng vải tròn. Rồi Phật hóa phép làm cho cây tre cao vút mãi lên, đến tận trời. Tự nhiên đất trời trở nên

thăm đất liền vài ba ngày. Phật thương tình, đồng ý.

Vì thế, hàng năm cứ đến ngày Tết Nguyên đán là ngày Quý vào thăm đất liền, thì người ta theo tục trồng nêu để cho Quý không dám bén mảng vào chỗ người đang ở. Trên ngọn cây nêu, Người ta treo khánh đất nung để mỗi khi gió rung thì có tiếng động phát ra để luôn

nhắc bọn Quỷ nghe mà tránh. Cũng trên đó có buộc một bó lá dứa hoặc cành đa mở hái để cho Quỷ sợ. Ngoài ra, người ta còn vẽ hình cung tên hướng mũi nhọn về phía đông và rắc vôi bột xuống đất vào những ngày Tết để cấm cửa Quỷ.

Thường là 23 tháng Chạp, người ta dựng cây nêu - gọi là thượng nêu. Người ta dựng nêu với quan niệm rằng

cộng đồng, ý nghĩa của việc trồng cây nêu ngày Tết đã trải rộng hơn. Dựng nêu ngày tết bao gồm trong nó cả các dụng ý để trừ ma, quỷ, thờ phụng thần linh và vong hồn tổ tiên, tẩy trừ những điều xấu xa của năm cũ để đón năm mới.

Lễ dựng nêu làng Võ Xá (xã Trung Sơn, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị) cũng không nằm ngoài ý nghĩa đó. Theo



Dựng cây nêu ngày Tết là nét văn hóa lâu đời của người Việt. Ảnh: Tư liệu

từ ngày này cho tới đêm giao thừa (đêm trừ tịch), vắng mặt ông Táo, ma quỷ sẽ nhân cơ hội này mà lên về quấy nhiễu dân chúng, thế nên người ta phải dựng nêu làm “bùa hộ mệnh” để an tâm ăn Tết. Ngày Khai hạ (mùng 7 tháng Giêng âm lịch) là ngày làm lễ hạ cây nêu xuống - gọi là hạ nêu.

Tuy nhiên, theo thời gian, theo địa phương, theo dân tộc và tập quán của

những bậc cao niên trong làng cho biết, tục lệ này có từ khi làng đã được hình thành, ngày Tết cây nêu được dựng lên nhằm để trừ tà ma trong những ngày đầu năm, đồng thời ghi nhớ công ơn những vị tiên hiền đã công lao trong việc khai phá đất đai, tạo lập làng xóm.

Làng Võ Xá là một trong những làng quê được thành lập khá sớm vào khoảng nửa cuối thế kỷ thứ XV trên vùng đất

Quảng Trị, nguồn gốc dân cư từ những đợt di dân khai phá vùng đất mới dưới thời nhà Lê. Trong tập sách *Ô châu cận lục* viết vào giữa thế kỷ XVI đã nhắc đến Võ Xá là 1 trong 65 xã/làng thuộc châu Minh Linh (huyện Vĩnh Linh và Gio Linh, tỉnh Quảng Trị ngày nay).

Làng có chợ Kênh là một ngôi chợ cổ bên dòng sông Bến Hải, ngôi chợ xưa nằm cạnh đình làng, có bến đò chợ nơi các thuyền buôn tấp nập hàng hóa. Trong khu vực chợ có các cửa hiệu (Bông, Bút, Hóa Thiệu...) buôn bán thuốc bắc của người Tàu. Đến nay chợ chuyển qua địa điểm khác, gần đó nhưng quy mô và vai trò lịch sử của nó bị phai nhạt dần. Các thiết chế văn hóa cổ truyền của làng Võ Xá đều được con dân trong làng coi trọng, đình làng Võ Xá là một ngôi đình lớn có tiếng quanh vùng, câu ca “*Đình nào to bằng đình chợ Tréo (Quảng Bình). Đình nào khéo bằng đình chợ Kênh (Võ Xá)*” phần nào đã nói lên quy mô và nghệ thuật của ngôi đình. Đáng tiếc ngôi đình đã bị phá trong phong trào tiêu thổ kháng chiến năm 1947. Năm 2003, đình được xây dựng lại như hiện nay. Nghi lễ này trước khi đình bị phá được diễn ra đều đặn hàng năm, trong hai cuộc kháng chiến bị gián đoạn một thời gian, kể từ sau ngày đất nước giải phóng lễ được con dân trong làng khôi phục lại và diễn ra thường xuyên hơn.

Lễ dựng nêu làng Võ Xá là một nghi lễ mang tính tâm linh, có ý nghĩa quan trọng đối với cộng đồng làng mỗi dịp Tết đến xuân về. Mặc dù nghi lễ này không quan trọng bằng Lễ Đại tự (trong nghi lễ này có các tiết mục múa dâng và múa đồng nấp rất hoành tráng), nhưng với ý nghĩa tâm linh của nó nên rất được coi trọng.

Ở các làng quê, Tết Nguyên đán mở đầu cho một năm mới nên các nghi lễ về tâm linh luôn được coi trọng: cúng

tất niên, cúng đầu năm... đều có tháp hương ở các đình, đền, miếu và có ban trị sự để chăm lo các công việc; lễ dựng nêu cũng nằm trong chương trình này.

Thông thường trước ngày diễn ra lễ khoảng mười ngày đến nửa tháng, các vị chức sắc trong làng và đại diện các họ tộc tập trung tại đình làng để họp bàn và bầu ra các bộ phận, các ban phụ trách các công việc liên quan, bao gồm:

- Ban trị sự: Hội chủ, trưởng các họ tộc và trưởng thôn.

- Ban nghi lễ: Hội chủ (trưởng ban); trưởng 2 khu vực dân cư làm phó ban (làng có hai xóm: trên và dưới chia thành hai khu dân cư) lo việc chọn tre và lễ vật; đại cổ (1 chiêng và 1 trống); 1 người rót trà, rượu.

Trang phục của các bộ phận tế lễ

+ Chủ tế bên trong mặc bộ bà ba trắng, ngoài áo dài rộng màu xanh viền đỏ, chân đi tất trắng, đầu đội mũ thàn màu vàng.

+ Các vị còn lại trong ban nghi lễ mặc áo dài màu đen khăn đóng.

Chọn tre làm cây nêu: Cây tre được chọn phải là cây tre thẳng, nguyên đốt, càng dài càng tốt, tre được róc hết cành chỉ để lại ngọn cây, đầu ngọn có lá. Sau khi chọn tre xong, chuẩn bị một dải vải đỏ dài khoảng 2m, rộng khoảng 20 cm đến 25 cm để buộc vào ngọn cây.

Lễ vật: Lễ vật đơn giản chỉ cau trầu, rượu trà và vàng mã.

Sau khi hoàn tất công tác chuẩn bị, sáng sớm ngày 25 tháng chạp, Ban trị sự làng tập trung tại đình bắt đầu tiến hành lễ dựng nêu.

Lễ tục dựng cây nêu trải qua các bước sau

- Lễ cáo giang sơn: Diễn ra tại sân đình. Giữa sân đặt 2 bàn thượng - hạ; lễ vật đơn giản hoa quả, trà, rượu. Nội dung lễ này là báo cáo và xin phép thần linh về việc làng tổ chức lễ thượng

nêu đồng thời mời thần linh về chứng giám.

- Lễ cáo thành hoàng bản thổ: Diễn ra trong đình. Nội dung báo với thành hoàng về việc dân làng làm lễ thượng nêu và cầu thành hoàng bảo vệ cho dân làng tránh khỏi quỷ dữ trong những ngày tết.

- Lễ thượng nêu: Sau khi cáo thành hoàng bản thổ xong, Ban trị sự làng tập trung tại sân đình để tiến hành dựng nêu.

- Lễ hóa vàng mã. Kết thúc lễ thượng nêu.

Khi cây nêu được dựng lên, tất cả mọi hoạt động khác đều dừng lại nhường chỗ cho các công việc đón tết. Cây nêu đã tạo nên thế cân bằng trong sự vận hành thay đổi giữa năm cũ và năm mới, con người yên tâm vui chơi, cả cộng đồng sinh hoạt vui vẻ, quên đi những ưu phiền của năm cũ.

Sau tết, đến ngày Khai hạ (mùng 7 tháng Giêng âm lịch), làng tiến hành làm lễ hạ nêu. Từ khi cây nêu được hạ xuống thì mọi công việc trong làng mới trở lại bình thường.

Ngày nay, phong tục dựng cây nêu ngày tết đã dần mất đi trong cộng đồng người Việt và thay vào đó là các trào lưu chơi hoa đào, hoa mai, cây cảnh. Cây nêu chỉ còn bắt gặp lác đác tại một số vùng quê, trong cộng đồng các dân tộc thiểu số vùng thượng du Bắc Bộ hay Tây Nguyên. Ở Quảng Trị chúng tôi bắt gặp phong tục này tại hai làng Võ Xá và An Xá thuộc xã Trung Sơn, huyện Gio Linh, đây là một điều đáng trân trọng và cần nhân rộng trong cộng đồng.

H.N.T



Hồn quê qua từng chiếc bánh dân gian

Nguyễn Văn Thanh

Bánh là một loại ẩm thực tao nhã, mộc mạc song có một giá trị, một chỗ đứng riêng trong văn hóa ẩm thực của các làng quê ở Quảng Trị. Được làm nên từ hạt lúa nếp, củ khoai, hạt đậu, ... từ đôi bàn tay khéo léo của các bà, các mẹ, các chị. Ai đã từng một lần được thưởng thức hương vị những chiếc bánh quê thì làm sao quên được.

Những chiếc bánh truyền thống ở làng Mai Xá Chánh

Làng Mai Xá Chánh, xã Gio Mai, huyện Gio Linh, tỉnh Quảng Trị là một làng cổ Việt Nam được hình thành cách đây hơn bảy, tám trăm năm.

Vào những ngày cuối tháng tháng Chạp, có dịp về làng Mai Xá Chánh nằm ở lưng chừng về phía hạ lưu của hai con sông Hiếu và sông Thạch Hãn sẽ thấy rất vui và rất thú vị. Trẻ nhỏ háo hức, người lớn tất bật khiến không gian vốn

yên ả, thanh bình hàng ngày, bỗng sôi nổi hẳn lên. Tết đến, Xuân về các mẹ, các chị ở nơi đây, dù vất vả với trăm công nghìn việc, vẫn ráng duy trì cho được cái lệ làm bánh. Rảnh rang thì làm các loại cầu kỳ, mà bận rộn thì làm các thứ đơn giản. Nhưng có gì đi nữa cũng phải có bánh in, bánh thuẫn, bánh hộc, bánh tét, các loại mứt...

Nhân dân làng Mai Xá Chánh sống gần sông nước và phần lớn sản xuất nông nghiệp, bởi vậy những phụ nữ



Bánh in là loại bánh truyền thống được dùng thờ cúng, đãi khách trong những ngày Tết Nguyên đán. Ảnh: Tư liệu

nơi đây đã khéo léo chế biến ra nhiều loại bột, như bột gạo, bột lọc, bột nếp, để chế biến các loại bánh... Từ nguyên liệu bột thơm ngon sẵn có, làng Mai Xá Chánh đã làm nên nhiều loại bánh nổi danh khắp vùng, đặc biệt bánh in, bánh thuẫn, bánh học, bánh tét...

Vừa vặn như in là ý nghĩa dân gian chiếc bánh in

Đầu tiên phải nói đến là bánh in, hay còn gọi bánh cộ... là loại bánh truyền thống được dùng thờ cúng, đãi khách trong những ngày Tết Nguyên đán.

Bánh có nhiều chủng loại như bánh bột nếp, bột bình tinh, bột đậu xanh, bột đậu ván,... Khuôn bánh in có nhiều dạng khác nhau như: bánh, quả, cá, hoa văn, hoa, nai, chim, chữ thọ, chữ phúc...

Chiếc bánh in trông thật đơn sơ nhưng cũng tốn công không ít. Nếp hạt đem vo sạch trút ra cái rá hay cái rổ dày phơi vài nắng cho khô. Sau đó, người ta bắt chảo lên rang với ngọn lửa liu liu. Bằng kinh nghiệm dân gian, với đôi tay thuần thục, đôi mắt nhìn từng hạt nếp, người ta biết lúc nào thì nếp chín tới. Nếu rang chưa tới, khi xay hạt nếp bề không đều, dễ dính, chiếc bánh hay vỡ, nếu rang già lửa thì nếp sẽ mất hương thơm, hay ngả màu sậm nhìn không đẹp.

Xay gạo nếp rang cho thật nhuyễn. Dùng đường cát loại tốt, khô xay mịn trộn cùng với mạch nha (thứ đường làm từ mầm lúa, nếp) đánh quện vào nhau tạo thành màu vàng trắng óng ánh. Thoa khuôn cũng bằng bột nếp đã rang, xay nhuyễn đã chừa lại trước khi trộn đường. Dùng tay, cho bột bánh vào nén chặt lại, lật ngược chiếc khuôn, gõ nhẹ sẽ ra chiếc bánh in mượt mà.

Cầu kỳ hơn, người ta dùng đậu xay quét nhuyễn với đường cát để làm nhân bánh nhằm tăng thêm hương vị. Bánh in xong đổ ra nong đem phơi thêm một nắng hoặc đem nướng trên lửa than để

bánh cứng lại.

Chiếc bánh in bên ngoài màu trắng, ẩn ở giữa là đậu xanh, bột đậu ván, thơm dẻo rất bắt mắt. Hương vị thì tuyệt vời, làm vị giác “nổi dậy” ngay từ miếng đầu tiên đảm bảo sẽ đem lại sự yêu thích khó cưỡng cho những ai đã từng nếm qua một lần. Mong một năm mới “vừa vặn như in” là ý nghĩa dân gian gửi gắm trong món bánh này.

Những năm trước, công việc làm bánh in khá vất vả khi các hộ dân làm bánh phải giã đậu xanh bằng tay, nhưng bây giờ đã có những máy móc hỗ trợ rang, xay, giã bột nên công việc đỡ cực hơn phần nào. Nên ngày xuân các bà, các mẹ, các chị nơi đây càng thêm thích làm loại bánh “vừa vặn như in”.

Chiếc bánh thuẫn cổ truyền đang âm thầm lan tỏa

Hương vị bánh thuẫn ngày tết đã in sâu vào tâm trí của mỗi người con làng Mai Xá Chánh. Đây cũng là loại bánh truyền thống không thể thiếu trong mỗi dịp tết đến, xuân về để dâng lên bàn thờ tổ tiên và đãi khách.

Bánh thuẫn được làm từ bột bình tinh là ngon nhất. Bột bình tinh giã nhỏ, rây mịn, cộng trứng gà, đường kính, bột va ni, dầu ăn. Trứng gà đánh nhuyễn theo một chiều nhất định, dùng đôi chày, đánh mạnh đều tay thì bột mới dậy, nếu có đánh trứng thì đánh khi nào thử vào chén nước lạnh trứng nổi thì mới được; tiếp theo cho đường kính vào và cũng đánh nhuyễn như trên. Sau cùng cho bột bình tinh, bột va ni, một ít rượu gạo vào và đánh lại một lần nữa. Đặt khuôn bánh lên bếp than, khuôn nóng, dùng một khúc cọng chuối nhúng vào bát dầu hoặc mỡ, tráng quanh khuôn, đổ bột trứng vào, đập nắp khuôn lại, khoảng 15 phút thì bánh chín. Bánh thuẫn chín, nở đẹp như những cái hoa, màu vàng ươm của trứng gà thơm lừng, giòn tan và

dị ngọt đầu lưỡi, ăn miếng bánh uống ngụm trà trong tiết trời xuân lạnh lạnh ngon đến khó tả.

Dù trải qua nhiều biến đổi, song Tết cổ truyền vẫn tồn tại trong lòng mỗi người dân ở nơi đây với nhiều phong tục đẹp. Ngày giáp Tết, trên từng con đường nhỏ râm ran âm thanh của mọi người cùng mùi bánh thuần thơm lừng, đang âm thầm lan tỏa.

học bằng gỗ hình chữ nhật; gạo nếp rang bung với cát nóng rồi sảy sàng thật kỹ, phơi sương, tắm nước đường được cô thắt, gừng tươi giã nhỏ và đậu lạc rang. Các đặc sản này được trộn lại với nhau. Sau đó, phải cần một người khỏe mạnh dùng một cái chày gỗ giống dụng cụ của người thợ mộc cứ giã xuống cho các nguyên liệu bánh kết dính chặt với nhau đến khi đầy học. Thường thì mất



Bánh thuần. Ảnh: Tư liệu

Bánh học dẻo thơm, ngọt bùi của vị gạo nếp đồng làng

Về làng Mai Xá Chánh nhân dịp xuân về, không thể không thưởng thức chiếc bánh học cùng một phần lịch sử món quà Tết truyền thống ông bà ta để lại.

Để có nếp làm bánh học, nhân dân nơi đây chọn vạt ruộng sâu cấy vài bó mạ nếp từ vụ đông xuân mùa trước. Nếp vụ đông xuân mới hấp thu trọn vẹn tiết khí trời lạnh, cho hạt dẻo thơm hơn các vụ khác trong năm. Giống lúa nếp IR 352 khi nhỏ mạ đã nghe mùi thơm thoang thoảng của lá của rễ mạ non.

Nguyên liệu làm bánh học: Một cái

từ 10 đến 15 phút mới đóng xong một học bánh.

Loại bánh truyền thống là sự hòa quyện thanh tao của vị đường, vừa ngọt bùi của vị gạo nếp đồng làng, lại vừa thơm mùi gừng, mùi lạc. Ai đã ăn bánh học một lần rồi thì không bao giờ quên. Ngon nhất là dùng bánh với trà hoặc nước chè xanh.

Đẻo thơm chiếc bánh chày Cẩm Phổ

Ngày Xuân về làng Cẩm Phổ, xã Gio Mỹ, huyện Gio Linh xem lễ hội cướp cù, chúng ta không quên thưởng thức món bánh chày (hay còn gọi là bánh dày).

Các bà, các mẹ, các chị cho biết, vào

những ngày giáp Tết, khi công việc ruộng đồng đã xong, mọi nhà đều chuẩn bị cho việc làm bánh chì để dọn 3 ngày Tết.

Món bánh chì được làm bằng ba nguyên liệu chính đó là, nếp, đường, đỗ (hoặc vừng để làm nhân).

Gạo nếp được ngâm qua đêm, sau đó nấu thành xôi. Khi xôi chín tới, một người cho xôi vào cối, rồi xoay mo cau theo nhịp giã của chày, theo sự chỉ dẫn của người kiểm tra độ nhuyễn của xôi. Một khuôn nếp được giã trong khoảng mười lăm phút với sự phối hợp nhuần

Sau khi cho nhân, bánh được đặt lên miếng lá chuối xanh đã cắt thành hình tròn hoặc vuông cỡ bằng lòng bàn tay người lớn. Dùng tay dẹt xuống một chút là có cái bánh chì trông rất đẹp mắt.

Một chiếc bánh chì hoàn thành, có dẻo thơm hay không chính là nhờ công đoạn chọn nếp nấu xôi và đều tay giã. Xôi chín đổ vào cối giã ngay khi còn nóng, đến khi hạt gạo quện vào nhau thành vỏ bánh rất trong và dẻo.

Ngắm nhìn các bà, các chị, các mẹ làm bánh lạnh nghề thao tác các công



Bánh chì. Ảnh: Tư liệu

nhuyễn, ăn ý giữa người giã, người xoay mo cau, người kiểm tra độ dẻo của nếp. Phải giã trong lúc xôi còn nóng bánh mới có độ dẻo và bánh sẽ không bị lại gạo.

Khi xôi đã nhuyễn, vừa dẻo, dai và còn nóng hổi thì phải nhanh tay bắt từng viên tròn, cho vào đó nhân bánh. Nhân bánh có thể có vị ngọt với đậu xanh ngào đường hoặc vị mặn cũng với đậu xanh nêm chút gia vị muối, mì chính, ít hạt tiêu giã nhỏ.

đoạn liên hoàn và thành thực, động tác khéo léo, nhẹ nhàng và toát ra tính “nghệ thuật” riêng có của nghề, khiến người xem có cảm xúc cảm, có niềm vui ấm áp, giàu tính dân gian.

Bánh chì Cẩm Phô nổi tiếng vì sản phẩm có từ lâu đời, bánh có mùi thơm dân giã mà quuyến rũ, mịn màng và dẻo mềm, sau từ ba đến 5 ngày vẫn dẻo thơm khi được gói bằng lá chuối tươi có lóng qua một chút mỡ lợn quê. Ngày giỗ, ngày

tế, đám cưới đám ăn hỏi nào sắm được bánh chì chính hiệu để làm phẩm vật trên bàn ăn là điều may mắn và tự hào.

Người dân làng Cẩm Phô, cho dù đi làm ăn ở bất cứ nơi đâu những khi nhắc tới thứ bánh chì vừa dẻo vừa thơm ở quê nhà, thứ bánh “ăn một lần nhớ mãi”, thứ bánh chì tròn phẳng biểu tượng về vũ trụ “trời tròn, đất vuông” của Việt Nam ta!

Mỗi món với một thiết kế riêng, không gian riêng, hương vị riêng

Ngày Tết ở bàn thờ, người dân ở làng Mai Xá Chánh và Cẩm Phô cũng không thể thiếu món mứt gừng, mứt bí đao, mứt khoai lang, mứt sắn dây và mứt hạt đậu (đậu phụng rang xen nước đường). Đón khách nên nhà nhà đều có, dưa món, hành kiệu, thịt bò, thịt trâu nướng lá trơ, thịt heo, thịt bò hầm nước mắm, nem, chả, tré... Các món ngọt như: bánh mứt các loại. Các loại rượu, beer, nước giải khát, trái cây... rồi thăm viếng nhau, mời mọc, tiếp đãi ân cần nên có thể hấp thụ dưỡng chất không sợ thiếu, chỉ sợ thừa.

Mỗi độ Xuân về, cả nước nói chung và người làng Mai Xá Chánh, Cẩm Phô nói riêng, bánh tết, bánh chưng dĩ nhiên không thể thiếu. Nếp được ngâm nước lạnh chừng vài giờ, để ráo rồi gói với nhân đậu xanh nhuyễn bọc mỡ tươi nấn thành thỏi dài hay vuông, buộc chặt bằng lạt giang. Tùy nhân khẩu mỗi nhà mà nấu nồi to hay nhỏ. Nấu từ trưa 30 tới trước giờ giao thừa mới vớt bánh ra. Quanh bếp lửa râm rần những câu chuyện kể, có người thân ở xa quê về làng càng nồng đậm không khí hàn huyên. Bên bếp lửa hồng kêu tí tách, mùi nếp mới, mùi nhân bánh đậu xanh và thịt mỡ tiêu hành bốc lên thơm lừng, cái lạnh lẽo hanh hao của đêm cuối đông như tan đi. Ngày Tết cùng với các món ẩm thực khác như giò, chả, nem, mứt thì tấm bánh tết, bánh chưng-một món ăn

dân tộc, là thành phần không thể thiếu trong lễ vật cúng tổ tiên. Và không thể không nhắc đến lời dạy của các cụ: “Thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ/Nêu cao, tràng pháo, bánh chưng xanh”.

Văn hóa ẩm thực dân gian làng Mai Xá Chánh, Cẩm Phô chứa đựng cả một thế giới sản vật, chan hòa từ chất liệu đến màu sắc, đậm đà hương vị nhờ thiên nhiên ưu đãi, có vườn rộng, sông dài. Từ đó hàng chục loại bánh dân gian ra đời. Điều đáng quý là bánh dân gian làng Mai Xá Chánh và Cẩm Phô vẫn lưu truyền qua nhiều thế hệ, được nhiều gia đình lưu giữ. Với sự sáng tạo, tìm tòi các món ăn lạ, các bà, các mẹ đã chế biến ra nhiều món ăn dân gian hấp dẫn, vừa ngon, vừa lạ, khiến thực khách thưởng thức không chê vào đâu được.

Tìm về cái Tết Nguyên Đán ngày xưa sau lũy tre làng Mai Xá Chánh và Cẩm Phô là tìm về nét đẹp đậm đà bản sắc văn hoá dân tộc và cũng để hiểu hơn đời sống sinh hoạt của ông cha ta xưa. Ẩm thực Quảng Trị nói chung, Mai Xá Chánh và Cẩm Phô nói riêng, mang dấu ấn của vùng đất có bề dày lịch sử, là nơi hội lưu nhiều dấu ấn của các nền văn hóa. Mỗi chiếc bánh, mỗi món ăn như một tác phẩm nghệ thuật, có cả trời và đất, âm và dương trong đó. Mỗi món đều mang một giá trị vật chất lẫn tinh thần, ai nhìn vào cũng có cảm giác thích thú, thèm ăn vì đó không chỉ đơn thuần là ăn mà còn là văn hóa, là quốc hồn, quốc hươg.

N.V.T



Ngày tết học tập tinh thần tiết kiệm của Bác Hồ

Nguyễn Quốc Thanh

Trưởng Khoa Nhà nước và pháp luật,
Trường Chính trị Lê Duẩn

Cả cuộc đời Bác luôn nêu cao tấm gương sáng về lối sống giản dị và thực hành tiết kiệm cho toàn Đảng, toàn dân, toàn quân noi theo. Bác dặn: Một tấm gương sáng hơn một trăm bài diễn văn hay. Bác để lại muôn vàn tình thương yêu, một đời thanh bạch chẳng vàng son cho các thế hệ mai sau.

Đầu năm 1947, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của Nhân dân ta mới bắt đầu chưa được hai tháng. Ngày tết cổ truyền của dân tộc ta năm ấy (Đinh Hợi), Bác Hồ vẫn làm việc như mọi ngày và ngày hai bữa ăn cơm độn sắn, như bữa ăn bình thường của một gia đình nông dân nghèo Việt Nam.

Sau ngày thắng lợi chống thực dân Pháp, về ở Thủ đô Hà Nội, Bác Hồ thường căn dặn mọi người phải thực hành tiết kiệm, tiết kiệm lao động, tiết kiệm thời gian, tiền bạc; phải tiết kiệm từ các to đến cái nhỏ, không xa xỉ, hoang phí, không bừa bãi, phô trương hình thức. Bác sống cả cuộc đời thanh bạch từ ăn, ở đến phương tiện sử dụng phục vụ công việc hằng ngày.

Bác dạy tiết kiệm từng những việc làm cụ thể: Về thời gian, ai mang thời gian đi vứt là người ngu dại. Từ chủ tịch chính phủ cho đến nhân viên văn phòng, người quét dọn trong cơ quan nhỏ, đều là những người ăn lương của dân, làm việc cho dân, dân đã lấy tiền mồ hôi nước mắt để trả lương... cho nên làm việc phải đúng giờ, chớ đến trễ về sớm.

Năm 1964, Bác về thăm Bộ Công nghiệp nặng, Bác dặn: Các cháu không được đi muộn, về sớm, cải tiến kỹ thuật để tăng năng suất lao động. Nghe rất dễ hiểu, bởi vì Bác Hồ đã cụ thể hoá học thuyết Mác – Lênin vào cụ thể cách mạng Việt Nam qua nội dung thời gian lao động tất yếu và thời gian lao động thặng dư. Làm như vậy mới tạo ra được năng suất lao động, nhằm xây dựng cơ sở vật chất đi lên chủ nghĩa xã hội.

Nhà ở của Bác là ngôi nhà sàn gỗ lợp ngói, trên gác có hai phòng mỗi phòng hơn 10m², nhưng Bác thấy lãng phí và Bác đã đề nghị đồng chí Phạm Văn Đồng sử dụng một phòng để khỏi lãng phí. Bữa ăn của Bác như bữa ăn của mọi nhà: Bát canh, quả cà, con cá kho hoặc lát thịt kho. Khi ăn, Bác tém vén không để rơi một hạt cơm, bởi vì Bác tiết kiệm công sức của người nông dân làm ra lúa gạo một nắng hai sương. Chuyện nhỏ, đức lớn hài hoà ở một con người.

Bác mặc bộ quần áo kaki đã sờn cổ, sờn tay, xin được thay bộ khác, Bác bảo: Nếu thi sang thì thua, thi tiết kiệm thì thắng. Bác mặc như thế phù hợp



với hoàn cảnh của đất nước của dân không phải thay, vì Nhân dân miền Nam còn mặc quần đùi, áo sờn vai đánh Mỹ. Xưởng may X biểu Bác bộ quần áo kaki mới, Bác nhận, nhưng rồi Bác gửi lại xưởng may để làm phần thưởng thi đua.

Từ thực tiễn cuộc sống, Các Mác chỉ rõ: Nhu cầu con người không bao giờ vượt quá hình thái kinh tế xã hội. Bác Hồ cũng vậy, Bác dặn: Người ta ai cũng muốn ăn ngon mặc đẹp, nhưng muốn phải cho đúng thời, đúng hoàn cảnh. Trong lúc Nhân dân ta còn thiếu thốn mà

nhỏ đủ viết, thì chớ dùng một tờ to. Một cái phong bì có thể dùng hai, ba lần”. Bác chỉ rõ: Làm được những việc nhỏ thì sẽ thành cái to, nơi nào tiết kiệm một chút, thì trong một năm đỡ được hàng vạn tấn giấy, tức là hàng triệu đồng bạc. Nhờ tiết kiệm mà lợi cho dân rất nhiều. Bác dạy: “Một dân tộc biết cần, kiệm, biết liêm là một dân tộc giàu về vật chất, mạnh về tinh thần, một dân tộc văn minh tiến bộ”.

Với xu thế chung, đất nước ta đã và đang hội nhập sâu, rộng vào nền kinh



Bác Hồ về thăm và nói chuyện với công nhân xây dựng Khu Công nghiệp Việt Trì ngày 13/4/1959. Ảnh tư liệu

một người nào đó muốn riêng hưởng ăn ngon, mặc đẹp, như vậy là không đạo đức. Bác thường xuyên nhắc nhở coi đạo đức là cái gốc của người cách mạng, của con người.

Ngoài chân lý đơn giản của con người ăn, ở, mặc, đi lại... Trong công việc Bác Hồ rất tiết kiệm, tiết kiệm đến cái nhỏ như tờ giấy: “Giấy bút, vật liệu đều tốn tiền của chính phủ, tức là của dân; ta cần phải tiết kiệm. Nếu một miếng giấy

té thế giới, phấn đấu đưa nước ta phát triển theo hướng công nghiệp hiện đại. Để thực hiện mục tiêu đó, trong mỗi chúng ta cần phải học tập và làm theo đạo đức, phong cách của Bác, đặc biệt là thực hiện lời dạy của Bác về tiết kiệm và chống lãng phí. Mỗi cấp, mỗi ngành, mỗi cán bộ, đảng viên và Nhân dân cần tích cực thi đua hăng say lao động, học tập, sản xuất, chớp lấy thời cơ thách thức để thúc đẩy nền kinh tế nước nhà

phát triển. Trước hết, mỗi người chúng ta phải thực hành tiết kiệm. Tiết kiệm trong bữa ăn hàng ngày, trong liên hoan, tiếp khách, trong đám cưới, lễ hội... Đến công sở chúng ta tiết kiệm từng chai nước, tờ giấy, phương tiện. Bác dặn: Không nên lấy của công mà làm việc tư, vì vậy phải sử dụng xe công cho có hiệu quả. Làm việc phải đảm bảo thời gian, không bị lãng phí thời gian một cách vô ích. Ngày nay, học Bác là học tinh thần về tiết kiệm, chứ không phải chúng ta mặc áo vá là học Bác, vì vậy tiếp tục hoàn thiện bản chất con người Việt

Nam, như Bác chỉ rõ: Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội phải có con người xã hội chủ nghĩa.

Xuân Tân Sửu - 2021 đã đến, nhớ Bác chúng ta ôn lại những lời khuyên của Người về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí để Tết đến với mọi nhà, mọi người với không khí vui tươi, phấn khởi, an toàn, lành mạnh, tiết kiệm là một cách thiết thực nhất “Học tập và làm theo tấm gương đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”./.

N.Q.T





co.opmart Đông Hà

Địa chỉ: 02 Trần Hưng Đạo - TP.Đông Hà - tỉnh Quảng Trị

Số điện thoại: 02 333 666 999 - Fax: 02 333 666 995

Email: cmdongha@coopmart.vn

KÍNH MỜI CỘNG TÁC ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ - SỐ 2/2021

Đặc san Khoa học và Công nghệ Quảng Trị số 2.2021 dự kiến xuất bản vào tháng 5.2021 với các nội dung: Chào mừng Ngày Khoa học và Công nghệ Việt Nam 18/5, ngày Sở hữu trí tuệ 26/4... Tuyên truyền các hoạt động và thành tựu KH&CN trong tỉnh, trong nước góp phần phát triển kinh tế - xã hội và các hoạt động liên quan khác,... Giới thiệu, quảng cáo các thành tựu hoạt động của các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh.

Trân trọng kính mời các cộng tác viên tham gia gửi bài viết, hình ảnh và các thông tin liên quan đến nội dung trên.

Liên hệ gửi về địa chỉ: Trung tâm Nghiên cứu, Ứng dụng và Thông tin KH&CN, Đường Điện Biên Phủ, Đông Lương, TP. Đông Hà, Quảng Trị Điện thoại: 0233 3857 030; E-mail: dacsan.khcn.kt@gmail.com

Trân trọng cảm ơn!

BBT ĐẶC SAN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ



2021
HAPPY NEW YEAR

Chúc Mừng Năm Mới
TÂN SỬU



*Công ty Cổ Phần Khoáng sản Quảng Trị
là bạn đồng hành tin cậy của các đối tác và khách hàng*



CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN QUẢNG TRỊ
QUANG TRI MINERAL JOINT STOCK COMPANY

Add: Vinh Linh - Quang Tri * Tel: 02333.820028 * Fax: 02333.621848 * Web: www.qmc-titanium.com

Kính biểu!